

E-RÔ-NÔ MUN-ĐA-SÉP

CHÚNG TA
THOÁT
THAI
TỪ
ĐẦU

SÁCH THAM KHẢO

GIÁO ĐÌNH



Chúng ta thoát thai từ đâu, (nguyên bản tiếng Nga)

Tác giả : E Rơ Nơ Mun Đa Sép

Dịch giả : Hoàng Giang

Nhà xuất bản Thế Giới –2002

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Giới thiệu tác giả

E-Rơ-Nơ Mun-Đa-Sép là tiến sĩ y học, giáo sư, Giáo đốc trung tâm phẫu thuật mắt và tạo hình Liên Bang Nga của Bộ Y tế Nga, thầy thuốc Công Huân, huy chương “Vì những cống hiến cho ngành y tế nước nhà”, nhà phẫu thuật thượng hạng, nhà tư vấn danh dự của Đại học Tổng Hợp Lu-In-Svin (Mỹ), viện sĩ Viện Hàn Lâm nhân khoa Mỹ, bác sĩ nhãn khoa có bằng của Mê-hi-cô, kiện tướng môn du lịch thể thao, ba lần kiện tướng Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa Xô Viết.

E-Rơ-Nơ Mun-Đa-Sép là nhà bác học lớn có tên tuổi trên trường quốc tế... Ông là người khai sáng phương hướng mới trong y học - phẫu thuật tái sinh (tức phẫu thuật “cấy ghép” mô người). Ông là người đầu tiên trên thế giới tiến hành phẫu thuật cấy ghép mắt thành công. Hiện nay ông đang nghiên cứu những cơ sở của phẫu thuật tái sinh hàng loạt các bộ phận cơ thể người.

Nhà bác học đã nghiên cứu 90 loại phẫu thuật mới, sáng chế và đưa vào ứng dụng 60 loại nguyên liệu sinh học alloplant, được đăng trên 300 công trình khoa học, nhận 56 bằng sáng chế của Nga và nhiều nước khác trên thế giới. Đi thỉnh giảng và phẫu thuật trên 40 nước. Hàng năm giải phẫu từ 600 đến 800 ca phức tạp nhất.

E-Rơ-Nơ Mun-Đa-Sép thú nhận rằng cho đến giờ ông vẫn chưa hiểu hết thực chất của sáng chế chủ yếu của mình là nguyên liệu sinh học “Allpolant” được chế tạo từ mô người chết mang trong mình nó những cơ cấu tự nhiên cao sâu trong việc sáng tạo cơ thể con người, vì thế trong quá trình nghiên cứu ông không chỉ tiếp xúc với các nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực (vật lý học, sinh học phân tử, ...) mà còn tìm hiểu cơ sở của các tín ngưỡng tôn giáo và huyền học, nghiên cứu năng lượng tâm thần và những vấn đề liên quan đến nguồn gốc loài người và vũ trụ.

Phần 1

Hình học nhãn khoa - Phương pháp mới trong nghiên cứu vấn đề nguồn gốc loài người.

...

Tóm lại, chúng tôi đã tìm được trong các đường nét chung về nguyên lý phục chế khuôn mặt dựa vào các đặc trưng hình học của mắt.

Sau này trên cơ sở số liệu của 1500 cá nhân, các nguyên lý tái tạo lại khuôn mặt dựa vào các đặc trưng hình học của hai hình tứ giác đã được xác định rõ thêm. Song không thể đạt được độ chính xác lớn hơn. Vì sao vậy ? Vấn đề là ở chỗ chúng tôi mới xác định được 22 đặc trưng hình học nhãn khoa trong khi các hình tứ giác nêu trên chỉ thể hiện được 2 trong số đó. Nhưng việc cùng một lúc phân tích tất cả 22 thông số quá phức tạp, chúng tôi đã không kham nổi.

Hơn nữa, tất cả 22 thông số đó thường xuyên thay đổi tùy thuộc vào xúc cảm, tâm trạng con người, bệnh tật và các yếu tố khác.

Các hạnh nhỏ dưới vỏ não của con người có sức tính toán lớn biết chừng nào khi xử lý các thông tin hình học nhãn khoa ! Bởi chúng phải có khả năng xử lý loại thông tin cực kỳ phức tạp đó trong nháy mắt và truyền vào vỏ đại não dưới dạng các hình ảnh, cảm giác và tình cảm khác, mặc dù kích thước các hạch não đó (gần 1 cm) không thể so sánh với kích thước một chiếc máy tính hiện đại. Chúa Trời thật vĩ đại. Người đã tạo ra bộ não hoàn chỉnh như một cỗ máy !

Còn chúng tôi chỉ xử lý về mặt toán học được 2 trong số 22 thông số hiện hữu ! Nhưng thành quả toán học nhỏ bé đó cũng đã cho phép chúng tôi khá vững tin mà nói rằng, các thông số hình học nhãn khoa của mỗi người mang tính cá thể nghiêm ngặt và là cái gì đó tựa như “vết bết”. “Vết bết” hình học nhãn khoa đó thường xuyên thay đổi, tùy thuộc vào cảm xúc và các yếu tố khác, song về đại thể vẫn giữ được tính chất cá thể bẩm sinh.

Đồng thời các thông số hình học nhãn khoa cá thể gắn liền với các đặc trưng hình học của đường nét khuôn mặt và thậm chí một vài bộ phận cơ thể. Bởi vậy, có thể tái tạo hình dạng người trong giới hạn phỏng chừng dựa trên các đặc trưng hình học của khu vực mắt. Chính vì thế, khi nhìn vào mắt người khác, ta biết nhiều điều hơn chứ không chỉ có đôi mắt.

Và cuối cùng : hằng số duy nhất của cơ thể con người là đường kính giác mạc, nằm trong phạm vi sơ đồ hình học nhãn khoa như thể gợi ý với ta rằng, đó chính là đơn vị đo lường trong hình học nhãn khoa.

Đôi mắt phản ánh gần như tất cả những gì diễn ra trong cơ thể và trong não và có thể

nhìn thấy cái “tất cả” đó dựa vào sự biến đổi của 22 (mà biết đâu lại nhiều hơn vậy) thông số của khu vực mắt. Tất nhiên, trong tương lai, hình học nhãn khoa sẽ được nghiên cứu đến nơi đến chốn và giải đáp được nhiều câu hỏi của y học và tâm lý học. Nói một cách có hình tượng thì hình học nhãn khoa là hình ảnh toán học của các tình cảm và cảm giác.

Ánh mắt hoạt động như tia quét xóa lượng thông tin ở khu vực mắt, nơi mà nhờ các chuyển động vô cùng nhỏ của mí mắt, long mày, nhãn cầu và da, phản ánh tình cảm và cảm giác của chúng ta đồng thời nhận biết được cá tính mỗi con người. Chúng ta nhìn vào mắt nhau bởi đôi mắt cung cấp thêm thông tin cho ta về cá nhân con người và các biến đổi của nó do tác động của các tình cảm, cảm giác.

Các phương pháp ứng dụng hình học nhãn khoa.

...

Có thể phân ra các phương pháp ứng dụng thực tế của hình học nhãn khoa: đồng nhất cá thể (giống như vân tay người), tái tạo hình dáng người, xác định đặc điểm trí tuệ cá nhân, phân tích khách quan tình cảm và cảm giác con người, chuẩn đoán các bệnh tâm thần, xác định dân tộc và ... nghiên cứu nguồn gốc loài người.

chú thích : đường kính giác mạc dường như không hề thay đổi, dù là người Âu, người Á, dù già hay trẻ, thì kích thước đường kính không thay đổi. Có vẻ đó là 1 hằng số của nhân loại.

Chương 2

“Đôi mắt thống kê trung bình”.

Các lộ trình di cư của loài người trên trái đất.

Ở chương trên tôi có nói có thể nghiên cứu chủng tộc loài người nhờ hình học nhãn khoa.

Vấn đề về sự xuất hiện các chủng tộc người thật lý thú. Thật vậy, vì sao con người sống ở các miền khác nhau của hành tinh chúng ta lại không giống nhau ? Liệu có qui luật ngoại hình con người thay đổi tùy thuộc vào khu vực sinh sống không ? Trung tâm phát sinh loài người nằm ở đâu ? Chúng ta có nguồn gốc từ đâu ?

Nhiều học giả đã cố gắng tìm lời giải đáp cho các câu hỏi đó. Người thì chứng minh con người có nguồn gốc thần thánh (các nhà duy tâm), người thì bảo từ khi sinh ra (các nhà duy vật theo học thuyết Đác-Uyn). Trong nhóm thứ hai có các nhà bác học

cho rằng các chủng tộc người khác nhau xuất thân từ các loài khỉ khác nhau.

...
“Đôi mắt thống kê trung bình”

Đi tìm lời giải cho câu hỏi đã nêu ra, chúng tôi đã tính được “đôi mắt thống kê trung bình” trong số tất cả chủng tộc nhân loại. Hằng số của giác mạc đã cho phép chúng tôi tính được các thông số hình học nhãn khoa với những con số tuyệt đối.

Khi kết thúc công việc tính toán, chúng tôi sửng sốt : “đôi mắt thống kê trung bình” hoàn toàn rõ ràng là thuộc chủng người Tây Tạng !

- “Nhẽ nào Nhi-cô-lai Rê-rích có lý !”. Tôi kêu lên.

Từ nhỏ tôi đã sùng kính Nh. Rê-rích và coi ông là thần tượng của nền khoa học nước Nga. Vào các năm 1925-1935, ông đã tiến hành vài chuyến thám hiểm Tây Tạng và Hi-ma-lay-a, kết quả ra đời giả thuyết cho rằng loài người xuất hiện ở Tây Tạng và từ đó tỏa ra khắp trái đất. Nh. Rê-rích chỉ ra điều đó khi ông đang nghiên cứu các sự kiện lịch sử và tôn giáo.

Khi chúng tôi phân tích toán học con mắt của các chủng tộc khác nhau trên thế giới thì các thông số hình học nhãn khoa trung bình lại rơi vào chủng tộc Tây Tạng. Ngẫu nhiên chăng ? Liệu ở đây có sự tương tự trực tiếp không ?

...
Như vậy là, sau khi tách ra bốn rẽ chúng tôi đã sắp xếp được tất cả các chủng tộc nhân loại thuộc tất cả các rẽ đó theo mức độ xấp xỉ toán học của mắt với “đôi mắt thống kê trung bình”. Chúng tôi đã có một hệ thống cân đối.

Tiếp theo, chúng tôi đặt ảnh chụp các chủng tộc người trên thế giới vào địa điểm cư trú lịch sử của họ và nối chúng với nhau theo đúng tính xấp xỉ toán học của mắt theo bốn rẽ nêu trên. Vậy là chúng tôi có hình học nhãn khoa sơ đồ di cư của loài người trên trái đất.

Các lộ trình di cư của loài người trên trái đất

Theo số liệu hình học nhãn khoa loài người xuất hiện ở Tây Tạng và tỏa ra khắp thế giới theo bốn hướng chính :

+Lộ trình A: Xi-bi-ri -> Châu Mỹ -> Niu-di-lân

+Lộ trình B: Thái Lan -> In-đô-nê-xi-a -> Châu Úc

+Lộ trình C: Pa-mia -> Châu Phi

+Lộ trình D: Cáp-ca-dơ -> Châu Âu -> Ai-xlen

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hay là sự thống nhất các dân tộc

Đối với những người bình thường, từ “chủng tộc” thường mang ý nghĩa xấu, vì gọi người ta nhớ lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Giéc-manh và cuộc chiến do bọn phát xít gây ra nhằm phục vụ tư tưởng đó. Tôi xin nhắc lại lần nữa khái niệm “chủng tộc A-ri-ăng” không đúng đắn, bởi lẽ toàn bộ nền văn minh của nhân loại chúng ta đều gọi là nền văn minh A-ri-ăng (trước chúng ta đã tồn tại các nền văn minh của người Át-lan và người Lê-mu-ri), Hít-le và các tư tưởng gia trước hắn đã lấy tên gọi nền văn minh của toàn thể chúng ta ngày nay gán cho một dân tộc (người Đức) như thể muốn nhấn mạnh vai trò tuyệt đối của người Giéc-manh.

Song từ ngữ “chủng tộc” là khái niệm nhân chủng sinh học, đâu phải khái niệm chính trị. Ở đây không có sự tương thích giữa loại chủng tộc với năng lực trí tuệ và khả năng kinh doanh của con người. Hơn nữa, các phép tính hình học nhân khoa đã cho thấy sự phụ thuộc chặt chẽ trong sự biến đổi của mắt theo 4 con đường di cư từ Tây Tạng của loài người, không còn chỗ cho riêng bất cứ chủng tộc nào. Đồng thời cũng không thể cho rằng, những chủng tộc cuối cùng của mỗi lộ trình di cư là chủng tộc phát triển nhất. Xin hãy so sánh hai lộ trình di cư D và B - chủng tộc Bắc nằm ở cuối lộ trình D có trình độ phát triển cao và chủng tộc Úc bán khai ở cuối lộ trình B.

Theo tôi, mức độ phát triển của các chủng tộc không phụ thuộc vào dấu hiệu nhân chủng sinh học mà do bối cảnh họ đã có những thủ lĩnh thông minh, nhân hậu và sáng suốt có khả năng dẫn dắt dân tộc mình trên con đường tiến bộ và tạo dựng các điều kiện (ví dụ như nền dân chủ) để duy trì khởi điểm tiến bộ trong tương lai.

...

Như vậy, theo tôi, trình độ phát triển của một dân tộc do tính chất phát triển lịch sử quyết định: chủng tộc nào càng bước lâu trên con đường tiến bộ thì chủng tộc đó càng phát triển và ngược lại. Không thể có trạng thái ổn định trong một thời gian dài. Ổn định lâu dần sẽ tụt hậu. Chúa Trời đã tạo ra con người như một khởi nguyên không ngừng phát triển, như vậy, con người đã được định sẵn phải tiến bộ. Trong trường hợp ngược lại sẽ thái hóa và hóa hoang.

Trong số các tìm tòi và giả thuyết loại này, các nghiên cứu hình học nhân khoa cho thấy, loài người có một nguồn gốc duy nhất, sinh ra từ gen của một ông tổ và một bà tổ. Xuất hiện ở Tây Tạng, loài người đã tỏa ra khắp trái đất. Bởi lẽ đó, loài người đồng nhất về mặt sinh học và gen, người này là anh em hoặc chị em của người kia.

Chương 3

Hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng là của ai?

Khi phân tích con mắt của chủng tộc loài người, chúng tôi kết luận: nhân loại ngày

nay xuất hiện từ một nguồn gốc Tây Tạng duy nhất. Vậy thì câu hỏi sau cũng hợp lý: ai là người đầu tiên sinh ra loài người trên Tây Tạng ? Ai là ông tổ và bà tổ của con người ngày nay ?

Có nhiều giả thuyết về nguồn gốc con người trên trái đất. Phần lớn các nhà bác học theo trường phái duy vật thống nhất ý kiến: con người trên Trái đất có nguồn gốc từ loài vượn. Minh chứng của họ là hiện vật khảo cổ của người nguyên thủy và dụng cụ lao động thô sơ của họ (rìu đá, ...). Tiến trình phát triển từ vượn người đến con người hiện đại thật rõ ràng. Dường như không thể không tin vào điều đó.

Song toàn bộ tiến trình loài người hình thành từ vượn cũng có thể trình bày rõ ràng ngược lại-quá trình vượn hình thành từ người. Minh chứng cho điểm này không hề ít hơn so với trong giả thuyết của Đác-Uyn đang nói tới: trên Trái đất có không ít bộ lạc man rợ, mức độ hoang dã cho thấy họ gần với loài vượn hơn là loài người. Bởi vậy, cách lý giải nguồn gốc vượn của loài người không thật thuyết phục như thoát đầu ta tưởng.

Một số học giả lại cho rằng, nguồn gốc của loài người là người tuyết. Có lẽ “không có lửa làm sao có khói” và người tuyết có thật - nhiều dân tộc có truyền thuyết về người tuyết (ở Tây Tạng là Ê-chi, ở Ia-cút là Tru-trun, ...). Nhưng khoa học chưa vạch ra được các tương thích giữa người vượn và con người.

Có ý kiến cho rằng, hạt giống người do người hành tinh khác mang tới Trái đất, song chúng ta chưa có bằng chứng nghiêm chỉnh nào có lợi cho ý kiến trên.

Người có học nào cũng đã từng nghe các câu chuyện huyền thoại về những người Át-lan hùng mạnh sống trên Trái đất từ ngày xưa ngày xưa. Trong sách báo chuyên môn (E.B. Bờ-la-vát-cai-a, Các tín ngưỡng phương Đông ...) nói rằng, trước chúng ta trên Trái đất đã tồn tại vài nền văn minh cao hơn đáng kể nền văn minh chúng ta. Biết đâu chính những người Át-lan tiêu vong bởi một thảm họa toàn cầu đã gieo mầm sống cho nhân loại ngày nay ? Biết đâu Sam-ba-la huyền bí mà theo truyền thuyết cũng ở Tây Tạng có quan hệ tới nguồn gốc Tây Tạng của loài người ? Biết đâu lại có lý – điều khẳng định trong tín ngưỡng tôn giáo rằng : con người trên trái đất do Chúa Trời tạo nên bằng cách cô đặc dần phần Hồn và phát triển qua nhiều tầng bậc văn minh đã đến được thời đại ngày nay ?

...

Tôi nghĩ chúng ta đã bắt đầu nghiên cứu vấn đề này từ việc phân tích con mắt, vậy thì phải tiếp tục theo hướng đó. Như thế là “đôi mắt thống kê trung bình” của loài người khu trú ở Tây Tạng. Biết đâu sự kiện này là biến thái ngẫu nhiên cấu tạo mắt của

chúng tộc Tây Tạng, nhưng có thể nó mang một ý nghĩa sâu xa và thậm chí bí hiểm. Biết đâu người cổ đại đã nắm biết hình học nhãn khoa và để lại ở Tây Tạng các minh chứng dưới dạng hình vẽ con mắt mà dựa vào đó có thể tái tạo hình dáng con người họ ? Biết đâu chính “đôi mắt thống kê trung bình” đó lại là chìa khóa giải đáp câu hỏi chính của nhân loại - Tổ tiên chúng ta là ai ?

Song vô số điều “biết đâu” không thể làm thỏa mãn trí tò mò khoa học. Cần đi tìm sự thật.

Tám danh thiếp của các đền chùa Tây Tạng

Anh bạn tôi và là cộng sự trong nghiên cứu hình học nhãn khoa Va-lê-ri Lô-ban-cốp đi Tây Tạng để trèo lên một ngọn của dãy núi Hi-ma-lay-a. Trước khi lên đường, tôi bảo anh ấy:

- “Này Va-lê-ri ! Đến Tây Tạng cậu để ý xem, biết đâu trên các đền chùa ở đó lại có hình vẽ con mắt nào đó. Cậu biết đấy, không có lửa làm sao lại có khói: gì đi nữa thì “đôi mắt thống kê trung bình” của loài người là ở Tây Tạng” ...

Một tháng sau Va-lê-ri Lô-ban-cốp ở Tây Tạng về và gọi điện ngay cho tôi:

- “E-rơ-nơ này, tuyệt vời lắm ! Cậu thế mà có lý !”

- “Có chuyện gì vậy ?”

- “Cậu có bao giờ nghe nói tới “tám danh thiếp” của các đền chùa Tây Tạng không ?”

- “Không, là cái gì vậy ? Tớ đã bao giờ đến Tây Tạng đâu”...

- “Đền chùa nào của Tây Tạng cũng có như thể “tám danh thiếp” hình vẽ con mắt to tướng, khác thường ! Con mắt to đùng, đặc biệt ! Chúng nhìn ta như thể cả ngôi đền đang nhìn ta vậy” ...

- “Con mắt như thế nào mới được chứ ?”

- “Khác thường ! Không giống mắt người ! Mà cậu biết không, hình vẽ đúng phần mặt mà chúng ta đang tìm hiểu khi nghiên cứu hình học nhãn khoa”.

- “Không tưởng tượng được, một sự trùng lặp ! Tớ bị sốc khi nghe thấy chúng – hoàn toàn những cái mà chúng ta nghiên cứu ở con người, mọi thông số hình học nhãn khoa đều có, nhưng con mắt thì hoàn toàn khác”.

- “Được đấy” ! - tôi huýt gió một cái

- “Mà đền chùa nào ở Tây Tạng cũng có hình vẽ con mắt. To lắm - chiếm đến nửa tường, đúng là ai đó đã để lại hình vẽ con mắt đó như một vật thiêng” – Lô-ban-cốp nói tiếp- “Mà này, tuyệt vời đấy chứ, chúng ta đã tính được “đôi mắt thống kê trung bình” và cho rằng, chuyện đó chẳng phải là ngẫu nhiên và đấy” ...

- “Mà phải thôi, đâu phải tự nhiên mà “đôi mắt thống kê trung bình” mang máu sắc huyền bí vậy. Lo-gic khoa học đã đúng” ...

- “Không đâu trên thế giới có cái đó. Không một đền chùa nào trên thế giới lại có hình con mắt. Chỉ có ở đây, ở Tây Tạng, nơi mà “đôi mắt thống kê trung bình”...
- “Cậu có hỏi các vị lạt-ma mắt đỏ của ai không ?” – tôi hỏi
- “Dĩ nhiên rồi ! Một số lạt ma, chủ yếu bậc dưới, bảo đấy là mắt của Đức Phật, còn các lạt-ma khác (cao cấp) im lặng, chẳng nói gì cả” ...
- “Cậu hỏi vị lạt-ma bậc trên có tha thiết không ? Mắt đỏ của ai vậy ?”
- “Tớ hỏi tha thiết lắm chứ. Nhưng ... không nói gì hết, lái câu chuyện sang hướng khác, tớ có cảm giác bí mật của các con mắt đỏ rất quan trọng đối với họ. Biểu tượng ấy nói lên một điều gì đó rất nguyên tắc”, - Lô-ban-cốp nói.
- “Cậu có chụp ảnh các con mắt đỏ không ?”
- “Tất nhiên rồi ! Quay cả video nữa”.

Hôm đó tôi và Lô-ban-cốp gặp nhau. Tôi cùng với cậu ấy và Va-len-chi-na Ia-cốp-lê-va đưa hình những con mắt khác thường đó vào máy tính, lập biểu đồ theo các tiêu chí hình học nhãn khoa cơ bản và tiến hành phân tích. Như tôi đã viết ở phần trên cuốn sách, áp dụng các nguyên lý hình học nhãn khoa có thể tái tạo con người dựa vào đôi mắt với mức độ chính xác khác nhau.

Chúng tôi đã cố gắng làm việc đó – tái tạo con người có hai mắt được vẽ trên các đền chùa Tây Tạng.

Con mắt trên các đền chùa Tây Tạng nói lên điều gì ?

Tôi sẽ không dừng lại ở các chi tiết của phương pháp phục chế hình dáng con người có con mắt được vẽ trên các đền chùa Tây Tạng. Tôi chỉ lưu ý vài điểm dưới đây:

Thứ nhất, không có sống mũi mà trong hình vẽ con mắt bình thường bao giờ cũng có. Sự thiếu vắng sống mũi nói lên điều gì ? Chúng ta biết là sống mũi ở người hiện đại che khuất một phần thị trường từ phía trong: ở ngoài thị trường là 80 độ - 90 độ, bên trong là 35 độ - 45 độ. Bởi vậy người hiện đại có thị giác hai mắt (nhìn 2 mắt cho phép nhận biết khối của vật và khoảng cách tới vật đó) chỉ trong giới hạn 35 – 45 độ, chứ không phải 80 – 90 độ từ bốn phía. Sự bất tiện do sống mũi gây ra này chỉ nhận thấy dưới ánh sáng ban ngày, ánh sáng nhân tạo rõ hơn, và đặc biệt ánh sáng đèn đỏ cản trở đáng kể khả năng định hướng trong không gian. Trong trường hợp không có sống mũi con người sẽ nhìn được hai mắt trong phạm vi 80 – 90 độ từ bốn phía, điều này sẽ thuận lợi cho việc định hướng trong không gian dưới ánh sáng đỏ.

Có thể chủ nhân của con mắt Tây Tạng khác thường đó sống trong điều kiện ánh sáng đỏ ? Giả định này có sức nặng, bởi lẽ thị giác có một chức năng quan trọng. Như vậy, phải có những cơ chế thích ứng cho phép có một thị giác tốt nhất. Cơ chế thích ứng

dưới dạng khiêm khuyết sống mũi không quan trọng lắm đối với ánh sáng ban ngày bình thường, song trong điều kiện ánh sáng đỏ lại quan trọng.

Tôi liền tìm đọc sách của nhà tiên tri Nốt-tờ-ra-đa-mút (năm 1555) và được biết nền văn minh trước đây của người Át lan tồn tại trong môi trường có các màu sắc đỏ tía: bầu trời đỏ, cây cối đỏ ... Từ đó có thể kết luận rằng hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng là của chủ nhân nền văn minh trước đây - người Át-lan huyền thoại.

Giờ thì trời có màu xanh và mắt của chúng ta thích ứng với điều đó. Tôi có cảm giác, khi trục xoay của trái đất thay đổi, thì màu sắc của bầu trời cũng phải biến đổi. Cũng vẫn qua quyển sách của Nốt-tờ-ra-đa-mút ấy tôi được biết kết cục của thảm họa toàn cầu đã hủy diệt người Át-lan, trục quay của Trái đất đã thay đổi và hai cực đã chuyển chỗ.

Thứ hai, khúc lượn của hình hai mí mắt trên đền chùa Tây Tạng không bình thường. Nếu mí mắt trên của người hiện đại có hình vòng cung rõ ràng thì mí mắt trên của hình vẽ lại nhô xuống như buông rủ xuống giác mạc.

Điều đó có thể minh chứng cho điều gì ? Trước hết, khi nhắm, khe mắt không kín hoàn toàn do đoạn thông xuống của mí trên cản trở. Vì không có sống mũi và nhìn cả 2 mắt trên toàn thị trường, kể cả ngoại vi, nên chủ nhân con mắt Tây Tạng khác thường có khả năng nhìn thấy ngay cả khi 2 mắt khép hờ. Dĩ nhiên, thị giác kiểu này (tức là khi khép hờ mắt) không phải tốt lắm, nhưng hoàn toàn đủ để định hướng trong không gian.

Người hiện đại khi khép hờ mắt không có “thị giác định hướng” kiểu như vậy. Bởi vì không có thị giác hai mắt ngoài rìa (do sống mũi) và mí mắt trên không có khả năng khép kín diện tích chính của bề mặt giác mạc để phần còn lại của khe mắt hé mở.

Thuộc tính bảo tồn “thị giác định hướng” trong trạng thái khép hờ của con mắt Tây Tạng khác thường đã làm xuất hiện một cơ chế thích ứng nữa : đuôi khe mắt dài ra và giãn ra vào phía trong và xuống dưới. Điều này chứng minh có sự tiết và chảy nhiều nước mắt để duy trì độ ẩm cho mắt khi khe mắt không khép kín...

Vì sao khe mắt lại không khép kín và vẫn giữ được “thị giác định hướng” ? Chúng tôi không tìm được cách giải thích nào khác ngoài sự cần thiết bảo vệ lớp giác mạc mỏng manh khi phải bơi nhanh dưới nước. Người có hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng có thể bơi lội nhanh dưới nước, ... Sự thích nghi này của con mắt chứng tỏ rằng

những con người này vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước.

...

Từ kết luận đó chúng tôi bổ sung thêm vào dung mạo người Át-lan giả thuyết. Họ phải có lồng ngực to và hai lá phổi phát triển để trong khi bơi lội có một lượng không khí dự trữ lớn.

...

Thứ ba, ở tại chỗ cái mũi của hình vẽ trên các đền chùa Tây Tạng là vòng xoắn ốc. Cái gì vậy ? Xem trọng giả định người Át-lan vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước, chúng ta có thể nghĩ vòng xoắn ốc có vai trò như một lỗ thở nhỏ. Giải phẫu lỗ thở kiểu van này có ở các động vật biển (cá heo, cá voi ...) nó đảm bảo ngăn chặn nước xâm nhập vào đường hô hấp khi đang ở dưới nước.

...

Thứ tư, ở trung tâm phía trên hình hai con mắt một chút có một vết giống cái giọt. Nó ở tại chỗ mà phụ nữ Ấn Độ vẽ cái dấu trang điểm. Cái gì vậy ? Có thể giả định rằng cái vết có hình giọt đó mô phỏng “con mắt thứ ba”.

Được biết ở một thời xa xưa, con người có “con mắt thứ ba” (các dữ liệu của phôi học cho thấy điều này). Còn ngày nay, ở người hiện đại “con mắt” đó vẫn còn ở dạng tuyến tủy (đầu xương) ẩn sâu trong lòng bộ não. “Con mắt thứ ba” được coi là cơ quan năng lượng sinh học của con người (thần giao cách cảm...) và theo các truyện huyền thoại nó có thể làm nên những điều kỳ diệu : truyền ý nghĩ qua khoảng cách, tác động lên trọng lực, chữa bệnh ... Mà biết đâu cái đốm trên trán phụ nữ Ấn Độ là biểu tượng cho sự tưởng nhớ tới cái cơ quan diệu kỳ đó của con người.

...

Trên cơ sở những nhận định trên, chúng tôi đã giả định rằng hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng là của người thuộc nền văn minh trước chúng ta, tức Át-lan. Phân tích các con mắt đó cho thấy, người Át-lan giả định có một cơ thể to lớn, chắc chắn là rất cao, họ sống vừa trên cạn vừa dưới nước và trong hoạt động canh nông đã sử dụng sức mạnh của “con mắt thứ ba”.

Chúng tôi lại một lần nữa ngạc nhiên trước sự trùng khớp : “đôi mắt thống kê trung bình” của người hiện đại “khu trú” ở Tây Tạng và chính nơi này người Át-lan giả thuyết đã để lại kỷ niệm về mình dưới dạng con mắt, mà dựa vào đó, có thể suy xét về ngoại hình và cách thức sinh sống của họ.

Phần 2

"SOHM" - BỨC THÔNG điệp CUỐI CÙNG gửi NHÂN LOẠI
(Những điều phát lộ tại Ấn Độ).

Chương 1

Tổ chức thám hiểm quốc tế tìm kiếm nguồn gốc phát sinh loài người.

Nhằm khẳng định hoặc phủ định giả thuyết của chính mình, chúng tôi đã tổ chức chuyến thám hiểm quốc tế, thành phần, ngoài Nga ra, còn có đại diện của Ấn Độ và Nê Pan. Chuyến thám hiểm được tổ chức dưới sự bảo trợ của Viện khoa học Quốc Tế thuộc Liên Hiệp Quốc. Tổ chức này bao gồm các học giả hàng đầu thế giới, trong đó có cả những người đạt giải thưởng Nô-ben, rất quan tâm tới các nghiên cứu của chúng tôi.

...

Lộ trình chúng tôi chọn đi qua nhiều đô thị và khu dân cư của Ấn Độ và Nê Pan, nơi tập trung nhiều đền chùa Ấn Độ giáo và Phật giáo lý thú về mặt khoa học. Tại các thành phố đó, chúng tôi có kế hoạch gặp gỡ các học giả nghiên cứu lịch sử tôn giáo. Chúng tôi còn có các dự định tìm đến các chùa nhỏ Nê Pan ở cao trên núi và tiếp chuyện các tu sĩ ẩn dật. Đến Ấn Độ có ba người: Xéc-gây Xê-li-vê-tốp, Vê-nê Ga-pha-rốp và tôi. Sau Ấn Độ chúng tôi phải đáp máy bay sang Nê Pan, ở đó đã có mặt Va-lê-ri Lô-ban-cốp và Va-len-chi-na Ia-cốp-lê-va đang tiến hành nghiên cứu. Tại Ấn Độ và Nê Pan có thêm các thành viên người Ấn (bác sĩ Pa-ri-tra) và người Nê Pan (Séch-can A-ri-en và Ki-ram Bút-đa-a-tra-rai). Rất may là mọi người đều nói tiếng Anh, người nói thạo, người nói kém hơn, nhưng tất cả đều có thể trao đổi bằng ngôn ngữ đã trở thành phương tiện giao tiếp quốc tế. Các đoàn viên người Ấn Độ và Nê Pan còn biết thêm tiếng địa phương: tiếng Nê Pan và Hin-đu.

Chương 2

Người thường biết gì về nguồn gốc loài người

Nếu đặt câu hỏi này với những thường dân ở Nga, Mỹ, Đức và các nước tương tự như vậy thì ai đó sẽ đáp rằng người từ khỉ mà ra, người thì bảo hạt giống loài người đã được đem từ vũ trụ vào Trái đất, còn đại đa số sẽ nhìn bạn như thằng dở hơi và thốt rằng: “Tôi không biết”, cố tỏ ra họ chẳng cần biết điều đó, trong cuộc sống có biết bao vấn đề phải quan tâm, nào là làm vườn, đi mua hàng, lo trả các khoản nợ nần ... Đối với câu hỏi khiêu khích một trong các thuyết Đác-uyn cho rằng con người có nguồn gốc từ các loài khỉ khác nhau phần lớn sẽ phủ định Đác-uyn và chắc hẳn phân vân không biết chọn con khỉ nhỏ Macac hay con hắc tinh tinh và càng thấy người anh em họ hàng như vậy chẳng đáng kính trọng.

Thậm chí, ở Ấn Độ, chẳng ai hé răng về con khỉ, còn câu hỏi khiêu khích nọ chỉ gây buồn cười mà thôi. Ở đây, khỉ nhảy nhót trên nóc nhà và thường xuyên có mặt bên

các hồ rác, có lẽ chúng cũng gây nên các nỗi niềm như lũ chim bồ câu và quạ bên nước chúng tôi, và chẳng ai có thái độ sùng kính của con cháu đối với chúng. Bò lại là chuyện khác- đó là những con vật thiêng.

Dân chúng các nước này tin vào nguồn gốc thánh thần của loài người. Người thường dĩ nhiên chẳng thể lí giải được thế nghĩa là thế nào. Từ nhỏ họ đã thuộc lòng các điều sơ thiếu của Phật giáo, họ không hiểu nhiều luận điểm khoa học sâu sắc của học thuyết vĩ đại của Đức Phật, trong khi đó lại biết các thuật ngữ như: “thiền định”, “con mắt thứ ba”, lòng từ bi. Thường dân các nước này trước hết chân thành tin vào sự vĩ đại của nhận thức tôn giáo về thế giới và tin chắc vào sự cần thiết phát triển tâm linh, còn đáp lại câu hỏi về thực chất của giáo lý thì họ vì kém phát triển và ngôn ngữ nghèo nàn chắc chắn sẽ trả lời: “cái đó phức tạp lắm”.

Theo cách nhìn của tôi Phật giáo là tín ngưỡng thế giới mang tính khoa học sâu sắc hơn cả, người thường và cả các học giả không dễ gì lĩnh hội bởi các biểu tượng của nó bị vật chất hóa quá mức.

...

Mọi người khác nhau và quan điểm của họ về vai trò của các yếu tố vật chất và tinh thần trong đời sống cũng không giống nhau. Dù vậy, mọi người vẫn giống nhau dù chỉ với một nghĩa là họ có chung một nguồn gốc. Tất nhiên mãi quay cuồng với cuộc sống và những vấn đề đời thường, mấy người suy nghĩ sâu xa. Nhưng bất kể ai, kể cả người ít học nhất cũng thắc mắc không biết tổ tiên họ là ai ?

Chương 4: Gặp gỡ Thầy

Thành phố tiếp theo của Ấn Độ (Tran-đi-ga) đón chúng tôi bằng một đợt nóng dữ dội. Như ở các thành phố khác, ở đây chúng tôi cũng tổ chức hội nghị dành cho các bác sĩ nhãn khoa, biểu diễn phẫu thuật mắt. Cuối hội nghị chúng tôi cũng trình bày giả thuyết về nguồn gốc loài người và thu thập các ý kiến: nên gặp ai trong số các thủ lĩnh tôn giáo ?

Nhiều người được nêu ra, song ai nấy đều đặc biệt nói tới 1 người, đó là đạo sư Swami Xáp-va Ma-na-an. Họ nói rằng, vị này nắm nhiều kinh nghiệm huyền bí của Swami. Trong lúc chuyện trò ông có thể thôi miên từ xa, rằng, đạo viện Ra-ma Cờ-ri-sơ-na mà vị này trụ trì là một trong các đạo viện hàng đầu của Ấn Độ và vị đạo sư này được truyền nhiều kinh nghiệm đặc biệt.

Người cha của vị bác sĩ nhãn khoa đầu ngành của thành phố đã bố trí buổi gặp gỡ với vị đạo sư, vì ông ta trực tiếp biết Thầy. Trên đường tới đạo viện đó, chúng tôi đã hỏi

nghĩa của từ “Thầy” và “Swami”. “Thầy” là người nắm các kinh nghiệm tôn giáo sâu sắc và tự quyết định truyền nó cho ai và ở chừng mực nào. Người ta cho rằng, trí tuệ thượng đẳng ảnh hưởng tới con người thông qua các vị “Thầy”. Còn “Swami” là chức sắc tôn giáo cao nhất của đạo Hin-đú.

- Tôi xin lưu ý các vị - cha của vị bác sĩ nhãn khoa nói – “Thầy đã biết mục đích chuyến viếng thăm của các vị. Cố gắng để ngài mau chóng thuyết giáo, lúc ấy là ngài thôi miên tác động lên các vị đấy. Các vị cố đứng vững trước cái nhìn của ngài. Nếu không chịu được, ngài sẽ cho các vị là yếu ớt và không hé mở điều gì. Tự Thầy quyết định truyền những kinh nghiệm gì và truyền cho ai”.

Đạo viện của Ra-ma Cờ-ri-sơ-na được xây cất theo tinh thần khổ hạnh. Không có một thứ nào thừa, tường, sàn, trần nhà bình thường. Trên tường treo tranh vẽ các thủ lĩnh tôn giáo. Sắc điệu nhất quán, tất cả đều màu vàng da cam.

Thầy cũng vận áo quần một màu vàng da cam. Một đoàn tùy tùng năm người hộ tống ngài. Chúng tôi ngồi xuống bên bàn: một bên là chúng tôi, bên kia là Thầy và đoàn hầu cận. Thành ra ngồi đối diện với Thầy là Vê-nê Ga-pha-rốp, bên trái cậu ta là Xéc-gây Xê-li-vê-tốp, bên phải là tôi. Lúc đó Vê-nê chưa biết ngồi chính diện với Thầy sẽ là cuộc thử thách đối với cậu ta.

- “Tôi nghe nói các vị đến gặp tôi để thu thập các kinh nghiệm sâu sắc ?”- Thầy hỏi.
- “Chúng tôi đến để đối chiếu các hiểu biết của mình với các kinh nghiệm của Ngài”- tôi đáp.
- “Các hiểu biết của các vị ? Là những hiểu biết gì vậy ?” -Thầy nhìn tôi hỏi- “Nói chung là” - Thầy nói tiếp-“người ta bắt đầu hiểu ra đôi điều rồi đấy” ...
- “Đây là kết quả nghiên cứu chủ yếu của chúng tôi”- tôi nói và chìa ra cho Thầy hình vẽ người Át-lan giả thuyết.

Thầy đưa tay ra, nhưng khi nhìn thấy bức vẽ chợt bỏ tay xuống. Tôi vươn người chéch sang bên, đặt hình vẽ trước mặt ngài. Ngài liếc nhìn một lần nữa, song không cầm lên tay. Im lặng.

- “Ngài biết điều này ở đâu ra ?” -Thầy hỏi cắt đứt bầu không khí lặng im.
- “Đây là kết quả khảo cứu con mắt các chủng tộc trên thế giới. Xin phép được kể vắn tắt” ...
- “Các vị đã đến Tây Tạng rồi phải không ?”
- “Không, chúng tôi chưa đến đó.”
- “Các vị đã gặp các lạt-ma chưa ?”
- “Chưa, thưa Thầy”.

- “Điều này thì các Lạt-ma Tây Tạng biết rõ hơn”- Xin ngài kể lại tỉ mỉ ...

Tôi đưa ra các tài liệu khoa học và kể tỉ mỉ để Thầy biết nội dung các khảo cứu của chúng tôi, nhưng rồi tôi lại nhấn mạnh tới việc phân tích con mắt trên máy vi tính rất khách quan.

Thầy lắng nghe và bỗng nhiên nói:

- “Máy tính không có hồn. Người Nga các vị suy xét giống hệt người Mỹ. Hoa Kỳ căm ghét Ấn Độ, vì Ấn Độ phát triển về mặt tâm linh. Người Mỹ vô hồn sẽ đưa thế giới đến chỗ tan nát”.

- Tôi xin được đôi chiếu các kết quả thu được với ..

- “Trí tuệ không phải là bộ não” -Thầy nói tiếp như thể không nghe tôi- “phần xác không quan trọng bằng phần hồn. Quan trọng phải hiểu thế nào là cảm nghiệm. Điều cốt yếu là chúng ta đánh giá cái mà chúng ta đang nhìn và tăng mãnh lực của sự cảm nghiệm, bởi chỉ có sự cảm nghiệm mạnh mẽ mới có thể đúng đắn. Tôn giáo là sự cảm nghiệm cái đại thể chứ không riêng biệt. Cần phân biệt trí tuệ cá nhân với trí tuệ vũ trụ. Raja Yoga tạo khả năng nhìn vào trí tuệ vũ trụ. Sự cảm nghiệm của tôi đến từ trí tuệ vũ trụ” ...

Tôi hiểu Thầy bắt đầu trình bày thuyết giáo của mình. Ngài nhìn Xéc-gây, lúc đó đang quay video, rồi nhìn tôi (tôi đang cầm cú ghi ghi chép chép) và dừng lại ở Vê-nê Ga-pha-rốp, cậu ta ngồi đối diện và nhìn vào mắt Thầy. Lập tức tôi và Xéc-gây cảm thấy sức mạnh của ánh mắt, thật là may, nó không hướng vào hai chúng tôi. Chúng tôi có cảm giác nặng nề xen lẫn lo lắng: hệt như có ai đó đang đào bới trong óc, lấy nó ra và chia ra từng phần nhỏ. Tôi cúi xuống thấp hơn, vẫn ghi chép đều đặn, Xéc-gây nhìn không rời mắt vào cái máy quay video.

- “Vai trò phát triển tâm linh”-Thầy nói tiếp-rất lớn. “Theo Ra-ma Cờ-ri-sơ-na, thì sự phát triển tâm linh có những dấu hiệu thể chất và thể hiện ở mắt, mũi, và các cơ quan khác. Mắt màu vàng có vai trò đặc biệt”...

Dưới ánh mắt đó, Vê-nê Ga-pha-rốp lúc lúc lại nhắm mắt lại, sau đó lấy hết lí trí mở mắt ra và tiếp tục nhìn Thầy. Mặt cậu ta đỏ, hai mí mắt hum húp, các ngón tay thỉnh thoảng lại co lại, trán lấm tấm mồ hôi. Tôi và Xéc-gây hiểu rằng, Vê-nê đang vật lộn với ánh mắt thôi miên của Thầy. Còn chúng tôi thì thoải mái hơn.

Và đây, Thầy đã nói xong. Ngài nhìn chúng tôi với ánh mắt bình thường và tôi có cảm giác có phần âm áp.

- “Xin được hỏi Thầy ?”
- “Được”
- “Vừa rồi chỉ có ánh mắt của Thầy là có tác động đặc biệt mạnh mẽ. Đó là tác động của “con mắt thứ ba” phải không ?”
- “Có lẽ phải”
- “Thưa Thầy, Sam-ba-la mà nhà bác học vĩ đại người Nga Nhi-cô-lai Rê-rích đã tìm kiếm là gì vậy ?”
- “Sam-ba-la là khái niệm thể tâm chứ không phải thể chất. Các vị đừng tìm kiếm làm gì, không thấy đâu. Đó là nơi trú ngụ của những người thượng đẳng, mà những người thượng đẳng có đặc điểm trước hết là tinh thần cao cả mà các vị không hiểu được”.
- “Thưa Thầy”- tôi nói, có một nguyên lý “mọi thiên tài đều đơn giản”, mà tôi cảm tưởng bắt nguồn từ Thượng Đế, bởi mọi quy luật tự nhiên đều giản đơn một cách tài tình. Tiếc thay, không phải lúc nào chúng ta cũng nhận thức được thiên tài của sự giản đơn và phủ lên đó những câu nói chung chung kiểu : “Một tinh thần cao cả mà chúng ta không thể hiểu ...”. Nhân đây, xin được hỏi Thầy: Thầy có biết điều nào cụ thể và đơn giản về Sam-ba-la không hoặc không biết gì ?
- “Tôi có biết.”..
- “Điều gì, thưa Thầy ?”
- “Sam-ba-la, gọi như vậy không đúng lắm. Cái tên này xuất phát từ một vài lạt ma Tây Tạng rồi tỏa đi khắp thế gian và trở thành phổ biến sau khi cuốn sách của Rê-rích được xuất bản. Cái mà các vị gọi là Sam-ba-la không có tên chính xác, song rõ ràng có một trạng thái tâm hồn và thể xác dẫn đến một tâm thức cao cả. Chúng tôi kinh nghiệm rất rõ trạng thái đó và đạt được trạng thái đó”-Thầy trả lời.
- “Trạng thái nào vậy, thưa Thầy ?”
- “Đó là trạng thái của thân xác, nhờ năng lượng tinh thần quá trình trao đổi chất ở trạng thái này hạ xuống điểm không”.
- “Thế liên can gì đến tâm thức cao cả ?”
- “Vì ở trạng thái đó con người dâng hiến mình không phải cho bản thân, mà cho toàn bộ nhân loại, cho sự sống trên trái đất”.
- “Xin thầy giải thích giùm !”
- ...
- “Phải hiểu như thế nào, thưa Thầy ?”

Tôi hiểu, chúng tôi lại chạm trán với một điều bí mật lớn lao và mặc dù Thầy rõ ràng đã có cảm tình với chúng tôi, nhưng ngài vẫn sẽ không nói gì hết.

- “Theo những điều chúng tôi đã nghiên cứu được”-quyết định tiếp cận từ hướng khác tôi hỏi- “loài người có nguồn gốc Hi-ma-lay-a và từ đó phát triển ra khắp trái đất. Liệu chủng tộc Tây Tạng có phải thượng đẳng nhất về mặt tâm linh không, thưa Thầy ?”

- “Lâu lắm rồi, người Tây Tạng là cao cả nhất trên trái đất. Vùng Hi-ma-lay-a là khu vực siêu tâm linh. Giờ thì thời đại đó đã qua, không thể nói như vậy về người Tây Tạng hiện thời nữa”-Thầy đáp
- “Người Tây Tạng cổ đại có thể hạ quá trình trao đổi chất xuống điểm không và dâng mình cho nhân loại nói chung ?”
- “Họ làm được như vậy”.
- “Bằng cách nào, thưa Thầy ?”
- ...
- “Con mắt thứ ba” có vai trò gì trong quá trình đó ?
- ...
- “Vai trò của mũi là gì ?”
- “Chẳng có vai trò gì hết”.

Tôi cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Tôi nhìn Vê-nê và Xéc-gây, trông họ cũng mệt phờ sau hai tiếng tọa đàm. Tôi xin phép ra ngoài hút thuốc. Bao nhiêu câu hỏi quay cuồng trong đầu. Tiếp tục tọa đàm như thế nào ? làm thế nào để không rơi vào im lặng hoặc phải nghe các từ rui ro “bí mật”. Có điều xin được nói trước, lúc đó chúng tôi chưa hiểu trạng thái trong đó quá trình trao đổi chất hạ xuống điểm không sẽ có ý nghĩa như thế nào.

Vê-nê Ga-pha-rốp đã kể cho chúng tôi nghe cảm giác của cậu ta khi bị Thầy tác động bằng thôi miên.

- “Tôi có cảm tưởng óc tôi sắp sôi lên sùng sục. Lúc đầu thấy buồn ngủ ghê gớm, tôi cố chịu, tự véo mình để không gật gù. Sau đó, các cảm giác thay đổi: mặt tôi như thể phình ra, tôi cảm thấy hai con mắt lún vào, còn ở vùng gáy rất đau, dường như có người đang ép và não tôi sắp vọt ra đằng gáy”.
- “Cậu khá lắm, đã chịu được !”
- “Ngài làm vậy làm gì, muốn kiểm tra à ?”
- “Mà này” – Xéc-gây nhận xét- “các cậu có thấy trong khi thuyết giáo, ngài thường liếc sang bức vẽ người Át-lan của chúng ta không ? Bức hình đã gây được ấn tượng đấy, ngài biết hết về người Át-lan”.

Chúng tôi quay lại bàn tọa đàm. Và thật bất ngờ đối với chính bản thân, tôi kể Thầy nghe rằng, trong khoa học, chúng tôi sử dụng rộng rãi phép logic trên cơ sở trực cảm, sau đó cố tìm các phương pháp khác để chứng minh (phân tích bằng máy tính, ...).

- “Vấn đề là”- tôi nói- “trong khoa học, phương pháp logic được các học giả lĩnh hội tồi lắm”.
- “Toán là khoa học yếu”- Thầy nói nghiêm túc – “bởi lẽ không tính đến yếu tố tâm

linh. Logic học dựa trên cơ sở trực cảm, mà trực cảm lại là biểu hiện chức năng của “con mắt thứ ba”. Bằng logic có thể đạt được cái mà với tầm mức của khoa học hiện đại không thể chứng minh nổi. Chẳng hạn không thể sờ mó được điện tử, song có thể ghi nhận được biểu hiện sự hiện hữu của nó. Tôn giáo tán đồng phương pháp logic để có được cái nfy phải không ?”- Thầy đưa mắt chỉ bức vẽ người Át-lan giả thuyết

- “Tất nhiên là như vậy. Phân tích trên máy tính đã khẳng định điều đó”.

- “Hay đấy” ...

Tất cả chúng tôi đều cảm thấy Thầy đã có thiện cảm với chúng tôi, ánh mắt ngài ấm áp hơn. Thế đấy, chúng tôi nghĩ, ngài tin vào logic, còn máy tính thì không.

- “Xin ngài cho biết”- tôi quyết định hỏi thẳng vào vấn đề,- “cái nốt thâm mỹ trên trán phụ nữ Ấn Độ có phải là vật lưu niệm về “con mắt thứ ba” mà người thuộc về nền văn minh trước đây có không ?”

- “Phải, “con mắt thứ ba” của họ rất phát triển và có một vai trò to lớn trong cuộc sống. Nhưng người ngày nay cũng có “con mắt thứ ba”, phải cái không phát triển bằng”.

...

- “Bạc được bí truyền người Pháp Nốt-tờ-ra-đa-mút viết rằng những người thuộc nền văn minh trước đây nhờ “con mắt thứ ba” đã dùng năng lượng sinh học tác động lên lực hấp dẫn. Vì vậy, họ có thể di chuyển trong không gian những khối đá khổng lồ, xây kim tự tháp và các đài kỷ niệm khác bằng đá. Thưa ngài, ngài có suy nghĩ gì về chuyện này ?”- tôi hỏi.

- “Tôi nhất trí. Chúng tôi cũng có những thông tin như vậy”- Thầy đáp.- “Ngoài ra, mãnh lực như vậy sẽ còn phát triển nơi con người và tồn tại song song với sự phát triển của nhân loại. Mãnh lực tinh thần cũng là mãnh lực thể chất. Mãnh lực, mà nhờ đó, đã xây nên các kim tự tháp là loại có hướng, còn mãnh lực không hướng là sức mạnh tàn phá”.

- “Hay biết đâu nền văn minh của người Át-lan tiêu vong vì họ đã không giữ được năng lượng tinh thần ở trạng thái có hướng tích cực?” – tôi hỏi

- “Họ đã tiêu vong bởi năng lượng tinh thần từ trạng thái hướng tâm đã chuyển sang ly tâm”.

- “Thế là thế nào, thưa Thầy ?”

- “Trong y học mà các vị đang nghiên cứu có khái niệm “sự tái sinh” và “sự thoái hóa”. Sự tái sinh là năng lượng chuyển hóa có hướng, nó làm mô phát triển và là cơ sở của sự sống thể xác. Sự thoái hóa là năng lượng chuyển hóa không hướng, nó đưa đến phá hủy các mô và cái chết. Trong vật lý năng lượng có hướng làm chuyển động máy bay, xe lửa, còn năng lượng vô hướng dẫn đến bùng nổ. Năng lượng tinh thần cũng có thể có hai trạng thái : tâm năng hướng tâm và tâm năng ly tâm. Các quy luật của tâm

năng, về nhiều mặt, giống với quy luật đối với năng lượng đầu xương và năng lượng thể chất và có thể tác động mạnh hơn tới loài người. Song có một luật lệ chủ yếu đối với tâm năng-nó phải là hướng tâm, phải hướng vào trong. Tất cả các bậc tiên tri, dù đó là Đức Phật, Chúa Giê-su, Mô-ha-mét và các bậc khác, đều dạy một điều chính yếu: tâm năng phải hướng vào trong. Đó là điểm chủ yếu trong học thuyết của các bậc đó”.

- “Xin Thầy giải thích giùm”.

- “Lấy ví dụ Hít-le. Hít-le đã thay đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, Hít-le vốn không có kinh nghiệm tôn giáo đã không định hướng tư duy dân tộc mình vào bên trong, nghĩa là làm cho mỗi người hướng vào phân tích nội tâm và nhìn vào đó. Ngược lại, bị tư tưởng bá chủ thế giới ám ảnh ông ta đã cố hướng tâm năng dân tộc mình ra ngoài nghĩa là tàn phá, gây chiến tranh. Xin các vị hiểu cho đúng việc hàng ngày mỗi người phân tích và đi sâu vào tâm hồn mình có một sức mạnh rất lớn; một khi đã thoát ra khỏi tâm và có tính chất ly tâm, mãnh lực này nhất định sẽ dẫn đến tai họa, kể cả hiểm họa toàn cầu”.

...

- “Tâm năng có khả năng tác động lên cả các đối tượng vũ trụ”- Thầy nói

- “Vậy Thượng Đế có giúp gì không ?” - tôi hỏi

- “Thượng Đế ở ngoài mãnh lực, không liên quan gì đến sức mạnh”-Thầy trả lời

- “Thượng Đế chỉ tác động thông qua các bậc tiên tri thôi à ?”

- “Thông qua các bậc Tiên tri, thông qua tín ngưỡng. Điều chính yếu: hướng năng lượng tinh thần vào tâm. Chính bức thông điệp cuối cùng: “SoHm” đã đề cập đến vấn đề đó.

- “Xin Thầy kể cụ thể hơn về bức thông điệp cuối cùng.

- “SoHm”: “đó là những từ ngữ vĩ đại”-Thầy bắt đầu nói- “Đúng ra phải đọc So là Xa chứ không phải là Xâu và Hm là U-hùm chứ không phải là Hùm. “So” nghĩa là “Tôi là đây”, “Hm” nghĩa là “Tôi chính là bản thân”. Còn nghĩa chung của “SoHm” là: “tự thể thiện mình đi”- Thầy giơ một ngón tay lên.

- “Tự thể hiện, thưa Thầy ? Ai vậy ?”

- “Con người. Mà mỗi người phải thể hiện độc lập. Bức thông điệp cuối cùng “SoHm” đến trái đất cùng lúc các bậc tiên tri cũng nhận được và thông qua họ đã truyền đi khắp thế gian. Bức thông điệp cuối cùng “SoHm” đi vào lòng mỗi người. Ai thực hiện được nguyên lý “SoHm”, người đó sẽ hạnh phúc. Nếu nhân loại thực hiện “SoHm” thì sẽ sống sót trên Trái đất. Suốt đời tôi làm theo “SoHm”.

- “Tại sao bức thông điệp lại là cuối cùng ?”

- “Nói đúng phải là bức thông điệp dứt khoát.”

- “Tại sao lại là bức thông điệp dứt khoát, thưa Thầy ?” – tôi hỏi

- “Bởi vì, Đấng Trí Tôn đã nhiều lần giúp loài người trên Trái đất. Vậy mà các nền văn

minh trên Trái đất vẫn tự hủy diệt. Các bậc tiên tri cũng dạy nền văn minh chúng ta phải làm cho năng lượng tinh thần mang tính hướng tâm, đừng để nó chuyển thành ly tâm. Liệu sự giúp đỡ như vậy của Đấng Trí Tôn có đủ cho lần này đối với trường hợp nền văn minh của chúng ta không ? Nếu không đủ thì ... Xin các vị nhớ cho: Thượng Đế ở ngoài mãnh lực, Thượng Đế không sử dụng sức mạnh. Đủ rồi ! Lúc này nền văn minh của chúng ta phải tự lập, chỉ có tự lập thôi”- Thầy đáp.

- “Liệu điều đó có nghĩa là nếu nền văn minh của chúng ta bị hủy diệt, ví dụ nếu để xảy ra thế chiến lần thứ III, thì đó sẽ là nền văn minh cuối cùng trên Trái Đất ?” – “Có thể lắm, lúc này chúng ta phải tự mình xoay sở lấy, chỉ có tự thân thôi”.

Im lặng. Ai cũng suy ngẫm điều vừa nói ra. Cái gì đó như tiền định đè nặng lên nhận thức.

- “Trạng thái hiện nay bên mắt phải là trạng thái đặc sắc để thể nghiệm”-Thầy bỗng lên tiếng.

- “Gì cơ, thưa Thầy ?”

- “Điều này chỉ có các bậc Thầy chúng tôi mới biết”.

- “Xin Thầy nhìn lên bức hình người Át-lan giả thuyết do chúng tôi thực hiện”- tôi nói, lái câu chuyện sang hướng khác- “người Át-lan cũng có cặp mắt như thế này phải không Thầy ?”

- “Theo kinh nghiệm của tôi thì như vậy. Họ có con mắt tốt hơn của chúng ta. Mắt họ to và ít bệnh tật hơn”.

- “Họ có cái mũi như trên bức vẽ của chúng tôi phải không Thầy ?”- tôi hỏi

- “Mũi họ nhỏ, như thế kia và hơi khác một tí”- Thầy đáp- “mũi họ tồi, hay bị bệnh”.

- “Thế còn “con mắt thứ ba”, thưa Thầy ?”

- “Cái đó của họ rất phát triển, nhưng không có cái lỗ trên trán”.

- “Do đâu Thầy biết tất cả điều đó ?”

- “Xô-ma-chi”i...

- “Xô-ma-chi, đó là gì vậy, thưa Thầy ?”

-...

Thầy làm điệu bộ cho biết, đã tới lúc kết thúc câu chuyện.

- “Xin được hỏi Thầy câu cuối cùng. Các bậc tiên tri đều là những người thuộc nền văn minh trước đây ?”

- “Không phải tất cả. Chẳng hạn Ra-ma là con trai của Cờ-ri-sơ-na với người đàn bà bình thường”. Nói chung-Thầy tổng kết buổi tọa đàm- “tôi thấy lí thú được chuyện trò với các vị. Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm kiếm đất nước Sam-ba-la. Chúc các vị cũng thành công. Nếu các vị đoán ra thì chuyện đó phải rơi vào những bàn tay thiện. Đất nước Sam-ba-la có thể được gìn giữ, những kẻ độc ác sẽ bị những lực lượng đặc biệt tiêu diệt”.

Thầy cảm bức vẽ của chúng tôi, nhìn chăm chú một lần nữa rồi đưa mắt nhìn chúng tôi và bước ra.

Chương 5

Xô-ma-chi huyền bí.

Chúng tôi đi tiếp đến thành phố Am-rít-ca của Ấn Độ để gặp đạo sư Đa-ram Rát-giê Bờ-khát-chi. Khi còn ở trường Tổng hợp Đê-li, chúng tôi đã nghe nói về ngài, nhiều học giả-lich sử gia và các nhà hoạt động tôn giáo khuyên chúng tôi nên gặp ngài. Con người này có chức sắc tôn giáo cao : Swami, không trụ trì đạo viện nào mà lại dành cuộc đời mình cho việc nghiên cứu tín ngưỡng phương Đông. Đó là một hiện tượng thật hiếm, không phải lãnh tụ tôn giáo mà là một nhà bác học được nhận một tước vị tôn giáo cao như vậy. Đạo sư Đa-ram đã nghiên cứu trên 700 cuốn thư tịch cổ đại, nói được vài ngoại ngữ, trong đó có tiếng Phạn, viết nhiều sách, rất nổi tiếng trong giới tín ngưỡng và giới học giả, là công dân danh dự của thành phố.

...

Thầy Đa-ram nhỏ bé, ngoại hình khó bảo là đẹp được. Dưới cặp mắt rủ xuống là hai con mắt to và sâu. Thật là không tương ứng: một tâm hồn lớn lao, mạnh mẽ được nhiều người nhắc tới và một tướng mạo xấu xí.

Nhưng vừa cất tiếng nói về vai trò của khoa học tôn giáo khuôn mặt ngài linh hoạt hẳn: cặp mắt long lanh tỏa ra sự ấm áp và hồn hậu, nét mặt sinh động, nụ cười mở rộng và xởi lởi.

...

- “Vai trò của khoa học tôn giáo không được đánh giá đúng mức trên thế giới”- Thầy Đa-ram nói,- “Tôn giáo là kinh nghiệm của các nền văn minh trước đây, những nền văn minh phát triển hơn. Sự kém cỏi của nền văn minh chúng ta không cho phép nhận thức đầy đủ các kinh nghiệm tôn giáo, bởi thế, tôn giáo bắt buộc mọi người phải thuộc các định đề tôn giáo vì sự phát triển tích cực của xã hội. Nếu với trình độ hiện nay của khoa học, phần thể xác có thể được nghiên cứu khá tốt, thì chưa có những phương pháp nghiên cứu phần tâm hồn, đo đạc năng lượng tinh thần, mà không còn nghi ngờ gì nữa, là nó có mãnh lực to lớn. Trong các công trình của mình tôi cố gắng liên kết kinh nghiệm tôn giáo với tri thức hiện đại, tôi rần sức để tôn giáo trở thành đối tượng nghiên cứu, chứ không phải niềm tin mù quáng. Trong lĩnh vực này còn biết bao điều bí mật”.

...

Tôi trình bày nội dung giả thuyết của chúng tôi

...

- “Trực cảm đó là tinh hoa trí tuệ. Phép logic: đó là phương pháp chủ yếu trong khoa học. Nhưng ngay toán học kết hợp với logic học có thể cho phép nhìn sâu vào bên trong, thậm chí vào tâm hồn”,-Thầy Đa-ram cắt ngang.

Trình bày xong, tôi đưa thầy Đa-ram xem bức vẽ người Át-lan giả thuyết.

Thầy nhìn bức hình rồi ngược nhìn chúng tôi và nói to:

- ‘Xô-ma-chi’

- “Cái gì vậy, thưa Thầy ?”

- “Các vị tìm thấy thân xác người đó trong núi phải không ?”,- như không nghe tôi nói, thầy Đa-ram hỏi.

- “Không, thưa Thầy”.

- “Dưới biển ?”

- “Không, thưa Thầy”.

- “Vậy thì ở đâu ?”

- “Chúng tôi không tìm thấy xác nào cả. Bức hình này là kết quả phân tích con mắt được vẽ trên đền chùa Tây Tạng bằng hình học nhân khoa.”

- “Không phải tất cả đều đúng”,-thầy Đa-ram thốt lên.

- “Xô-ma-chi nghĩa là gì, thưa Thầy ?”

- “Xin các vị nhìn bức vẽ của các vị. Mắt của người này nửa nhắm, nửa mở, người này như nửa sống, nửa chết. Xô-ma-chi là khi thân tôi bất động như đá, như thể chết rồi, nhưng tôi lại vẫn sống. Một thân xác bất động như đá, nhưng còn sự sống”.

- “Thế ra các lạt ma Tây Tạng đã vẽ trên các đền chùa hai con mắt của đại diện nền văn minh trước đây trong tư thế định phải không, thưa Thầy ?”,- tôi hỏi

- “Vâng”,-thầy Đa-ram đáp

- “Do đâu các lạt ma Tây Tạng lại có thông tin về tính chất con mắt của người thuộc nền văn minh trước đây ?”

- “Họ đã nhìn thấy những người đó”.

- “Ở đâu, thưa Thầy ?”

- “Trong núi”

- “Khi nào, thưa Thầy ?”

- “Cách đây không lâu lắm !”

- “Xin Thầy cho biết cụ thể hơn về Xô-ma-chi”

- “Tôi xin kể một chuyện lịch sử. Năm 1893, Thầy Ra-ma Cờ-ri-sơ-na ở Ben-ga-li lập trường yoga dạy nhập xô-ma-chi. Một hôm sau khi đã mời bác sĩ đến chứng kiến, Ra-ma Cờ-ri-sơ-na nhập xô-ma-chi. Khám xét thân thể Ra-ma Cờ-ri-sơ-na, vị bác sĩ thấy Thầy đã chết và hạ bút ký giấy báo tử. Sau đó Ra-ma Cờ-ri-sơ-na sống lại. Sau này ngành y đã nhiều lần tiến hành khám nghiệm những người trong trạng thái xô-ma-chi và thấy: mạch, điện tâm đồ, điện não đồ không đo được, thân nhiệt hạ. Rất nhiều trường hợp con người ta ở trạng thái xô-ma-chi vài năm lại tái sinh. Sự xuất hiện của họ đã làm những người xung quanh ngạc nhiên và hoảng sợ”.

- “Xô-ma-chi có phải là giấc ngủ lịm không, thưa Thầy ?”
- “Không phải. Khi ngủ lịm, não vẫn hoạt động, vẫn có quá trình trao đổi chất. Ở trạng thái xô-ma-chi, cơ thể bất động như đá”.
- “Phải hiểu trạng thái bất động như đá là như thế nào, thưa Thầy ?”,- tôi hỏi
- “Thân xác trở nên rắn và lạnh không tự nhiên. Tư thế người chết cũng cứng hơn cơ thể sống, nhưng thân thể ở trạng thái xô-ma-chi cứng hơn nhiều. Nói một cách hình tượng: rắn như đá vậy”.
- “Xin Thầy giải thích rõ hơn”.
- “Trạng thái bất động như đá (stone-still stale) là thuật ngữ đã được giới khoa học nghiên cứu hiện tượng xô-ma-chi thừa nhận. Dĩ nhiên không phải xương thịt người ta biến thành đá tự nhiên, chỉ là thân thể trở nên rất rắn” - thầy Đa-ram đáp
- “Nhờ đâu mà thân thể ở trạng thái xô-ma-chi lại hóa rắn như vậy, thưa Thầy?”
- “Do trao đổi chất trong người hạ xuống điếm không”.
- ...
- “Đó là một cơ chế đặc biệt và được vận hành thông qua nước của cơ thể”- đạo sư Đa-ram đáp
- “Cơ thể ở trạng thái xô-ma-chi có bị vi khuẩn tác động không, thưa Thầy?”
- “Gần như không bị tác động. Nhưng tốt nhất chọn những nơi sạch sẽ”.
- “Nhiệt độ tác động như thế nào đối với cơ thể trong trạng thái xô-ma-chi”.
- “Tốt hơn hết là nhiệt độ lạnh”.
- “Cần tác động như thế nào đến nước của cơ thể để hạ trao đổi chất xuống điếm không, thưa Thầy ?”
- “Thông qua sinh trường bằng cách tham thiên”- Thầy Đa-ram đáp,- “Sinh trường và nước trong cơ thể đi đôi với nhau. Nhưng con người phải học cách thiên hiệu quả tới mức làm cho sinh trường tác động lên nước của cơ thể và qua nước lên quá trình trao đổi chất. Xô-ma-chi là hình thái nhập định cao nhất. Không phải ai tham thiên cũng đạt được định và không phải người nào học được cách nhập định rồi đều có thể đạt được trạng thái xô-ma-chi, khi mà thể xác có thể được bảo toàn trong nhiều năm”.
- “Thế chuyện gì sẽ xảy ra với phần linh hồn trong trạng thái xô-ma-chi ?”
- “Trong học thuyết về xô-ma-chi có thuật ngữ “OBE” (Out of Body Experience) có nghĩa là “kinh nghiệm ngoài thân xác”, người ta có thể quan sát thân thể mình từ ngoài. Ở trạng thái xô-ma-chi phần linh hồn ở ngoài, dường như bên cạnh thân xác. Con người có thể tiếp tục sự sống sau khi thể xác đã rơi vào trạng thái như bị ướp khô, rồi lại quay về đó. Nhờ xô-ma-chi có thể hiểu được sự sống của linh hồn; bạn thấy được thể xác mình trong thực tại, một thân thể bất động và dường như đã chết, song bạn cảm nhận thấy mình đang sống. Trong trạng thái xô-ma-chi con người hiểu rằng có thể sống không cần đến phần xác”.
- “Nghĩa là vai trò của xô-ma-chi một mặt cho thấy khả năng sống không cần tới thể

xác, mặt khác khả năng bảo toàn thi thể trong nhiều năm. Nói một cách có hình tượng : thể xác còn dùng được”- tôi nói

- “Thể xác có thể được bảo toàn hàng trăm, hàng nghìn và thậm chí hàng triệu năm”- đạo sư Đa-ram đáp.

- “Lạ thật”,- tôi thốt lên,- “vậy ra xô-ma-chi có thể là trạng thái cứu hộ con người khi gặp các tai biến và hiểm nguy, kể cả thảm họa toàn cầu. Việc bảo toàn thân thể con người trong trạng thái xô-ma-chi có thể là một sự hứa hẹn thiết lập Quỹ gen nhân loại, đúng thể không, thưa Thầy ?”

...

- “Liệu có cần bảo toàn thân thể con người trong trường hợp thảm họa toàn cầu không, thưa Thầy ?”

- “Cũng không được giảm nhẹ vai trò của phần xác, như thái độ của một vài tôn giáo. Thân thể con người đã được tạo nên qua một quá trình tiến hóa lâu dài. Việc gì phải đi lại chặng đường đó từ đầu, bảo quản thân thể ở trạng thái xô-ma-chi có phải dễ hơn không ?”- thầy Đa-ram đáp

...

- “Thế phần linh hồn ở đâu, thưa Thầy ?”

- “Linh hồn trong dân gian gọi là tim. Nhưng tim chỉ là cái bơm. Còn “tim-linh hồn” nằm ở khu vực rốn.

-Trong y học có khái niệm “người thực vật” nghĩa là tim vẫn hoạt động, vẫn diễn ra quá trình trao đổi chất, nhưng con người lại bất tỉnh nhân sự. Liệu thế có nghĩa là linh hồn không muốn quay lại với cái thể xác đó, hoặc thể xác đó bị hủy hoại quá mức ?”- tôi hỏi

- “Vâng, về nguyên tắc, thể xác có thể sống không cần linh hồn, nhưng như vậy sẽ là “người thực vật”. Nếu hồn quay lại với thể xác thì lúc đó mới là người”.

- “Vậy quan hệ tương hỗ giữa thể xác và hồn là như thế nào, thưa Thầy ?”

- “Nếu hồn ở ngoài thể xác trong trạng thái xô-ma-chi, thì thân thể vẫn ở trạng thái bất động như đá. Nếu hồn trở lại thể xác, thì con người ra khỏi trạng thái xô-ma-chi và sống lại năm, mười, một trăm, một nghìn, nhiều nghìn và triệu năm sau đó”- thầy Đa-ram đáp.

- “Ai phái hồn nhập vào thể xác, thưa Thầy ?”

- “Đấng Trí Tôn. Ở trạng thái xô-ma-chi rất có lợi vì con người biết được một đời sống khác: đời sống của linh hồn, kinh nghiệm được vai trò của Đấng Trí Tôn và sau khi hồn nhập lại vào thể xác, con người có tâm hơn, không hiếu chiến. Nếu mọi người ở trạng thái xô-ma-chi nhiều hơn thì hòa bình trên thế gian sẽ được gìn giữ”.

- “Linh hồn là gì, thưa Thầy ?”

- “Linh hồn là một phần năng lượng vũ trụ và nó nằm trong một không gian được vạch riêng. Năng lượng linh hồn đó là năng lượng ở ngoài electron và proton. Nhưng

tâm năng mạnh mẽ vô cùng, nó có khả năng tác động lên lực hấp dẫn. Năng lượng của nhiều tâm có một sức mạnh lớn lao. Có tâm năng tích cực và tâm năng tiêu cực, chúng gắn liền với nhau. Tâm năng có thể sáng tạo và có thể tàn phá. Hít-le đã tích lũy tâm năng tiêu cực và nó đã đưa đến hủy diệt con người, chiến tranh. Cái ác và cái thiện song hành. Tâm năng tiêu cực có thể thu hút các đối tượng phá phách của vũ trụ, tác động lên thiên nhiên. Bởi vậy, cùng với xung đột và chiến tranh khá thường xuyên xảy ra động đất, rơi thiên thạch”...

- “Nói có hình tượng, tâm năng thu hút các đối tượng vũ trụ giống như chớp hình cầu bị điện hút, phải không, thưa Thầy?”- Vô-nhê Ga-pha-rốp hỏi

- “Nói một cách hình tượng thì đúng như vậy. Song ở đây còn có tác động của các quy luật tự nhiên khác”- đạo sư Đa-ram đáp

- “Hay nhỉ”.

- “Các vị bắt đầu nghiên cứu từ con mắt”- thầy Đa-ram nói tiếp,- “và tất nhiên các vị biết rằng, con mắt là tấm gương phản chiếu tâm hồn. Chúng ta nói chuyện với nhau không chỉ bằng ngôn ngữ, mà cả bằng mắt, vì con mắt là cửa sổ mở vào tâm hồn. Thị giác lọt ngay vào tâm hồn, bởi thị giác là cảm giác chủ yếu của chúng ta. Xin các vị so sánh : cự li của thị giác : nhiều kilomet, cự li của thính giác : nhiều mét, lưỡi và các ngón tay hoạt động thông qua giao tiếp. Người mù thiệt thòi rất nhiều, không chỉ trong đời sống thể chất, mà cả đời sống tinh thần”.

- “Điều đó có nghĩa là tâm năng tác động qua mắt?”- tôi hỏi

- “Vâng, ngoài ra trong các nghiên cứu về mắt của các vị tôi nhận thấy một điểm cực kỳ quan trọng, đó là kích thước giác mạc là số không đổi cho mọi người. Điều đó trùng khớp với kinh nghiệm tôn giáo và minh chứng rằng, Thượng Đế đã ban phát cho mọi người những cơ hội tự thể hiện mình như nhau”.

- “Ý Thầy hay đây”...

- “Chính giác mạc là cái cửa sổ, hồn tự thể hiện qua đó. Tôi xin có lời khuyên các vị nghiên cứu tâm năng kỹ hơn nữa, chẳng hạn đo năng lượng đó, khi nó đang ra khỏi mắt. Các vị hãy sử dụng các thành tựu mới nhất của vật lý học”- đạo sư Đa-ram nói.

Câu chuyện tiếp theo với ngài đạo sư Đa-ram chuyển sang các nền văn minh trước đây.

- “Trên trái đất đã có 22 nền văn minh”- đạo sư Đa-ram vào đề ngay,- “Đúng là các nền văn minh đã đạt trình độ công nghệ có hàm lượng chất xám cao và tự tiêu vong. Nạn tự hủy diệt diễn ra hoặc ở dạng xung đột toàn cầu hoặc là hệ quả của thảm họa vũ trụ do tác động của tâm năng tiêu cực gây ra. Sau các thảm họa toàn cầu, khí hậu trên trái đất thay đổi. Và chỉ cần khí hậu trên trái đất trở nên thuận tiện cho sự sống loài người lại xuất hiện dưới dạng nền văn minh mới, nó phát triển, đạt trình độ công nghệ có hàm lượng chất xám cao và lại tự hủy diệt”.

- “Tiếc thay, kinh nghiệm mà các nền văn minh trước đây tích lũy được cũng bị tiêu

hủy theo”- tôi nói.

- “Không đâu, kinh nghiệm đã không bị hủy diệt. Những kinh nghiệm tích cực đã nhập vào Đấng Trí Tôn (nghĩa là Trường Thông tin toàn thể- tác giả). Những người có thể tiếp cận với Đấng Trí Tôn, ví như các Thầy hoặc bà Bờ-la-vát-cai-a của các vị có khả năng nhập vào các kinh nghiệm đó. Kinh nghiệm của các nền văn minh trước khác hẳn kinh nghiệm ngày nay của chúng ta. Kinh nghiệm của chúng ta đã bị vật chất hóa tột bậc”.

- “Vậy ngài nghĩ có thể nhập vào Kinh nghiệm cao cả không ?”

- “Có, nhập được”- đạo sư Đa-ram trả lời rành rọt.

- “Xin ngài kể chúng tôi nghe về nền văn minh của người Át-lan cận kề chúng ta”.

- “Nền văn minh đó rất phát triển. Nó đã bị chìm xuống đáy biển. Khí hậu thời đó rất ẩm và ẩm. Trái đất gồm toàn đảo. Thực vật khác hẳn. Nhiều cây cối mọc dưới nước. Bầu trời màu đỏ. Họ có thể tác động lên lực hấp dẫn, họ có những thiết bị bay kỳ diệu. Họ nắm được tâm năng có hướng. Đó là một trong các nền văn minh phát triển trên trái đất. Tiếc thay nền văn minh đó đã tích lũy năng lượng tâm thần tiêu cực. Kết quả đã xảy ra thảm họa vũ trụ. Trái đất thay đổi trục quay, một đợt sóng biển khổng lồ tràn qua trái đất cuốn trôi các đô thị và dìm chết loài người”.

- “Chúng ta có nguồn gốc từ người Át-lan phải không, thưa Thầy ?”

- “Đúng, chúng ta thoát thai từ người Át-lan”- đạo sư Đa-ram đáp,- “người Át-lan có thể bảo toàn thân thể mình ở trạng thái xô-ma-chi trên Himalaya : phần cao nhất của thế giới, trong thời gian xảy ra đại hồng thủy, sóng biển đã không lên tới nơi. Sau này khi nước đã rút và điều kiện trên trái đất lại khá thuận tiện cho sự sống các linh hồn lại quay lại với thân xác người Át-lan và thế là họ lại bắt đầu sống trở lại, gieo hạt giống nền văn minh ngày nay. Điều kiện sống của họ khó khăn lắm. Ngoại hình của họ thay đổi dần theo sự thay đổi điều kiện sống trên trái đất và có những đường nét của con người thuộc nền văn minh của chúng ta”.

- “Thầy có thấy khó tin không ?”

- “Ồ đây không có gì là khó tin cả. Khi các nhà du hành vũ trụ lên mặt trăng và lấy được mẫu đất về thử thì phát hiện trong đó có những vi sinh vật được bảo quản. Nếu trên mặt trăng xuất hiện khí quyển, các vi khuẩn đó có thể sống lại. Con người ở trạng thái xô-ma-chi là con người đã được bảo toàn. Đối với các đạo thầy phương Đông, xô-ma-chi cũng tự nhiên và dễ hiểu như định luật Newton đối với các vị vậy. Xô-ma-chi là điểm cứu hộ duy nhất trong trường hợp nền văn minh tự hủy diệt. Những người nhập xô-ma-chi và ở trong trạng thái đó hàng nghìn hàng triệu năm đã hiến mình cho mục đích cao cả : bảo toàn nhân loại trong trường hợp nền văn minh tự tiêu vong”.

- “Thế xác trong trạng thái xô-ma-chi được bảo toàn nơi nào, thưa Thầy ?”

- “Chúng có thể được bảo quản ở ba nơi”- đạo sư Đa-ram đáp,- “Chỗ thứ nhất là trong nước. Nước là một thực thể đặc biệt, sự sống xuất hiện trên trái đất có vai trò đặc biệt

của nước. Nước là thứ trung dung giữa không khí và đất. 66% trong con người là nước. Thành phần muối trong nước biển và trong cơ thể người áng chừng như nhau. Bởi vậy, thân thể người ở trạng thái xô-ma-chi có thể được bảo quản trong nước một thời gian dài. Cơ chế hạ thấp trao đổi chất trong xô-ma-chi là sự thay đổi thuộc tính của nước trong cơ thể người.”

- “Xin lỗi Thầy”- tôi không tìm được nữa,- “viện chúng tôi nghiên cứu nước của cơ thể người mấy năm rồi. Chúng tôi thấy nước đó mang thông tin, nó có vai trò rất lớn trong tái tạo mô”.

- “Thông tin nằm trong nước cơ thể gắn với linh hồn”- đạo sư Đa-ram nói

...

- “Thế còn chỗ thứ hai và thứ ba, nơi cơ thể con người có thể được bảo quản trong trạng thái xô-ma-chi ?”

- “Đó là băng hà và hang động. Ví dụ ở Himalaya đã tìm thấy con cá nằm trong băng hàng triệu năm. Khi băng tan con cá đó bơi ra. Hiện tượng tương tự cũng có thể xảy ra với con người trong trạng thái xô-ma-chi. Còn trong hang động, nhiệt độ lạnh ổn định cũng rất thuận tiện cho việc bảo quản thân thể trong trạng thái xô-ma-chi”.

- “Tôi đọc thấy”- Xéc-gây nói,- “ai đó trong số các nhà nghiên cứu người Nga, Xi-bi-cốp hoặc Rê-rích gì đó, đã nhìn thấy trong một cái hang ở Tây Tạng cái sọ người rất to, trên trán có một cái lỗ giống như hố mắt”.

- “Con mắt thứ ba” trông không giống con mắt. Cái lỗ có thể là chấn thương”- đạo sư Đa-ram trả lời,- “mà này tôi không khuyên các vị vào trong hang động tìm kiếm người Át-lan ở trạng thái xô-ma-chi đâu nhé”.

- “Vì sao, thưa Thầy ?”

- “Nguy hiểm cho các vị”.

- “Cái gì nguy hiểm, thưa Thầy ?”

- “Cái hang có thân thể người Át-lan ở trạng thái xô-ma-chi vô cùng hiểm trở và khuất tầm mắt. Người ta đã cố tình làm như vậy để con người không chết. Trong đó có các lực đặc biệt, mà chúng ta không biết, chúng nguy hiểm chết người. Các lực đó có nhiệm vụ gìn giữ sự yên tĩnh cho những người Át-lan đang định. Những lực đó do linh hồn người Át-lan ở trạng thái xô-ma-chi chỉ dẫn, các lực này có tính chất năng lượng sinh học và cùng loại với lực mà người Át-lan đã sử dụng để tác động lên lực hấp dẫn và di chuyển các khối đá khổng lồ để xây dựng kim tự tháp. Người thuộc nền văn minh chúng ta chưa biết cách chống trả lại các lực đó: không nên quên rằng, nền văn minh của người Át-lan phát triển hơn nền văn minh của chúng ta nhiều”.

- “Vậy có thể tiếp xúc với linh hồn người Át-lan ở trạng thái xô-ma-chi không, thưa Thầy ?”

- “Không chắc. Tầm mức phát triển tâm linh của người Át-lan cao hơn ta nhiều. Chắc gì họ đã tin động cơ của các vị là thiện chí. Xin các vị nhớ cho : không ông vua nào,

không vị tổng thống nào, không nhà bác học nào, không một ai được phép quấy rầy các Át-lan đang trong trạng thái xô-ma-chi. Chỉ có họ, những người đang nhập định được quyết định. Không được phép mà cứ vào là chết”.

- “Việc bảo toàn thể xác người Át-lan trong băng hà và hang động chắc cũng như vậy, thưa Thầy ?”

- “Vâng”,- đạo sư Đa-ram trả lời chắc chắn.

Im lặng. Bức màn bí mật đang hé mở, nhưng rõ ràng không thể mở ra hoàn toàn.

- “Các nhà tiên tri là ai, thưa Thầy ?”- tôi hỏi phá tan sự im lặng

- “Các nhà tiên tri là những người nắm các kinh nghiệm tốt đẹp của các nền văn minh trước đây và truyền lại cho mọi người. Phần lớn họ là những người bình dân”.

- “Liệu một người thuộc nền văn minh trước đây có ngoại hình khác những người bình thường có thể là nhà tiên tri được không, thưa Thầy ?”

- “Được chứ, đó là khi người đó ra khỏi trạng thái xô-ma-chi thì nền văn minh mới đã phát triển và con người đã thay đổi hình dáng của mình phù hợp với hoàn cảnh mới”.

- “Tôi hiểu Thầy đã mệt”- tôi nói,- “mặc dù vậy xin Thầy kể chúng tôi nghe về “SoHm”.

- “Các vị đã được nghe chuyện đó rồi thì phải ?”

- “Vâng” – Tôi trình bày ngắn gọn các thông tin chúng tôi đã nhận được về bức thông điệp cuối cùng.

- “Tôi xin bổ sung”- đạo sư Đa-ram bắt đầu kể- “SoHm” là nói chuyện bằng mũi: hít vào – “So”, thở ra – “Hm”. Đúng là những người thuộc nền văn minh trước đây nói chuyện bằng mũi. Song vai trò của “SoHm” lớn vô cùng. “SoHm” , đó là âm thanh của mũi, âm thanh của sinh và tử. Khi một đứa trẻ ra đời, nó là “người thực vật”, cùng với cái hít vào đầu tiên hồn nhập vào thân thể đứa bé, nghĩa là hít vào (“So”) là sinh. Khi con người hấp hối thì hồn lìa thân xác cùng với hơi thở hắt ra, nghĩa là thở ra (“Hm”) là tử. Hít vào có nghĩa là sống, thở ra là chết. Nguyên lý “SoHm” tượng trưng cho sự vô tận và thống nhất của sinh và tử, rằng điều chính yếu là ở nơi kia, ngoài phạm vi trần thế. “Amen” và những lời tương tự trong các tôn giáo đều là hình ảnh của “SoHm”.

- “Vì sao lại gọi “SoHm” là bức thông điệp cuối cùng, thưa Thầy ?”

- “Vì rằng, đó là lời cảnh báo về việc mỗi người cần phải tự thể hiện mình trong giới hạn của sự sống nơi trần gian theo chiều hướng tốt lành. Tiếc thay, nền văn minh trước đây của người Át-lan đã thể hiện theo chiều hướng không chỉ thiện mà cả ác. Người Át-lan dễ dàng nhập vào Đấng Trí Tôn và nhận từ đó các kinh nghiệm phục vụ mục đích không chỉ thiện mà cả ác nữa. Bức thông điệp “SoHm”, có nghĩa là nền văn minh tiếp theo, tức của chúng ta, không được tiếp cận với “Quyển kiến thức vũ trụ”, bởi không thể tin là các kinh nghiệm đó sẽ chỉ được sử dụng vào các mục đích tốt lành.

“SoHm” có nghĩa là “Hãy thể hiện mình đi” trong giai đoạn giữa cái hít đầu tiên và cái thở ra cuối cùng, nghĩa là thời kỳ sống trên trái đất”.

- “Cho con người tiếp cận với “Quỹ kiến thức vũ trụ” thật nguy hiểm bởi việc nắm biết tri thức mới, chẳng hạn về các dạng năng lượng mới, có thể trở thành điều bất hạnh cho nền văn minh của chúng ta”- tôi nói- “Nguyên lý “SoHm” chứng tỏ Đấng Trí Tôn đã quyết định : thôi không cho loài người dễ dàng tiếp cận với tri thức toàn thể, cứ để loài người tự xoay sở, tự tích lũy lấy kinh nghiệm.”

- “Đúng là như vậy”- đạo sư Đa-ram trả lời.

- “Nhưng mà”- tôi nói tiếp- “Một số người vẫn được tiếp cận với Trường thông tin toàn thể. Tôi hiểu họ là những người có động cơ tốt lành, nghĩa là trường torsion của họ rõ ràng xoắn về hướng tích cực. Chắc chắn chính những người này đã trở thành các bậc tiên tri, các khoa học gia lớn, song cuộc sống của họ khó khăn, vì họ cứ phải tranh đấu với các trường xoắn tiêu cực của nhiều người”.

- “Những người đó là các bậc Thầy”- đạo sư Đa-ram nói

- “Tôi xin kể ngài nghe một trường hợp”- tôi chưa chịu im- “Tôi được xem một bộ phim tài liệu về chuyện các nhà máy của Hít-le thiết kế và sản xuất các đĩa bay trên cơ sở các kinh nghiệm nhận được từ Trường thông tin vũ trụ. Các kinh nghiệm này do hai phụ nữ “được tiếp cận” nhận và chuyển cho bọn Hít-le. Cuối chiến tranh, bọn Hít-le đã sản xuất đĩa bay, chúng đã thử cho bay, nhưng chưa kịp sử dụng. Những chiếc đĩa bay được tạo nên không biết bằng cách nào đã biến mất. Việc nền văn minh trước đây, có lẽ như vậy, đã chuyển giao thông tin về các thiết bị bay cho bọn Hít-le theo tôi hiểu là vi phạm nguyên tắc “SoHm” – “Hãy tự thể hiện mình đi” ?

- “Có thể lắm,- đạo sư Đa-ram thốt lên.- “Nhưng ngài đừng quên rằng, còn có Thần ác vĩ đại. Tâm năng tích cực và tâm năng tiêu cực gắn liền nhau, còn cái Thiện và cái Ác song hành. Không được coi nhẹ vai trò của tâm năng tiêu cực”.

- “Vậy Trường thông tin vũ trụ có thể sửa sai được không, thưa Thầy ? Biết đâu chính đó là lý do các đĩa bay của bọn Hít-le đã biến mất một cách bí hiểm ?”

- “Khi nguyên tắc “SoHm” bị vi phạm, Đấng Trí Tôn không thể dùng mãnh lực tác động được, vì người ở ngoài mãnh lực, nhưng người có thể tác động lên phần hồn của con người. Ví dụ người có thể tác động lên tâm những người đã làm ra đĩa bay, thuyết phục họ phá hủy thành quả lao động của mình. Cái Thiện phải thắng, trong trường hợp ngược lại thế giới sẽ bị phá hủy”.

- “Tiếc thật, chỉ vì những kẻ Át-lan độc ác và hám quyền mà nền văn minh của chúng ta bị cắt đứt với “Quỹ kiến thức vũ trụ”,- tôi nói hần học.

- “Tất nhiên không phải người Át-lan nào cũng độc ác, nhưng năng lượng Ác trong nền văn minh của họ đã thắng. Rồi xem nền văn minh của chúng ta sẽ ra sao, liệu cái Thiện có chiến thắng không, tôi không biết. Bởi vậy, mọi tôn giáo đều dạy bảo một điều - thường xuyên nhắc “Amen” (hoặc các lời tương tự) có nghĩa là “SoHm”, nghĩa

là tôi đang tự thể hiện mình ở chiều hướng tốt lành”- đạo sư Đa-ram nói.

- “SoHm” có thể là lời cảnh báo cuối cùng đối với nhân loại. Đáng Trí Tôn có thể từ chối phái các linh hồn quay lại với thể xác ở trạng thái xô-ma-chi, nếu nền văn minh của chúng ta tự hủy diệt”.

- “Có thể lắm” ...

- “Xin được hỏi câu cuối cùng”- tôi nói,- “Đầu buổi tọa đàm, khi chúng tôi đưa ngài xem bức hình người Át-lan giả thuyết, ngài hỏi chúng tôi có nhìn thấy họ không. Ngày nay, vẫn có thể trông thấy họ hay sao, thưa Thầy ?”

- “Đúng. Đến bây giờ họ vẫn phải đang ở trạng thái xô-ma-chi. Và không chỉ có họ”...

- “Còn ai nữa, thưa Thầy ?”

...

Chúng tôi già từ nhau lâu và âm áp tình người. Từ con người này toát ra một tâm linh nhân hậu và mãnh lực. Tôi không muốn ra về. Xéc-gây và Vê-nê lần lượt bắt tay Thầy, tôi chụp ảnh họ. Đạo sư Đa-ram nở nụ cười rộng mở.

- “Các vị hãy sử dụng các kinh nghiệm đó vào những mục tiêu tốt đẹp”- Thầy nói lần cuối.

...

Đây là một trường hợp trong khoa học, khi những dữ liệu nhận được một cách độc lập trùng lặp với các kinh nghiệm lịch sử - tôn giáo. Tôn giáo mà nhiều người coi như truyện cổ tích hay lời răn mộ đạo lại là một kinh nghiệm sâu sắc đến từ các nền văn minh trước đây, như đạo sư Đa-ram đã nói.

Chúng tôi hiểu ra rằng, những kinh nghiệm tôn giáo sâu sắc không được phổ biến rộng rãi nghĩa là giữ bí mật, chỉ vì chúng có thể rơi vào tay những thế lực độc ác.

...

Chúng tôi lên đường đi Nê-pan và Tây Tạng. Giờ thì chúng tôi biết những vấn đề cần hỏi. Các Lạt-ma Tây Tạng sẽ nói gì về vấn đề này nhỉ ?

Phần III

CÁC BẬC LẠT-MA NÊ-PAN VÀ TÂY TẠNG ĐÃ NÓI GÌ

Chương I

NHẬP XÔ-MA-CHI NHƯ THẾ NÀO

Từ Đê-li chúng tôi bay đến Cát-man-đu, thủ đô của Nê-pan. Đón chúng tôi ở sân bay là Va-lê-ri Lô-ban-cốp và Va-len-chi-na Ia-cốp-lê-va, hai thành viên đoàn thám hiểm của chúng tôi. Họ làm việc ở nước này đã hơn một tuần. Cùng với họ có Sếch-can A-

ri-en, một trong các thành viên đoàn thám hiểm người Nê-pan, nhà vật lý có tên tuổi của nước này, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Nê-pan. Theo lời giới thiệu của hội đồng nghiên cứu Nê-pan thì đó là một người am hiểu tín ngưỡng Tây Tạng và có khả năng phân tích các dữ liệu tôn giáo trên quan điểm của vật lý học hiện đại. Ông ta nói tiếng Anh thông thạo.

Va-lê-ri, Séch-can và Va-len-chi-na đã bố trí vài buổi gặp gỡ với các nhân vật mà chúng tôi quan tâm. Nhân đây họ cho biết là: có lẽ sẽ khó nói chuyện cởi mở với các Lạt ma Tây Tạng.

Chuyện là phần lớn các Lạt ma có tước vị đã di tản đến Nê-pan từ Tây Tạng vào năm 1949 khi Tây Tạng sáp nhập vào Trung Quốc. Họ không còn tin vào những ai quan tâm tới các kinh nghiệm của họ, bởi lẽ bất kể trường hợp nào, thì những kinh nghiệm đó cũng gắn với quá khứ bi thảm của họ. Tới giờ họ vẫn sợ khủng khiếp, họ sợ lời nói dối, những khẩu hiệu đẹp đẽ về bình đẳng cho mọi người, nhưng đằng sau đó lại ẩn giấu sự tàn phá và chết chóc.

Đầu tiên chúng tôi gặp thiền sư xuất sắc Sam-bu Kha-pa, lãnh đạo Trung tâm Thiền ở Cát-man-đu. Theo lời của Séch-can, vị này không nắm kinh nghiệm cổ đại sâu sắc như các Lạt ma khác, nhưng ngày nào cũng dạy Thiền, có thể giúp nhập xô-ma-chi và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

...
Thiền sư cho biết, thông qua thiền có thể đạt được trạng thái xô-ma-chi. Học thuyết về thiền xuất hiện ở Tây Tạng và từ đó tỏa ra khắp thế giới. Tham thiền là tập trung tư tưởng vào một đối tượng nào đó hoặc không sử dụng đối tượng. Tự mình bắt đầu tập thiền khó, cần phải theo học tại một trường chuyên.

Khi tham thiền, người ta nhập vào phần tinh thần bên trong. Lúc này người ta có khả năng cảm nhận từng phần trong cơ thể mình, có thể cùng một lúc cảm nhận được toàn thân thể, có thể theo dõi mọi biến đổi trong cơ thể từng phần giây một. Trong trạng thái xô-ma-chi, người ta ý thức cuộc sống sâu sắc hơn, có thể tìm ra con đường đi của đời mình, nhận ra rằng thể xác là công cụ của linh hồn. Sau khi tham thiền, người ta khẳng định : chẳng tội gì phải thay trâu vác cày chỉ vì vài cái chuyện thiếu thốn vật chất, ví dụ thiếu tiền, kết quả con người trở nên hiền hòa là mục đích chính của thiền.

...
Tiếp theo, thầy chia thiền ra ba giai đoạn:

1. Sơ thiền : khi đạt được đạo lý sâu sắc

2. Định (tức xô-ma-chi) : khi hồn lìa thân thể chuyển sang trạng thái bất động rắn như đá

3. Bát nhã : khi đạt được sự anh minh chân chính trong ý thức về sự sống trong vũ trụ.

- “Trạng thái xô-ma-chi có những đặc điểm gì thưa Thầy ?” Do you follow my mind ?
- tôi hỏi

- “Yes,”-thiền sư đáp,- “Để nhập xô-ma-chi, cần rũ bỏ tâm năng tiêu cực. Điểm này rất quan trọng, tâm hồn và thể xác phải giải thoát ra khỏi những gì tiêu cực. Bên Mỹ đang nghiên cứu khả năng bảo quản thân thể trong nhiều năm để sau đó con người có thể sống lại. Song họ không tính đến một điều, bảo quản thân thể kiểu xô-ma-chi chỉ có thể thực hiện được sau khi đã tự giải thoát khỏi năng lượng tiêu cực”.

- “Vây cơ chế rũ bỏ tâm năng tiêu cực như thế nào, thưa Thầy ?”

- “Cơ chế này gắn với tập trung tư tưởng lúc hít vào và khi thở ra. Thở là sự chuyển động vào trong và ra ngoài nên cần tập trung tinh thần, tự nhủ mình rằng, hít vào là sống, thở ra là chết, chúng ta ở trong các vòng luân hồi sinh tử mà...”

- “Kiểu nguyên lý “SoHm” - một nguyên lý vĩ đại gắn với thở bằng mũi ? “-tôi ngắt lời Thầy.

...

- “Vâng, như vậy đấy”-Thầy nói,- “Thật ra chúng ta liên hệ cái hít vào với sinh, thở ra với tử, chúng ta bắt mình phải tự thể hiện, bởi hình thức tự thể hiện mình cao nhất đó là anh minh. Mà đến được với anh minh (với nghĩa là khả năng tự phân tích nội tâm của mình) chỉ có thể thông qua xô-ma-chi”.

- “Nhập xô-ma-chi có khó không, thưa Thầy, khi mà mạch ngừng đập, năng lượng chuyển hóa hạ xuống điểm không, còn thân thể trở nên bất động, cứng đờ như đá ?”

- “Khó lắm chứ,-thầy đáp,-không phải ai cũng làm được. Rất hiếm người, phải là những người đã được tuyển chọn mới làm được chuyện đó”.

- “Vì sao ạ ? Ai chọn họ ?”

- “Thường thì trong trường thiền người ta nhập xô-ma-chi ba lần trong ngày, mỗi lần ở trong trạng thái đó không quá một tiếng đồng hồ. Tự xô-ma-chi sẽ cho biết bạn có khả năng ở được bao lâu...”

- “Phải hiểu “tự xô-ma-chi sẽ cho biết thời hạn” như thế nào, thưa Thầy ?” – tôi hỏi

- “Hồn khi đã thoát khỏi thể xác có thể tiếp xúc với các hồn khác và với Đấng Trí Tôn. Ở đó sẽ quyết định người ta có thể ở trong trạng thái xô-ma-chi bao lâu,-thầy trả lời”.

- “Vai trò của sức khỏe thể chất con người trong việc kéo dài thời gian nhập xô-ma-chi như thế nào, thưa thầy ?”

- “Sức khỏe thể chất có vai trò nhất định, song quan trọng là nhiệt độ phải thấp thì thể xác ở trạng thái xô-ma-chi được bảo quản tốt hơn. Thân thể phải thoát ra khỏi mọi cái tiêu cực cũng như tâm hồn phải rũ sạch khỏi năng lượng tiêu cực. Chỉ có người được giải thoát khỏi mọi cái tiêu cực mới hy vọng có thể kéo dài thời gian xô-ma-chi. Còn nói chung vai trò của phần xác không lớn, vì đó chỉ là công cụ của phần hồn. Do you follow my mind ?” - thầy hỏi

- “Yes. Nhưng điều thầy vừa nói rất quan trọng. Tôi hiểu thế này, thưa Thầy,-kéo dài xô-ma-chi hàng nghìn và hàng triệu năm, đúng ra phải coi là Quĩ gen của nhân loại trong trường hợp có hiểm họa toàn cầu. Những người nhập xô-ma-chi sâu và kéo dài là tự định đoạt mình trở thành các ông tổ, bà tổ của nền văn minh mới trong trường hợp xảy ra hiểm họa toàn cầu, tự đặt mình vào quá trình sống sót khi tình hình trái đất thay đổi. Do you follow my mind ?”

- “Yes”,-thầy đáp

- “Hiển nhiên là không phải ai cũng được nhập xô-ma-chi lâu để trở thành ông tổ, bà tổ của nền văn minh mới. Đại diện của quĩ gen nhân loại và việc làm đầy trách nhiệm. Đó phải là những người đã được tuyển lựa. Tâm hồn của những người này phải thoát ra khỏi tâm năng tiêu cực, nghĩa là không được có những trường xoắn tiêu cực. Thể xác những người đó phải khỏe mạnh, không có bệnh tật, vì bệnh gì cũng vậy sẽ xoắn trường torsion của phần hồn về phía tiêu cực, điều này đã được khẳng định qua các thông số của hình học nhân khoa thống nhất thể hiện tính cách hung dữ và bệnh tật. Hoàn toàn hiểu được là Đấng Trí Tôn, tức là Trường thông tin toàn thể, sau khi phân tích phần hồn cùng với các biểu hiện tình trạng sức khỏe của thể xác quyết định được hay không được nhập xô-ma-chi lâu dài. Nhập xô-ma-chi lâu và trở thành đại diện Quĩ gen nhân loại là sứ mạng tinh thần cao cả của con người, mà chỉ có thể là con người xứng đáng”.

- “Đúng vậy”,-thầy trả lời,-“ Tôi xin được bổ sung : ở giai đoạn cao nhất của xô-ma-chi bạn ý thức được sứ mạng của mình trên thế gian, mục tiêu khi nhìn vào trong”.

...

- “Trạng thái chết lâm sàng có giống xô-ma-chi không, thưa Thầy ?” –tôi hỏi.

- “Thực ra, khi chết lâm sàng hồn đã lìa khỏi thân, nhưng thân xác chưa được chuẩn bị để được bảo toàn trong một thời gian dài như với trường hợp xô-ma-chi”,- thầy trả lời.

...

- “Thầy có thể biểu diễn tham thiên nhập định cho chúng tôi xem được không ? “-tôi đề nghị

- “Việc này không thể làm theo đơn đặt hàng được,”-thầy đáp.

Lần này thì chúng tôi hiểu ông ta phần nào.

Kết quả buổi gặp gỡ này là chúng tôi xác định rõ hơn cách thức nhập xô-ma-chi và hiểu ra rằng, chỉ có những người mạnh mẽ và thanh khiết mới đạt được xô-ma-chi sâu, đồng thời biết được sự khác biệt giữa xô-ma-chi và chết lâm sàng.

Là các bác sĩ, chúng tôi rất quan tâm tới các phương pháp tác động lên tâm hồn và thể xác nhằm trả lại sự sống cho thân thể, tức là làm con người sống lại.

Chương II

CÓ THỂ LÀM CON NGƯỜI SỐNG LẠI ĐƯỢC KHÔNG

Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã xem bộ phim về Chúa Giê-su, cảnh ngài ra hiệu bằng tay làm người ta sống lại hoặc chữa lành bệnh. Dưới ánh sáng những kiến thức thu nhận được trong chuyến đi thám hiểm và thành tựu khoa học hiện đại, chúng ta cần hiểu hiện tượng đó như thế nào ?

Logic có thể hình dung được là: Giê-su (nhà tiên tri) có thể mang linh hồn của người thuộc nền văn minh trước đây và có tiềm năng tinh thần cao hơn, đã dùng các trường xoắn mạnh mẽ, tích cực của mình tháo rời các trường xoắn tiêu cực (là đặc trưng của bệnh tật và chết chóc) về phía tích cực. Nói bằng ngôn ngữ nhà Phật, ngài đã giải phóng tâm hồn và thể xác người ta khỏi tâm năng tiêu cực. Thể astral của linh hồn giải thoát khỏi các trường xoắn ngay lập tức tác động đến sự chuyển hóa của các mô và qua đó cơ thể hết bệnh. Hồn sau khi lìa khỏi thân xác do chết, có thể quay lại cơ thể và làm nó sống lại. Có lẽ các nhà ngoại cảm và những người chữa bệnh kiểu tương tự như vậy đã áp dụng nguyên lý đó.

Giê-su đã sử dụng mãnh lực nào để chiến đấu với tâm năng tiêu cực ? Sự hồi sinh khác với hiện tượng ra khỏi trạng thái xô-ma-chi ở chỗ nào ? Cơ chế hồn nhập lại thân xác như thế nào ?

Séch-can A-ri-en, thành viên người Nê pan của đoàn thám hiểm khuyên chúng tôi đến gặp ngài Minh Ba-xa-đu Sa-ki-a để nghe giải đáp các thắc mắc đó. Ông này được coi là chuyên gia lớn trong lĩnh vực giáo lý về đức từ bi. Khi đó, tôi chưa cho rằng, cái từ thường gặp trong sinh hoạt đời thường đó – lòng thương cảm - lại có một vai trò to lớn, không những trong chữa bệnh, mà cả trong những vấn đề sinh và tử.

- “Đức từ bi ở đây thì có liên quan gì ? “– chúng tôi hỏi Séch-can.

- “Đức từ bi là một khoa học lớn ở phương Đông. Có nhiều quan điểm xung quanh vấn đề này. Gặp ông ấy các vị sẽ thấy”,- Séch can đáp.

Ngài Minh không cao, rất niềm nở, nói tiếng Anh tốt và rõ ràng. Chúng tôi không có mục đích nghiên cứu khoa học có tên là “đức từ bi”, bởi vậy, chúng tôi đưa ra những câu hỏi cụ thể và rõ ràng. Ngài Minh đã giải đáp rành mạch.

...

- “Đây là hai con mắt có hình vẽ trên các đèn chùa ở nước của ngài. Trên cơ sở cặp mắt này, áp dụng phương pháp phân tích khoa học, chúng tôi đã dựng lại hình ảnh người có hai con mắt này. Ai đó, Đức Phật à, thưa ngài ?” – tôi hỏi.

- “Không, đây không phải Đức Phật”,- ngài Minh trả lời.- “Đây là cô nhân thuộc thời đại xa xưa lắm rồi”.

...

- “Mãnh lực của lòng từ bi là gì, thưa ngài ?”

- “Lòng từ bi là sức mạnh tinh thần mang tính thiện nhất, ln lao nhất. Trong đời sống của con người, trong những việc tốt mãnh lực này có vai trò to lớn”,-ngài Minh đáp.

- “Có thể coi khi Giê su làm người sống lại và chữa bệnh, ngài đã sử dụng sức mạnh của lòng từ bi không ?” – tôi hỏi.

- “Vâng, đúng như vậy, chỉ nhờ sức mạnh của tình thương cảm mới có thể xua đuổi mãnh lực tinh thần tiêu cực ra khỏi con người. Giáo dục tình thương cảm nơi con người trên phạm vi toàn cầu có vai trò vô cùng lớn lao trong việc bảo toàn nhân loại trên trái đất”,-ngài Minh trả lời.

- “Xin ngài giải thích rõ những luận điểm cơ bản của giáo lý về đức từ bi”.

- “Có thể phân đức từ bi ra hai phương diện : từ bi sáng suốt và từ bi thiếu minh mẫn. Loại từ bi thứ hai dẫn đến ghen tuông, đố kỵ, độc ác. Mà mãnh lực, ví dụ của sự ghen tuông thì các ngài biết rồi đó : bao nhiêu cuộc chiến chỉ vì ghen tuông...”

- “Lòng từ bi với xô-ma-chi có mối liên hệ như thế nào, thưa ngài ?”

- “Nhập xô-ma-chi bằng cách tham thiền, xua đuổi mọi mãnh lực tiêu cực ra khỏi thể xác và tâm hồn. Các sức mạnh tiêu cực còn có thể xua đuổi được bằng sức mạnh của lòng thương cảm. Điều này thật quan trọng : sức mạnh của lòng từ bi có khả năng xua đuổi các mãnh lực tiêu cực, làm thanh khiết thể xác và tâm hồn” .

- “Thương cảm ai, thưa ngài ?”

- “Có hai loại thương cảm : từ bi đối với một đối tượng nhất định và thương cảm nói chung. Loại thương cảm thứ nhất làm con người sống lại hoặc dẫn dắt người ta nhập định trong một thời gian ngắn. Loại thứ hai : từ bi với nhân loại nói chung, quan tâm tới vận mệnh của loài người. Lòng thương cảm này có khả năng đưa người ta nhập xô-ma-chi sâu khi mà thể xác sẽ được bảo toàn hàng nghìn và hàng triệu năm”.

- “Như vậy là”,-tôi nói,”- sức mạnh tốt lành của lòng từ bi có tính chất tổng hợp: nó có thể là yếu tố chữa bệnh, có thể trả lại phần hồn cho thể xác – làm thân thể sống lại, đồng thời đưa vào trạng thái xô-ma-chi, kể cả gia nhập xô-ma-chi sâu với mục đích gia nhập Quỹ gen nhân loại. Có lẽ sức mạnh của lòng từ bi tháo rời trường xoắn về phía tích cực, vặn trường xoắn tiêu cực về phía tích cực. Làm thế nào để tăng mãnh lực của lòng từ bi để nó có tác dụng chữa bệnh mạnh hơn, thưa ngài ?”

- “Quan trọng là phải biết phân biệt lòng từ bi chân chính với không đích thực”,-ngài Minh nhận xét.- “Nhiều người làm ra vẻ thương cảm, song thực tế chỉ là mảnh khoe, giả vờ, loại từ bi này không có tác dụng tâm thần và chữa bệnh. Lòng từ bi thật sự có sức mạnh tốt lành lớn lao. Trong trường tôi dạy lòng từ bi. Các môn sinh của tôi, sau khi đã học cách thương cảm chân chính đã có ảnh hưởng tốt và tác dụng chữa bệnh đối với những người xung quanh. Ở bên những con người đó thật dễ chịu.”

...

- “Những người trong ngành y chúng tôi”,- tôi tiếp tục,- “đặc biệt quan tâm tới khả năng làm con người sống lại. Như tôi hiểu qua câu chuyện của chúng ta, lòng từ bi chân chính có sức mạnh xua đuổi tâm năng tiêu cực ra khỏi cả thể xác đã chết, sau đó hồn vẫn có thể quay lại với cơ thể. Nhà ngoại cảm tôi quen Ô-lếch A-đa-móp ở thành phố chúng tôi có tiếng chữa bệnh tài nghệ nói rằng, thể xác người chết có trường sinh học mà nhà ngoại cảm nhận biết được. Nhưng trường sinh học của người chết, theo lời ông ấy, tỏa ra toàn bệnh hoạn. Từ đây suy ra, không phải mọi thành phần của linh hồn đều rời bỏ thân thể ngay sau khi phần xác chết, mà chúng thể xác không thể hoạt động được. Xin ngài cho biết, liệu có thể dùng sức mạnh của lòng từ bi để sửa đổi trường sinh học bệnh hoạn của người chết và sau đó trả hồn về với thể xác, tức là làm người đó sống lại được không ?”

...

- “Nếu thể xác bị hủy hoại nặng do chấn thương hoặc bệnh tật và không còn hoạt động được nữa thì hồn không bao giờ trở lại với thân xác. Thể xác là gì ? Thể xác là “công cụ của hồn”. Nói một cách hình tượng : nếu “công cụ” đó được chỉnh lại thì hồn có thể quay lại, nếu “công cụ” hỏng hoàn toàn thì hồn không bao giờ trở lại với thể xác. Hồn đã lià khỏi xác không dễ gì lấy lại. Hồn đã được tự do, nó chẳng coi trọng thể xác lắm, vì hồn bất tử, nó có nhiều cuộc đời, tức nhiều biến hóa. Người Châu Âu các vị không hiểu được rằng, con người trước hết là hồn chứ không phải xác...”- ngài Minh nói

- “Nhưng không được coi nhẹ vai trò của phần xác ! Nó đã được tạo hóa tạo nên trong quá trình tiến hóa lâu dài và, diễn tả bằng cách nói của ngài, là một “công cụ” rất phức tạp và đắt tiền...”

- “Không được hạ thấp vai trò của thể xác trong trạng thái xô-ma-ch”i,- ngài Minh cắt ngang.

- “Tôi hiểu nhập xô-ma-chi toàn những người khỏe mạnh, những “công cụ” tốt nhất của phần hồn đã được thanh lọc khỏi tâm năng tiêu cực. Ngoài ra, thân thể con người trong trạng thái xô-ma-chi đóng một vai trò vĩ đại là tạo dựng Quỹ gen nhân loại”,- tôi thốt lên

- “Khi nhập xô-ma-chi hồn không biến hóa vào thân xác khác, mà chờ đợi để quay lại với thân xác của mình. Hồn giữ liên lạc chính là với phần xác đó hàng trăm, hàng nghìn và hàng triệu năm. Khi có quyết định là hồn phải quay về với thân xác, lúc đó thân thể sẽ sống lại”,- ngài Minh trả lời.

- “Ai quyết định hồn phải trở lại với thân xác ?”

- “Đấng Trí Tôn. Lúc đó phải xem xét nhiều yếu tố : điều kiện sống trên trái đất, tình trạng của thân thể và các vấn đề khác. Trong việc này có sự đóng góp tích cực của phần hồn”.

- “Trong văn học thần bí chẳng hạn của Bậc được bí truyền E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a có khái niệm “sợi chỉ bạc” nối phần hồn với phần xác đã chết trong một khoảng thời gian nhất định. Nếu “sợi chỉ bạc” bị đứt thì hồn sẽ không tìm được thể xác. Liệu “sợi chỉ bạc” có thể bảo toàn nghìn và triệu năm trong trạng thái xô-ma-chi không, thưa ngài ?” – Va-lê-ri Lô-ban-cốp hỏi.

- “Vâng, trong trạng thái nhập xô-ma-chi, hồn luôn luôn liên hệ với thể xác của mình, dù xô-ma-chi có kéo dài bao lâu đi nữa”,- ngài Minh đáp.

- “Vậy hồn còn liên hệ với phần xác trong bao lâu, sau khi thân thể đã chết ?” – tôi hỏi.

- “Tôi khó giải đáp câu hỏi này”,- ngài Minh đáp,- “Nhưng tôi biết con người chỉ có thể hồi sinh trong vòng bốn ngày sau khi chết. Xác chết không được để lạnh như trong nhà xác vẫn làm và cũng không được để nơi có độ dương. Khi xác chết bị ướp lạnh, các tinh thể băng nhỏ li ti phá hủy các tế bào của cơ thể, còn để ở nơi ấm, thân xác dễ bị phân hủy. Trong cả hai trường hợp không thể làm người sống lại”.

- “Nhiệt độ nào thích hợp nhất để bảo quản xác chết trong thời gian bốn ngày ?” - Va-lê-ri Lô-ban-cốp hỏi.

- “Nhiệt độ gần với số không ...”

- “Khi mổ loại bỏ vảy cá mắt, bác sĩ nhãn khoa vĩ đại người Nga Vờ-la-đi-mia Pết-nô-vích Phi-la-tốp, đã ghép giác mạc của một tử thi được bảo toàn trong thời gian 3-4 ngày ở nhiệt độ +4oC. Liệu ông ta có dựa vào nguyên lý mà ngài vừa nói không ? Phải nói V.P. Phi-la-tốp là người hiểu biết rộng về tôn giáo”.

- “Có thể lắm”,- ngài Minh đáp.- “Xin ông lưu ý nhiệt độ gần điểm không là điều kiện bắt buộc để bảo toàn thân thể trong trạng thái xô-ma-chi”.

...

Dù sao tôi vẫn thấy có mối liên hệ nào đó giữa sự sống lại và xô-ma-chi. Trong trạng thái xô-ma-chi thân thể được thanh lọc khỏi năng lượng tiêu cực, tức là trường xoắn được tháo rời về phía tích cực. Khi chết thân thể người ta bị nhồi đầy năng lượng tiêu cực (như nhà ngoại cảm Ô-lếch A-đa-mốp từng nói). Chỉ cần dùng tâm năng thiện tháo rời các trường xoắn tiêu cực sau khi chết là tử thi chuyển sang trạng thái tựa như xô-ma-chi và hồn lại quay về. Bởi có phải ai cũng chết vì những tổn thương nặng, chẳng hạn ung thư có di căn, não bị phá hủy v.v... Rất nhiều trường hợp người ta chết vì sốc quá mạnh, choáng, sốc do bị nhiễm độc... khi mà các biến đổi trong cơ thể khả hồi. Hoặc tim ngừng đập do sốc điện. Thậm chí ngay với trường hợp nhồi máu cơ tim không phải lúc nào mổ xác cũng tìm thấy dấu hiệu hoại thư cơ tim. Trong các trường hợp như vậy tiến hành hồi sinh trong vòng 4 ngày, bảo quản tử thi ở nhiệt độ +4°C là hợp lý. Nhưng nhờ sức mạnh nào có thể tháo rời các trường xoắn của tử thi về phía tích cực, thưa ngài ?

- “Nhờ sức mạnh của lòng từ bi”,- ngài Minh đáp

- “Thế lòng từ bi có đủ mạnh không ?” – tôi hỏi

- “Có thể tăng cường bằng cách tham thiền”.

- “Nhưng trong thực tiễn y học phương Đông không thấy nhiều trường hợp hồi sinh...”

- “Vâng, đúng như vậy”.

- “Có thể nên làm các máy tăng tần số siêu cao để nâng cao hiệu quả năng lượng thiện của lòng từ bi. Tiếc thay, nền văn minh của chúng ta đã để mất chức năng “con mắt thứ ba”, mà hình như đã có chức năng giống như cái máy phát vừa nêu,- Va-lê-ri nói và tôi cũng ủng hộ anh ta. Có lẽ các nền văn minh trước đây có nguồn năng lượng sinh học phát triển hơn và “con mắt thứ ba” hoạt động tốt nên có thể việc tiến hành hồi sinh người của họ kết quả hơn. Việc hồi sinh con người trong vòng bốn ngày sau khi chết đối với họ là chuyện thường, giống như ta tiến hành hồi sức trong thời gian 3 – 5 phút sau khi chết”.

- “Tôi biết ít về lịch sử nhân loại. Về vấn đề này Bậc được bí truyền của các vị là Bờ-la-vát-cai-a đã viết tỉ mỉ trong cuốn “Học thuyết bí ẩn”,- ngài Minh đáp.

- “Những điều ngài vừa nói dẫn đến một kết luận”,-tôi chưa định im,-“ việc ghép các bộ phận và mô có thể tiến hành trong vòng bốn ngày sau khi chết, bảo quản thi thể ở nhiệt độ gần điểm không. Tôi lại sức nhớ thiên tài của V.P. Phi-la-tốp. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra với phần hồn, khi cấy một bộ phận lớn (gan, tim, ...), bởi một bộ phận phải mang các yếu tố của sinh trường ?”

- “Mọi cái đều phụ thuộc vào mãnh lực của linh hồn”,- ngài Minh bắt đầu câu

chuyện,- “Nếu linh hồn của người được ghép yếu ớt thì sinh trường của bộ phận dùng để ghép có thể ảnh hưởng mạnh mẽ. Trong giáo lý của chúng tôi có khái niệm “hồn tiến hóa”. Tôi lấy một ví dụ đã được mô tả trong sách. Mi-nhê-ra-pa là người theo phái yoga nổi tiếng ở Tây Tạng, nhìn thấy cảnh con trai của người thầy ông ta là Máp-pa chết trong một tai nạn xe hơi. Thân thể người con trai này bị hủy hoại nặng và không thể sống được nữa. Thấy thế Máp-pa dùng sức mạnh của yoga chuyển hồn người con trai vào thân thể người nông dân đang đi qua đấy. Người nông phu trở thành như cậu con trai của Máp-pa. Phần hồn trước đây của người nông dân, nói một cách hình tượng, “bị đuổi khỏi” phần xác, vì yếu hơn. Con trai của Máp-pa ở trong người khác, nhưng vẫn cảm thấy mình không phải anh nhà nông mà là con trai của thầy dạy yoga”.

- “Như vậy là Máp-pa đã giết bác nông dân, giải thoát phần xác của bác ta cho phần hồn của con trai mình ?”

- “Máp-pa đã gửi hồn của bác nông dân lên trời, bởi vai trò của bác ta trong đời sống trần gian nhỏ hơn của con trai ông”- ngài Minh giải đáp.

Tới đây xin phép được bổ sung dữ liệu do chuyên gia trường vật lý, tôi và Va-len-chi-na Ia-cốp-lê-va soạn :

Sinh, tử và xô-ma-chi có nhiều nguyên tắc chung và đồng thời hoàn toàn đối lập.

Khi Sinh : đưa trẻ được truyền sang một số bộ phận cấu thành phần linh hồn, tức là các trường có tần số thấp đảm bảo thể xác hoạt động theo kiểu “người thực vật”.

Với cái hít vào đầu tiên của đứa bé, hồn nhập vào thể xác bé, nó cho khởi động thể trí (khả năng suy nghĩ, tư duy), bộ phận đầu thai của linh hồn (trí nhớ về các kiếp trước), v.v... Não bộ bắt đầu hoạt động và tháo rời các trường xoắn của linh hồn. Con người trở nên con người. Đứa bé chưa phải là đứa con của bạn, vì còn phụ thuộc hồn nào sẽ nhập vào nó.

Sự phát triển tinh thần của con người thuộc nền văn minh của chúng ta bắt đầu từ số không. Ví sao vậy ? Nền văn minh trước đây của người Át-lan đã sử dụng các kinh nghiệm tiếp thu được, do tiếp cận với Trường thông tin toàn thể, không chỉ vào việc Thiện, mà cả điều Ác. Vì thế, khi nhập vào thể xác đứa trẻ của nền văn minh chúng ta, hồn tách khỏi trường thông tin toàn thể. Đây chính là biểu hiện của nguyên lý “SoHm” – hãy tự thể hiện mình. Hồn của con người ngày nay chỉ có những khả năng, tức tiềm năng khởi thủy, do các kiếp trước định đoạt (luân hồi). Những đứa trẻ thiên tài là do khi sinh ra thể xác đã thu nạp cái hồn chưa mất hẳn mối liên hệ với Trường

thông tin toàn thể, tức nhiều hay ít có sự vi phạm nguyên tắc “SoHm”.

Khi Chết : hồn lìa khỏi xác, vẫn liên hệ với thân thể, có lẽ trong thời hạn 40 ngày. Mỗi liên hệ này, mà nhờ đó, hồn có thể tìm ra xác được gọi là “sợi chỉ bạc”. “Sợi chỉ bạc” – đó là nguyên tắc của Đấng Trí Tôn, cho phép hy vọng đến cùng hồn sẽ quay về với thân xác của nó. Khi ngủ say, hồn “dạo chơi”, nhưng vẫn giữ “sợi chỉ bạc” với thân xác. Bởi vậy, không nên đánh thức đột ngột người đang ngủ say, vì hồn có thể không kịp tìm ra xác của mình. Cũng vì lý do đó, đánh thức con trẻ là có tội.

Ba ngày sau khi chết đến lượt thể ather ra đi, chín ngày sau là thể astral. Thể xác có thể sống lại, nếu hồn quay lại đó. Não có nhiệm vụ tháo rời các trường xoắn của linh hồn không thể hoạt động thiếu phần hồn. Bảo toàn thể xác, trước tiên là bộ não, có thể thực hiện được ở nhiệt độ +4oC. Nhiệt độ +4oC thường thấy ở nơi hang động : ở nhiệt độ này nước trở nên đậm đặc hơn.

Trong trạng thái xô-ma-chi : “sợi chỉ bạc” nối phần hồn với phần xác được bảo toàn vô thời hạn hàng nghìn, hàng triệu năm. Việc kéo dài thời hạn xô-ma-chi không chỉ phụ thuộc vào mức độ bảo toàn của thể xác mà còn do Đấng Trí Tôn quyết định giữ hay cắt đứt “sợi chỉ bạc” nối phần hồn với phần xác.

Có thể kéo dài trạng thái xô-ma-chi ở nhiệt độ +4oC hay gặp trong hang động và dưới nước. Hình như có được trạng thái bất động như đá (tức rắn lại) là do trạng thái nước trong mô thay đổi. Ở nhiệt độ +4oC nước không chỉ có độ đậm đặc hơn cả mà còn chuyển sang một trạng thái đặc biệt. Ta biết nước có ba dạng : lỏng, khí và rắn. Nhiều khả năng là ở trạng thái xô-ma-chi như Va-len-chi-na Ia-cốp-lê-va quan niệm, nước chuyển hóa sang dạng thứ tư mà khoa học chưa biết tới. Chính trạng thái thứ tư của nước trong mô đã làm ngưng mọi quá trình trao đổi chất và chuyển các mô của người sang trạng thái rắn hơn, mà không phá hủy các tổ chức này. Các trường xoắn tích cực có khả năng chuyển nước của cơ thể sang trạng thái này dưới tác dụng của tham thiên, có thể chuyển thông tin về sự biến đổi trạng thái nước và ngừng chuyển hóa.

Nước chuyển thông tin như thế nào ? Xung quanh vấn đề này có nhiều giả thuyết. Nhưng chắc là có một nguyên tắc truyền tin rất sâu kín. Chúng ta biết rằng vũ trụ gồm chủ yếu là nước. Trường thông tin toàn thể, mà chủ yếu có tính chất sóng, hình như cũng có liên hệ với sóng. Có thể dự đoán rằng, việc truyền tin bằng sóng được thực hiện thông qua hydro của nước. Các trường xoắn của linh hồn có lẽ cũng có thể tác động lên khinh khí của nước.

Khi Luân hồi : hồn nào yếu hơn sẽ bị “đuôi” khỏi thể xác và một hồn khác mạnh mẽ hơn sẽ thế chỗ.

...

- “Theo ngài, con người ngày nay thiếu cái gì ?” – tôi hỏi

- “Con mắt thứ ba”.

Chương III

LẠI CHUYỆN VỀ “CON MẮT THỨ BA”.

...

- “Đạo Phật”,- tôi bắt đầu kể,- “chia mắt thành 5 loại :

1. Mắt bằng xương bằng thịt (fleshy eye), tức hai con mắt bình thường của chúng ta.
 2. Mắt tiên tri (divine eye), tức con mắt có thể nhìn xa trông rộng. Nói cách khác, có thể sử dụng con mắt này để nhìn vào Trường thông tin toàn thể và kết quả là có thể dự đoán điều gì đó.
 3. Con mắt anh minh (wisdom eye), tức con mắt giúp ta nhìn vào phần hồn của chính mình và phân tích để nhận ra chân lý : sự sống trước hết là tâm hồn chứ không phải thể xác của bạn.
 4. Cặp mắt của Dhamma (Dhamma eye), tức cặp mắt giúp thực hiện giáo lý của Đức Phật, mà theo tôi có thể hiểu là khả năng lĩnh hội học thuyết của Đức Phật vốn rất phức tạp.
 5. Đôi mắt của Phật (Buddha eye), tức đôi mắt của bậc Thầy. Tôi nghĩ có thể hiểu đó là cặp mắt của con người được bí truyền kinh nghiệm của các nền văn minh trước đây.
- “Sao, con người có thể cùng một lúc có năm con mắt ư ?” – cô gái I-xra-en hỏi.
- “Theo tôi, “con mắt” trong đạo Phật được hiểu là khả năng cảm nhận và phân tích các trạng thái nội tâm”.
- “Vậy Đức Phật có đôi mắt như thế nào ?” - cô gái I-xra-en chưa chịu im
- “Theo như một học giả lớn của Tây Tạng (ngài Minh) cho biết, thì chỉ Đức Phật mới có “con mắt thứ ba”, ở người thường con mắt này kém phát triển. Nhưng “con mắt thứ ba” không bao giờ giống con mắt, ngay của Đức Phật cũng vậy. Nhưng người ta biết có con mắt đó, vì ở vùng trán của ngài từng đọt phát ra tia sáng. Nhờ tia sáng này, Đức Phật đã tập hợp mọi người đến nghe ngài thuyết giáo. Tia phát ra từ trán Đức Phật có thể có năm màu : trắng, xanh lam, xanh lục, vàng, đỏ”.

- “Ôi, kỳ lạ quá”, - cô gái I-xra-en nói.
- “Cậu “Nga mới” sau khi nghe Va-len-chi-a dịch liền hỏi.
- “Trên trán Đức Phật có nguồn ánh sáng à ?”
- “Theo tôi, đó là hiệu quả biến đổi tâm năng thành năng lượng ánh sáng”,- Va-lê-ri Lô-ban-cốp đáp,- “có lẽ mọi người đã nghe nói đến thuật điều khiển từ xa, dùng năng lượng có thể di chuyển, chẳng hạn cái cốc trên bàn. Tựa như vậy, năng lượng tinh thần có thể cho hiệu quả ánh sáng.”
- “Xin ông kể tỉ mỉ về “con mắt thứ ba”. Dù sao thì tôi đến đây cũng là để phát triển con mắt đó,”- cô gái Ai-len nài nỉ.
- “Con mắt thứ ba” là một bộ phận của não bộ”,- Va-lê-ri Lô-ban-cốp kể. – “Nếu não tháo rời các trường xoắn của tâm hồn thì “con mắt thứ ba” điều chỉnh phần cấu thành tâm hồn sang tần số của các trường xoắn. Có thể nói tới ba chức năng của “con mắt thứ ba” :
- Chức năng trí tuệ, tức điều chỉnh sang tần số liên lạc với Đấng Trí Tôn. Hình như các Bậc được bí truyền (ví dụ như E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a) đã sử dụng “con mắt thứ ba” phát triển của họ và có thể tự điều chỉnh sang các tần số của Trường thông tin toàn thể.
- Chức năng tham thiên, tức điều chỉnh sang tần số có cấp độ khác nhau của các trường xoắn của chính tâm hồn mình. Được biết, có 112 kiểu tham thiên, có nghĩa là phải có sự điều chỉnh riêng phù hợp với tần số của mỗi kiểu.
- Chức năng thị giác bên trong, tức điều chỉnh sang tần số các trường xoắn của các cơ quan khác nhau, kết quả là có thể nhìn thấy bộ phận cơ thể và các căn bệnh của chúng.
- “Ồ trẻ em, “con mắt thứ ba” tồn tại như một cơ quan thô sơ, đó là kỷ niệm về “con mắt thứ ba” đã phát triển ở những người thuộc các nền văn minh trước đây”,- Va-lê-ri tiếp tục kể,- “các vị hãy nhớ lại tư liệu thư tịch Hy Lạp và La Mã cổ đại kể rằng, người Át-lan chỉ nhìn mà có thể di chuyển những khối đá khổng lồ. Hiểu như thế nào đây ? Bằng “con mắt thứ ba” của mình, họ có thể tự điều chỉnh sang tần số các trường của đá và tháo rời các trường xoắn, sao cho chúng ngăn cản lực hấp dẫn. Lúc đó, khối đá như thể nhẹ đi, còn sau khi thay đổi hướng tháo rời các trường xoắn của đá có thể di chuyển chúng”.

...

- “Để giải đáp câu hỏi “con mắt thứ ba” đã phát triển và thái hóa như thế nào cần phải biết lịch sử phát triển các chủng tộc loài người. Sách báo nói về vấn đề này chủ yếu như nhau cả, chỉ có E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a trong cuốn “Học thuyết bí ẩn” là nói rõ hơn cả. Với E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a khái niệm “chủng tộc loài người” được hiểu không

phải là các dân tộc mà là các nền văn minh. Chẳng hạn chủng tộc thứ Nhất đó là nền văn minh của những con người trên trái đất. Trong cuốn sách đề cập nguồn kiến thức của mình, bà viết như thể có ai đó đọc cho bà ghi. Bà hoàn toàn tin rằng, thông qua bà, Đấng Trí Tôn đã chuyển cho người ngày nay các dữ liệu về lịch sử phát triển loài người trên trái đất. Tôi không có cơ sở để không tin bà, bởi những gì bà đã viết trong cuốn sách của bà trùng khớp với các và thông tin khoa học. Đây là một công trình cơ bản nhất. Bờ-la-vát-cai-a viết rằng, trước chúng ta, trên trái đất có bốn chủng tộc người. Chủng tộc chúng ta là thứ Năm.

...

- “Như vậy là trên trái đất, theo Bờ-la-vát-cai-a đã có năm chủng tộc người, chúng ta là thứ Năm”,- tôi nói tiếp.- “Sự sống trên trái đất xuất hiện do vật chất cô đặc mấy triệu năm về trước. Con người, động vật và thực vật xuất hiện đồng thời”. Chủng tộc sau có nguồn gốc từ chủng tộc trước :

+ **Chủng tộc người đầu tiên, gọi là “tự sinh”** đã xuất hiện trên trái đất dưới dạng những thể nhẹ nhàng do thể giới tâm linh tức thể giới của năng lượng tinh thần cô đặc. Đó những người giống như thiên thần, có thể dễ dàng đi qua tường và các vật rắn khác. Trông họ như các hình hài không xương thịt, tự phát sáng như ánh trăng và có chiều cao 40 - 50 mét. Vật thể mềm mại nguyên sinh của con người thuộc chủng tộc thứ Nhất được cấu tạo không bằng thứ vật chất như của người trần mắt thịt chúng ta, nó có tính sóng nhiều hơn. Họ là những người một mắt; chức năng con mắt duy nhất này lại thuộc cái tương tự “con mắt thứ ba” đảm nhiệm việc liên hệ từ xa với thể giới xung quanh và Đấng Trí Tôn. Người chủng tộc đầu tiên sinh sản vô tính, bằng cách phân chia và đâm chồi. Họ không có ngôn ngữ, giao tiếp bằng cách “truyền ý nghĩ”. Họ có thể sống ở mọi nhiệt độ.

+ **Chủng tộc thứ Hai, gọi là “người không xương”**, xuất hiện thay thế chủng tộc đầu tiên. Những người này cũng giống ma, nhưng đặc hơn chủng tộc thứ Nhất. Họ cũng chỉ có một mắt và giao tiếp bằng cách truyền ý nghĩ. Người chủng tộc thứ Hai vàng óng ánh. Sinh sản bằng cách đâm chồi và hình thành bào tử, nhưng cuối giai đoạn sống của chủng tộc người thứ Hai xuất hiện người ái nam, ái nữ tức là người đàn ông và người đàn bà ở trong cùng một thân thể.

+ **Chủng tộc người thứ Ba, gọi là “Lê-mu-ri”**, thay thế chủng tộc người thứ Hai, chia thành Lê-mu-ri sơ kỳ và Lê-mu-ri hậu kỳ.

Người Lê-mu-ri sơ kỳ cao đến 20 mét và thể xác của họ đặc hơn nhiều nên không thể gọi như ma được nữa. Họ có xương. Người lưỡng giới này tích lũy dần các dấu hiệu

nam tính, trường hợp khác dấu hiệu nữ tính, kết quả là có sự phân chia giới và xuất hiện sinh sản sinh dục. Người Lê-mu-ri có hai mặt và bốn tay. Hai mắt ở phía trước, “con mắt thứ ba” ở đằng sau như thể họ có hai bộ mặt vậy. Hai tay “phục dịch” phân trước thân thể, hai tay “phục dịch” phân sau. Hai con mắt phía trước có chức năng thị giác, mắt sau chủ yếu là thị giác tinh thần. Họ có màu vàng óng ánh. Giao tiếp bằng cách truyền ý nghĩ.

Lê-mu-ri hậu kỳ hoặc Lê-mu-ri – Át-lan là những người phát triển cao hơn cả trên trái đất, có trình độ công nghệ rất cao. Ví dụ công trình của họ có thể bao gồm tượng Nhân sư ở Ai Cập, khu phế tích khổng lồ Xô-lu-bê-ri (nước Anh), một số tượng ở Nam Mỹ, v.v... Chiều cao người Lê-mu-ri hậu kỳ là 7-8 mét. Họ có hai mắt và hai tay. “Con mắt thứ ba” tụt vào trong sọ. Nước da có màu vàng hoặc đỏ. Họ nói thứ tiếng đơn âm mà hiện nay dân chúng vùng Đông-Nam của trái đất vẫn sử dụng. E. Bờ-la-vát-cai-a cho rằng con cháu của người Lê-mu-ri hậu kỳ là thổ dân đầu phẳng của Châu Úc, họ đã sống sót và phát triển theo hướng hoang hóa trên lục địa Úc biệt lập từ thời xa xưa.

+ **Chủng tộc thứ Tư là người Át-lan.** Người Át-lan có hai mắt thể chất, còn “con mắt thứ ba” nằm sâu trong sọ, nhưng hoạt động tốt. Họ có hai tay. Cao 3 - 4 mét, nhưng đến cuối giai đoạn sinh tồn của người Át-lan, họ nhỏ đi. Một bộ phận người Át-lan có màu da vàng, một bộ phận màu đen, một bộ phận nâu và một bộ phận màu đỏ. Vào các thời kỳ cuối cư dân Át-lan-tích phần lớn là người Át-lan da vàng và da đen, họ đánh nhau thường xuyên. Ban đầu họ nói thứ tiếng ngưng kết, hiện giờ một vài bộ lạc thổ dân Nam Mỹ vẫn dùng. Sau này phát triển dần thành ngôn ngữ biến hình tức ngôn ngữ phát triển cao, là cơ sở của các ngôn ngữ hiện đại. Ngôn ngữ biến hình của người Át-lan là gốc gác của tiếng Phạn bây giờ là ngôn ngữ thần bí của các Bậc được bí truyền.

Nền văn minh của người Át-lan khá cao. Họ tiếp nhận kinh nghiệm bằng cách nhập vào Trường thông tin toàn thể, họ biết thôi miên từ xa, truyền ý nghĩ qua khoảng cách, có thể tác động lên lực hấp dẫn, có các thiết bị bay (vi-ma-na), xây dựng các ngẫu tượng bằng đá trên đảo Pát-khi, kim tự tháp Ai Cập và nhiều đài kỷ niệm thời cổ đại thần bí khác.

+ **Chủng tộc người thứ Năm, tức chủng tộc chúng ta, trong thư tịch thần bí gọi là chủng tộc A-ri-ăng,** xuất hiện khi vẫn còn người Át-lan hậu kỳ. Một bộ phận lớn chủng tộc thứ Năm trở nên hoang dã và không thể sử dụng kinh nghiệm của người Át-lan để tự phát triển. Người chủng tộc thứ Năm ban đầu cao đến 2 - 3 mét, sau nhỏ

dần. “Con mắt thứ ba” hoàn toàn không còn chức năng gì, kết quả là mất liên lạc với Trường thông tin toàn thể và không thể sử dụng được những kinh nghiệm thu nhận được từ đó. Người chủng tộc thứ Năm dần dần có ngoại hình của người ngày nay.

...

- “Vậy là hai chủng tộc đầu tiên (người một mắt)”, - tôi nói tiếp,- “chỉ có cái mà ta gọi là “con mắt thứ ba” và chỉ sử dụng mỗi cái đó trong cuộc sống. Chủng tộc thứ Ba (có hai mắt) ngoài “con mắt thứ ba” ở sau gáy còn có hai mắt thể chất phía trước được dùng để nhìn thế giới vật thể và hỗ trợ “con mắt thứ ba”. Ở người chủng tộc thứ Tư (người Át-lan), “con mắt thứ ba” tụt vào trong sọ nhưng chức năng vẫn còn.. Đến chủng tộc thứ Năm (chúng ta), “con mắt thứ ba” còn lại là cơ quan thô sơ gọi là đầu xương. Nhưng có xu hướng là chủng tộc chúng ta lại phát triển “con mắt thứ ba”. Người Át-lan khi cảm thấy “con mắt thứ ba” thái hóa đã cố kích thích nhân tạo. Còn chúng ta bây giờ cũng có trường lớp dạy tham thiền, mà như chúng ta biết, chính là để phát triển chức năng của “con mắt thứ ba”. Và chị đến đây cũng là để tăng cường hoạt động của “con mắt thứ ba” của mình”, - tôi nói và nhìn sang cô gái người Ai-len.

...

- “Tại sao lại gọi là “con mắt thứ ba”, nếu nó nằm trong sọ ? “- cô gái Ai-len hỏi.

- “Các nhà giải phẫu thấy rằng, trong quá trình phát triển phôi, “con mắt thứ ba” đã hình thành theo đúng kiểu con mắt”.

Chuyện đó rõ quá, vì hai chủng tộc đầu tiên chỉ có mỗi một mắt, chính con mắt mà chúng ta gọi là “thứ ba” đấy. E. Bờ-la-vát-cai-a cũng đã chỉ ra điều đó. Tâm linh phát triển càng cao thì đầu xương, vốn là “con mắt thứ ba”, càng phát triển.

Chương IV

LẦN SAU NGHIÊM TÚC HƠN.

...

- “Ồ đâu ra mà ngài biết về xô-ma-chi ?” - vị lạt ma hỏi và chăm chú nhìn tôi.
- Các đạo sư Ấn Độ đã kể cho chúng tôi. Chúng tôi thấy có nhiều chắc chắn là ở đây, trong các hang động có nhiệt độ ổn định phải có những thân thể đang được bảo quản ở trạng thái bất động, rắn như đá, mà không phải chỉ thuộc nền văn minh chúng ta, mà cả các nền văn minh trước nữa. Đó là một kiểu Quĩ gen nhân loại mà ngài có bản phận cao cả bảo toàn, thưa ngài lạt ma kính mến.

Nhưng mặt khác lại còn bức thông điệp cuối cùng “SoHm”. Sao lại cuối cùng ? Có thể giải thích đó là lời cảnh báo loài người trong trường hợp cả nền văn minh cuối cùng này trên trái đất tự tiêu vong, Quĩ gen nhân loại sẽ không lưu nữa, tức là những người “đang được bảo quản” sẽ không ra khỏi trạng thái xô-ma-chi kéo dài và không gieo mầm nền văn minh mới nữa. Bởi vậy, thưa ngài lạt ma kính mến, tôi nghĩ đã đến lúc phải giảng giải cho loài người hiểu rằng, nền văn minh của chúng ta có thể sẽ là nền văn minh cuối cùng trên trái đất. Ngài hãy nhìn kia, thế giới đầy áp vũ khí ! Sự phát triển tinh thần ngày một bị vật chất phàm tục thay thế, mục đích chính của cuộc đời chỉ còn là ước vọng làm giàu. Vì tiền, người ta có thể làm tất cả... Chỉ có nhóm người ở các nước phát triển, - tôi chỉ các môn sinh người ngoại quốc của lạt ma đang ngồi trong phòng tập, - là quan tâm phát triển phần tinh thần của mình. Nhưng họ làm việc này cũng chỉ cho cá nhân họ và không hơn. Mà để có lòng tin thực sự và chân thành người ta cần có các sự kiện mới, những kiến thức mới. Thành thực mà nói, về nhiều mặt, con người tiếp nhận tôn giáo như câu chuyện cổ tích đẹp...

...

- “Tôi không chịu trách nhiệm về những người Nga đã lui tới chỗ ngài”- tôi đáp
- “Tôi thấy các vị là những học giả nghiêm túc, các vị đây không giống họ”- vị lạt ma nói, - “Nhưng làm sao tôi có thể tin tưởng giao phó kinh nghiệm cổ đại cho các vị đại diện một đất nước có những kẻ giàu có nhìn chúng tôi chỉ thấy lạ mắt, không có lấy một tí tôn trọng và quan tâm tới giáo lý cổ xưa của chúng tôi, họ cho rằng nếu có nhiều tiền bạc là cả thế giới phơi bày ra trước mắt họ. Nga là đất nước giàu có, Nê pan thì nghèo lắm. Song nơi đây, Nê pan và Tây Tạng có những kinh nghiệm mà không nơi nào trên thế giới có nữa. Chúng tôi tôn trọng trình độ học vấn của các vị, nền khoa học của các vị, nhưng cũng xin các vị tôn trọng tín ngưỡng của chúng tôi. Một người Nga các vị chụp ảnh xong gửi cho tôi một tờ 100 đô”.
- “Tôi chỉ còn biết thay mặt họ xin lỗi ngài”- tôi nói.
- “Tôi cần những lời xin lỗi của các vị để làm gì. Tốt nhất về nước các vị nói chuyện

với họ, nói trên tivi ấy. Nếu kinh nghiệm cổ xưa của chúng tôi rơi vào tay những kẻ đó sẽ bị sử dụng vào việc ác. Nếu những kẻ như vậy tìm thấy cái gì đó, người xô-ma-chi chẳng hạn, chúng sẽ trưng ra cho mọi người xem như con vật trong vườn bách thú vậy và thu tiền dịch vụ. Người ta đã phá phách đền chùa Tây Tạng, tàn sát Lạt ma, nhạo báng các giá trị cổ đại. May thay còn có những lực lượng bảo vệ xô-ma-chi. Những lực lượng đó hùng mạnh, không gì chống lại được. Đất nước các vị có sức mạnh quân sự to lớn, nhưng đến vũ khí hạt nhân cũng không làm gì được các lực lượng đó. - Nếu đất nước các vị có người giàu như những kẻ đã đến đây, thì không thể tin được các vị. Tiền bạc đang điều hành thế giới. Chúng mua khoa học và tôn giáo với giá rẻ mạt”.

...

- “Xin phép ngài được hỏi một câu có tính triết lý”- tôi nói,- “Vì sao khoa học ở nước ngài kém phát triển, bởi không còn nghi ngờ gì nữa là về mặt tâm linh các ngài đi đầu ở khu vực này?”

- “Chúng tôi là nước nghèo, mà khoa học lại đòi hỏi nhiều tiền”.

- “Vì sao đất nước của các ngài lại nghèo ? Bởi lẽ, ngay các đệ tử của ngài”- tôi chỉ những người ngoại quốc ở trong phòng,- cũng thích sống ở nước giàu, không có người đói rách.

Người Đan Mạch vẫn im lặng gật đầu.

- “Nước chúng tôi có rất nhiều người nghèo khổ và sinh đẻ nhiều. Người ta đã quen ăn ít ỏi, sống xuềnh xoàng. Mọi người khó tưởng tượng lại có thể sống tốt hơn. Tâm lý của kẻ nghèo khó mà”.

- “Theo tôi lý do không chỉ có vậy. Trong sự nghèo nàn của đất nước ngài có vai trò của tôn giáo”.

- “Tôn giáo ư?”

- “Như tôi biết”- tôi nói tiếp,- “giáo lý đạo Phật và Ấn Độ giáo tuyên truyền cho tính nổi trội của tinh thần so với vật chất. Trong các trường thiên và các trường đạo khác các ngài đều dạy bảo điều đó. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ về vai trò hàng đầu của tinh thần so với vật chất bởi lẽ theo tôn giáo thì khởi nguyên vật chất được tạo ra từ khởi nguyên tinh thần cô đặc dần. Song việc nhấn mạnh quá mức vai trò ưu thế của tinh thần đối với người mộ đạo làm cho dân chúng nước ngài coi sự sinh tồn trên trái đất không đáng kể và không nỗ lực cải thiện cuộc sống. Thử xác chỉ là cái công cụ xinh đẹp của tâm hồn và chuyện chia tay với nó chẳng có gì phải luyến tiếc. Bởi vậy, tôi cho rằng, đối với việc đưa kiến thức tôn giáo đến đông đảo mọi người cần có thái độ trung dung”.

- “Song chúng tôi sao có thể từ bỏ sách kinh của mình !” - vị Lạt ma đáp lại.

- “Sách kinh đến thế giới chúng ta qua các nhà tiên tri và theo tôi dành cho những người có trình độ học vấn và văn hóa cao. Ngoài ra, ngài biết đấy, giáo lý là học thuyết linh hoạt và ít nhiều nó có thể thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh sống. Ví dụ, thừa ngài lạt ma kính mến, các ngài thử tuyên truyền thế này : cùng với phát triển tâm linh, mỗi người cần nỗ lực làm việc, học hành và cải thiện điều kiện sống cho chính bản thân và gia đình mình sao cho xứng với con người. Kết quả sẽ khá nhanh đấy, vì các nhà hoạt động tôn giáo ở đất nước các ngài có thể lực lớn và được lòng dân”.

-“Vâng”.

- “Theo tín ngưỡng của các ngài, Đức Phật có hai trạng thái : hiền hòa và tức giận. Không phải mọi cái đều có thể đạt được bằng con đường hòa bình, đôi lúc cũng phải nổi giận để bắt dân chúng làm việc tốt hơn, giàu hơn. Lúc đó sẽ xuất hiện điều kiện để phát triển khoa học. Vai trò của khoa học lớn lắm. Tôn giáo là gì ? Tôn giáo chính là những kinh nghiệm của các nền văn minh trước đây, họ có được cũng là nhờ nghiên cứu khoa học. Bởi vậy, phát triển khoa học và lấy đó bổ sung Trường thông tin toàn thể là việc làm thiêng liêng. Chính khoa học mới có thể phát triển, điều chỉnh và bổ sung tôn giáo. Không thể lúc nào cũng sử dụng kinh nghiệm nhận được từ Trường thông tin toàn thể như giáo điều, cần bổ sung và chính lý phù hợp với hoàn cảnh”.

- “Có lẽ ngài có lý”- vị lạt ma thốt lên.

- “Thời nay không thể hạ thấp đến như vậy vai trò của vật chất, vì như vậy, sẽ cản trở khoa học, chúng ta không thể phủ nhận tính chất thiêng liêng của khoa học”- tôi nói tiếp,- “Ví dụ xô-ma-chi. Như được biết ở trạng thái này hồn lìa khỏi xác, nhưng vẫn liên lạc với thân thể. Do trao đổi chất hạ xuống mức không, thân thể có thể được bảo toàn ở trạng thái này hàng triệu năm. Thử hỏi, bảo quản thân xác làm gì, khi mà phần hồn chiếm địa vị ưu thế ? Câu trả lời đơn giản - thể xác được tạo nên qua quá trình tiến hóa lâu dài, chẳng có lý do gì coi thường nó, tốt nhất là bảo toàn còn hơn làm lại từ đầu”.

- “Nhưng giờ đây người ta quan tâm tới việc khám phá phần hồn hơn”- vị lạt ma nói.

- “Ngài thử nhìn môn sinh của mình sẽ thấy. Nhiều người có ánh mắt không phải của cõi trần này. Những con người xa lạ, hờ hững với cuộc đời chắc gì có thể tác động xã hội để nâng cao mặt tâm linh của nó. May lắm là họ nhận được sự thỏa mãn về tinh thần cho riêng mình”.

...

- “Trở lại vấn đề vai trò của tôn giáo đối với xã hội, chúng ta cùng nhau phân tích các loại tôn giáo trên trái đất. Tôi cảm thấy tín ngưỡng đạt hơn cả là Thiên Chúa giáo, đạo này cân nhắc cả kỷ luật nghiêm minh lẫn tự do của con người. Bởi vậy, những nước có đạo Thiên Chúa phát triển hơn các nước khác trên trái đất. Chúng ta hãy so sánh tín ngưỡng Thiên Chúa với đạo Hồi. Tàn bạo và hạn chế trong Hồi giáo rất nhiều, còn tự

do rõ ràng là quá ít ỏi. Kết quả ai cũng biết: về mặt phát triển, các nước Hồi giáo thua kém các nước đạo Thiên Chúa. Giờ ta so sánh tín ngưỡng Thiên Chúa với đạo Chính Thống. Tự do trong đạo Chính Thống nhiều, vậy mà kết quả là các nước theo đạo Chính Thống vẫn thua kém các nước Thiên Chúa giáo. Các vị hãy so sánh với đạo Phật và Ấn Độ giáo của Ấn Độ, Nê pan, Bu-tan và các nước lân cận: con người tập trung phát triển, trước hết là tâm linh và thường coi nhẹ mặt vật chất của đời sống. Kết quả cho thấy: các nước này có cuộc sống tâm linh phát triển cao, nhưng tình hình kinh tế chẳng đáng mong tí nào. Riêng đạo Phật ở Nhật Bản là kết hợp phát triển tâm linh với kỷ luật chặt chẽ trong đời sống vật chất. Kết quả rõ ràng: tiến bộ của nước Nhật là hiển nhiên.

- “Vâng, có lẽ ngài nói phải”.

- “Mọi người chúng ta đều biết Chúa Trời chỉ có một”- tôi nói tiếp.- “Vậy tại sao các ngài lại không cải biến, điều chỉnh tôn giáo của các ngài, chú trọng đến các phương diện lịch sử của tác động nhiều tín ngưỡng đối với xã hội. Trên trái đất đã có nhiều các nhà tiên tri, họ đã xây dựng nên nhiều dạng tín ngưỡng. Cuộc sống đã cho thấy: ai trong số các nhà tiên tri có lý hơn cả. Tôi nghĩ đã đến lúc cần có mối quan hệ tương hỗ giữa các đại diện của các tôn giáo khác nhau để thử tạo dựng một học thuyết tôn giáo thống nhất dựa trên cơ sở một Chúa Trời duy nhất. Điều này hợp lý về mặt lịch sử; các vị hãy nhớ lại, đã có biết bao các cuộc chiến tranh tôn giáo, chúng vẫn tiếp diễn đến ngày nay (Nam Tư, I-xra-en,...)

Chương V

NHỮNG ĐIỀU PHÁT LỘ CỦA LẠT MA BÔN-PÔ.

...

Ngài lạt ma Bôn-pô sinh sống tại một thị trấn miền Tây Nê pan. Đến đó có thể bằng ô tô hoặc máy bay. Lúc đầu chúng tôi định thuê xe, nhưng Sếch-can đã kịp thời thông báo đường xá ở Nê-pan rất xấu, nếu đi xe có thể mất gần một tuần. Hóa ra là tại đất lở chắn mất đường, thu dọn giải phóng mặt đường gặp rất nhiều khó khăn.

...

Lạt ma Bôn-pô trông khoảng 70 tuổi và cũng vận đồ đỏ sẫm. Lạt ma nói tiếng Anh khá thành thạo với giọng điệu điển hình của phương Đông. Ngài có đôi mắt đôn hậu ấm áp và giọng nói nhỏ nhẹ điềm đạm. Chúng tôi tự giới thiệu.

Lúc đó ở cửa ra vào phía sau xuất hiện ba người có ngoại hình Âu Châu: hai phụ nữ và một đàn ông.

- “Đây là các nhà khoa học, bạn bè của tôi”.

- “Các vị là đệ tử của ngài lạt ma hay học giả?”

- “Chúng tôi là học giả nghiên cứu lịch sử, chuyên về tín ngưỡng phương Đông. Đã hơn thán kỷ nay chúng tôi sống ở đây và nghiên cứu lịch sử phát sinh tín ngưỡng cổ xưa nhất của thế giới là Bôn-pô. Ngài Lạt ma Bôn-pô nắm biết nhiều kinh nghiệm, nhớ thuộc lòng nhiều điều. Tiếc thay nhiều cuốn sách của ngài vẫn ở Tây Tạng, nơi mà ngài đành bỏ lại để ra đi. Ngài Lạt ma Bôn-pô là một trong không nhiều các đại diện tín ngưỡng lâu đời nhất của thế giới còn sống. Chúng tôi sợ rằng, lịch sử tín ngưỡng này có thể mất đi vĩnh viễn”- người đàn ông nói.

- “Như tôi hiểu, ông ở Hoa Kỳ tới?” – tôi hỏi, để ý thấy cách phát âm điển hình Mỹ của ông ta.

- “Vâng. Chúng tôi đại diện cho khoa học tổng hợp”.

- “Còn chúng tôi đại diện nhãn khoa, khoa học về các căn bệnh của mắt “...

- “Bệnh mắt ? Người ta lại nói với chúng tôi rằng các ông là đoàn thám hiểm quốc tế đi tìm kiếm nguồn gốc phát sinh loài người!”- người Mỹ kêu lên.

- “Chúng tôi đang khảo cứu con mắt của đại diện các chủng tộc trên thế giới và thấy cần thiết tiếp tục các nghiên cứu đó trên phương diện lịch sử”- tôi đáp.

- “Như tôi được thông báo các ông từ Nga đến?” - người Mỹ hỏi.

-“Vâng.”

- “Ồ ! Kiểu nghiên cứu khoa học có đối chiếu, so sánh rất đặc trưng cho người Nga. Nước Nga có nền khoa học mạnh”.

- “Một trong các đối chiếu như vậy là trên tường của đạo viện, nơi chúng ta đang ngồi đây có hình vẽ hai con mắt khác thường”.

- “Thật thú vị. Còn ông, như tôi hiểu qua phát âm kiểu Mỹ của ông, làm việc ở Mỹ lâu chưa ? “- người Mỹ hỏi tôi.

- “Tôi có dịp tiếp xúc nhiều với người Mỹ”.

- “Ông cho phép tôi có mặt trong buổi tọa đàm của ông với ngài Lạt ma Bôn-pô được không ?” - người Mỹ hỏi tôi.

”Tôi rất hiểu mình không phải chủ nhà, hơn nữa người Mỹ đã gây được ấn tượng: họ là các học giả nghiêm túc”.

- “Xin mời nếu ngài Lạt ma Bôn-pô không phản đối”- tôi trả lời.

- “Không, tôi không phản đối. Xin mời các ngài ngồi xuống,- vị Lạt ma Bôn-pô nói và mời mọi người ngồi xuống bên chiếc bàn to”.

...

- “Từ đầu “Bôn-pô” chỉ dòng Phật giáo phải không, thưa ngài ?”

- “Phải”

- “Thế những dòng đạo Phật nào cổ xưa nhất ?”

- “Dòng Phật giáo cổ xưa nhất có bốn: Bôn-pô, Ghi-lu-pe, Ninh-ma-la và Man-tò-ra.

Tín ngưỡng Bôn-pô phổ biến chủ yếu ở vùng tây Tây Tạng, tôn giáo này xem xét năng lượng tâm linh tích cực lẫn tiêu cực. Dòng tín ngưỡng này có nhiều điều bí mật hơn cả.

Tôn giáo Ghi-lu-pe phổ biến ở miền trung Tây Tạng, xem xét chủ yếu tâm năng tiêu cực. Ngài Đa-lai Lạt ma thuộc dòng tu này.

Tín ngưỡng Ninh-ma-pa phổ biến ở miền Đông Tây Tạng, đây là dòng tôn giáo rất khắc khe, có nhiều điều hạn chế nhất. Một trong những biến thể của tín ngưỡng người Xích Ấn Độ là Gu-ru-na-na, có nguồn gốc tâm linh ở tôn giáo Tây Tạng Ninh-ma-pa, đặc điểm của tín ngưỡng này là không khoan nhượng.

Tín ngưỡng Man-tờ-ra phổ biến ở vài địa phương Tây Tạng và không có ảnh hưởng lớn đối với các tôn giáo khác.

- “Xin ngài cho biết chi tiết hơn về tín ngưỡng Bôn-pô”- tôi đề nghị.

- “Như tôi đã nói Bôn-pô là tín ngưỡng cổ xưa nhất của thế giới”- Lạt ma Bôn-pô bắt đầu câu chuyện.- “Đức Phật Bôn-pô đến Trái đất 18 013 năm về trước, trong khi đó Đức Phật cuối cùng đến Trái đất 2044 năm trước đây. Tín ngưỡng Bôn-pô tin vào bánh xe “tử-sinh-tử-sinh”, nghĩa là một linh hồn có nhiều đời sống. Mục đích chính của đạo Bôn-pô là phát triển “con mắt thứ ba” ở con người thuộc nền văn minh chúng ta”.

- “Vì sao việc đó lại quan trọng như vậy ?”

-“Con mắt thứ ba” của con người nền văn minh chúng ta đã mất dần và còn lại chỉ một cơ quan thô sơ (đầu xương). Nền văn minh của chúng ta dần dần phát triển theo hướng vật chất. Loài người đã nắm chắc các dạng năng lượng vật lý: nhiệt, hạt nhân, điện và nhiều dạng khác, đã chinh phục được vũ trụ, nghiên cứu ra nhiều phương pháp chữa trị bệnh hữu hiệu v.v... Nhưng trong các lĩnh vực năng lượng tinh thần và nghiên cứu tâm linh thì xã hội hiện đại không hơn các tác phẩm văn học phân tích hành vi con người trong các trạng thái tâm thần khác nhau. Khoa học hiện đại coi tôn giáo như một cái gì đó xa rời đời sống thực tại và không quan tâm tới các phương pháp tác động lên con người và xã hội của tôn giáo cho dù đây là một tiềm lực lớn cho phép phát hiện các dạng năng lượng mới, khám phá nhiều điều bí ẩn của hóa học và vật lý học, đồng thời hướng năng lượng tinh thần của con người vào quỹ đạo cần thiết. Muốn như vậy, cần phát triển mạnh “con mắt thứ ba” ở con người”.

- “Tôi hiểu thế này”- tôi tiếp lời,- “nhờ “con mắt thứ ba” như một bộ phận điều chỉnh thành phần sóng các loại có thể sử dụng tâm năng của con người tác động lên nhiều

hiện tượng tự nhiên, kể cả các quá trình hóa học và vật lý học. Còn hiện nay tâm năng của con người được sử dụng quá ít ỏi và không hiếm khi mang tính ly tâm, tiêu dùng không chỉ không đúng, mà còn có hại, tạo nên môi trường tiêu cực, tác động xấu tới con người. Tôi nghĩ, năng lượng tinh thần có sức mạnh to lớn nhất, nếu nó xuất phát từ nhiều người. Chẳng hạn trong xã hội tích tụ nhiều tiềm lực tiêu cực, thì người ta khó nghĩ tới những điều tốt đẹp, thỏa mãn với toàn những thứ tiêu cực là chuyện đương nhiên. Mà cái đó như thường lệ, sẽ đưa xã hội tới chỗ thái hóa. Nếu xã hội tích lũy nhiều tiềm lực tinh thần tích cực, thì điều đó sẽ đem đến tiến bộ”.

- “Ngài hoàn toàn có lý”- vị lạt ma Bôn-pô nói.-“ Tâm năng có sức mạnh to lớn. Tiếc thay tiềm lực đó nơi con người quả thực nhiều khi mang tính ly tâm tức có thể lan tỏa kiểu bùng nổ, dẫn tới chiến tranh và thảm họa mà lịch sử của chúng ta đầy rẫy. Cần tập trung tâm năng của loài người về tâm, hướng nó phục vụ sự nghiệp tiến bộ. Tâm năng có thể điều khiển được, định hướng được chính là nhờ “con mắt thứ ba”. Quan trọng là phải hướng tâm năng về phía tích cực - về phía các suy tưởng tốt đẹp”.

- “Vậy ngài kích thích “con mắt thứ ba” phát triển như thế nào ?”

- “Bằng cách dạy tham thiền nhập định, nhờ đó người ta có khả năng có cái “nhìn thanh khiết”, khi người ta cảm nhận được tự do nội tại. Chúng tôi chia sự phát triển “con mắt thứ ba” ra làm mấy giai đoạn, ở giai đoạn cao nhất, người ta có thể nhập xô-ma-chi sâu. Đương nhiên hình “con mắt thứ ba” trên trán chỉ là tượng trưng, thực ra nó là đầu xương ở sâu trong hộp sọ”.

- “Công việc phát triển “con mắt thứ ba” trong tôn giáo của các ngài đã đạt những kết quả như thế nào ?”

- “Thật tiếc, quá ít ỏi. Trong chuyện này không chỉ chúng tôi, những nhà hoạt động tôn giáo, có lỗi, có lẽ chúng tôi nỗ lực chưa đủ, mà còn vì loài người phát triển theo chu trình, ngày nay đang ở vào thời kỳ phát triển vật chất cao nhất, trong khi đó, vai trò của tinh thần bị giảm. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn phải thường xuyên cố gắng phát triển “con mắt thứ ba” và gắn liền với nó là yếu tố tinh thần, nếu không, phần tinh thần của đời sống sẽ tiếp tục đi xuống”.

- “Ý ngài muốn nói, con người ngày nay không thể phát triển “con mắt thứ ba” tới tầm mức đủ để nhập xô-ma-chi sâu? – tôi hỏi.

- “Hiện tại thì không. Về mặt lịch sử đã có quá trình thoái hóa của “con mắt thứ ba”. Chỉ một số nhà yoga có thể nhập định kéo dài vài năm, nhưng không lâu hơn thế. Song cũng chẳng loại trừ, sắp tới có thể làm được chuyện đó”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Ngài vừa nói, trong tương lai xô-ma-chi sẽ thành sự thật ư ?”

- “Đúng vậy”.

...

- “Vì sao ở khu vực của các ngài, tôn giáo rõ ràng có xu thế nghiêng về phía tinh thần, thậm chí có hại cho mặt vật chất ?”
- “Ồ ! Điều này quan trọng lắm ! Nhân dân các nước khu vực chúng tôi dường như là vị cứu tinh của nhân loại nói chung. Chuyện là thế này, ở Châu Âu, Châu Mỹ, thậm chí cả ở Phi Châu, biểu hiện rất rõ xu hướng thổi phồng vai trò vật chất và hạ thấp vai trò tinh thần. Ví dụ, phần lớn học giả châu Âu không chấp nhận các khái niệm “năng lượng tâm thần”, “linh hồn”, “tâm linh”, v.v... Bởi vậy, để đạt sự cân bằng tinh thần và vật chất trên trái đất vì lợi ích của toàn thể nhân loại, các nước phương Đông, đặc biệt các nước thuộc khu vực Tây Tạng và Himalaya đành phải thổi phồng vai trò của tâm linh, hạ thấp ý nghĩa của vật chất. Vì lý do đó mà các nước chúng tôi rất nghèo về vật chất, nhưng lại cao hơn các nước về tâm linh. Sự cân bằng phải có trong mọi mặt: giữa Thiện và Ác, giữa tâm linh và vật chất...”
- “Thưa ngài Lạt ma Bôn-pô kính mến ! Ngài vừa gọi các nước của dãy núi Himalaya và Tây Tạng là vị cứu tinh của nhân loại trên trái đất. Một mặt, có thể hiểu nhân dân phương Đông tựa hồ là con tin của các khuynh hướng duy vật chủ nghĩa của phương Tây, chịu sống trong nghèo nàn để tăng cường vai trò tâm linh trên trái đất, để có sự cân bằng. Mặt khác lại có thể hiểu thế này: chỉ khi mặt tâm linh phát triển rất cao mới có hy vọng nhập xô-ma-chi lâu dài với mục đích khôi phục Quỹ gen nhân loại, mà thiếu quỹ này, việc đảm bảo sự sống còn của nhân loại trên trái đất rõ ràng sẽ giảm sút.”

Lạt ma Bôn-pô nhìn tôi chăm chú:

- “Có lẽ ngài có lý. Vai trò của xô-ma-chi đối với nhân loại thật to lớn. Vì nó mà có thể chấp nhận sự hy sinh”.

...

- “Thưa ngài Lạt ma Bôn-pô ! Trong đạo Bôn-pô có nói gì tới các nền văn minh trước đây trên trái đất không ?” – tôi hỏi.

- “Thông tin về các nền văn minh trước đây trên trái đất trong đạo Bôn-pô nhiều lắm”- vị Lạt ma Bôn-pô trả lời.- “Có hẳn những tập sách cổ xưa mô tả đời sống của các nền văn minh trước. Sự xuất hiện nền văn minh của chúng ta ở Tây Tạng cũng được mô tả tỉ mỉ. Theo các sách đó, nền văn minh cuối cùng trước chúng ta, bên phương Tây gọi là nền văn minh của người Át-lan, phát triển hơn chúng ta nhiều, họ nắm vững các công nghệ kỳ diệu dựa trên cơ sở năng lượng tâm thần. Thật tiếc tôi không nhớ chi tiết”.

- “Xin lỗi, hiện nay ngài có những cuốn sách đó không ?”

- “Không. Ở Tây Tạng hết cả. Tôi lo chúng đã bị hủy”- vị Lạt ma Bôn-pô buồn rầu trả lời.

- “Đó là tổn thất lớn lao”- người Mỹ nói.

- “Xin ngài cho biết, người thuộc nền văn minh chúng ta có nguồn gốc từ đâu?” – tôi hỏi.

- “Từ những chủ nhân nền văn minh trước đây: người Át-lan. Tôi nhớ chính xác sách Bôn-pô viết như vậy”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Nếu đọc phần mô tả ngoại hình đức Phật trong các sách phương Đông sẽ thấy nhiều nét của ngài không đặc trưng cho người ngày nay. Liệu đức Phật có là người thuộc nền văn minh trước đây đã ra khỏi trạng thái xô-ma-chi không, thưa ngài?” – tôi hỏi.

- “Đức Phật xuất hiện trên trái đất cách đây 2044 năm, thực ra không giống người thường. Trong tất cả các sách kinh đều viết rằng Ngài có 32 đặc điểm, tức 32 nét khác người thời nay. Mà mỗi nét đặc biệt của đức Phật bắt nguồn không phải từ người mẹ mà từ kinh nghiệm tâm linh của Ngài”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Xin ngài giải thích rõ hơn”.

- “Đó là khái niệm tập hợp lưu truyền ở phương Đông”.

- “Tôi hiểu rằng, sau các khái niệm đó ở phương Đông ẩn giấu những Đại chân lý huyền bí. Một trong các bí mật đó, dĩ nhiên là xô-ma-chi, như một yếu tố sống còn của nhân loại trên trái đất. Được bảo quản hàng nghìn và hàng triệu năm trong các hang động, những cá thể ưu tú đó của người cổ đại có khả năng lại xuất hiện và làm nảy sinh loài người trên trái đất. Ngoài ra, những người nhập xô-ma-chi có thể sống lại và hành động dưới dạng các nhà tiên tri để điều chỉnh phương hướng phát triển của nền văn minh hiện tại theo chiều hướng tiến bộ. Vì vậy, có thể giả định rằng, Đức Phật có hình hài khác thường, mà về nhiều mặt, trùng khớp với các quan niệm về ngoại hình người Át-lan, có thể là một trong các Át-lan hậu kỳ đã xuất hiện để làm nhà tiên tri ở khu vực này trên trái đất. Những kinh nghiệm tác động lên năng lượng tâm thần của nền văn minh trước đã giúp ngài có uy tín trong dân chúng. Có thể kết luận một cách logic như vậy, mà logic dựa trên cơ sở trực cảm, như bên phương Đông vẫn dạy bảo, luôn luôn đúng” - tôi nói.

- “Logic của ngài đúng đấy”- suy ngẫm trong chốc lát vị lạt ma Bôn-pô đáp.- “Đạo Bôn-pô mô tả nhiều tình tiết khớp với logic của ngài. Đạo Bôn-pô nảy sinh từ Đức Phật đầu tiên trên trái đất, ngoại hình của ngài cũng khác thường so với người ngày nay”.

- “Xin ngài cho biết chi tiết hơn về Đức Phật đầu tiên”.

- “Đức Phật đầu tiên, tức Phật Bôn-pô có tên là Tôn-pa Sên-ráp. Ngài xuất hiện ở vùng Tây Tạng ở xứ sở Sam-ba-la. Ngài đã sống trên trái đất 82 năm và sau khi qua đời đã để lại Giáo lý vĩ đại, tất cả các Phật sau này (các nhà tiên tri) đã vận dụng giáo lý đó. Tôi không nhớ phần mô tả chi tiết ngoại hình của ngài, chỉ biết rằng trông Ngài không giống như người bình thường. Giáo lý của Phật Bôn-pô kéo dài 30000 năm, tức

còn 12000 năm nữa nên coi đã được 18000 năm”.

- “Vì sao giáo lý của Đức Phật Bôn-pô lại kéo dài 30000 năm?”

- “Vì đây là thời hạn đã được Đấng Trí Tôn ấn định, là thời gian Giáo lý tối cao tác động lên con người theo hướng nhất định. 30000 năm sau, sức mạnh của Giáo lý tối cao sẽ suy yếu dần. Nền văn minh của chúng ta xuất hiện lâu lắm rồi và cứ qua 30000 năm, Giáo lý vĩ đại lại đổi mới. Ngoài ra, không phải nền văn minh nào của loài người cũng luôn luôn bước trên con đường tiến bộ, còn có những thời kỳ thụt lùi, thoái bộ, thậm chí hoang hoá hoàn toàn. Bởi vậy, trong giai đoạn nêu trên – 30000 năm - xuất hiện nhiều các nhà tiên tri để đổi mới Giáo lý vĩ đại và răn bảo con người sống đúng đắn”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Hết 30000 năm thì sao nữa, thưa ngài ?”

- “Sau 30 000 năm sẽ là thời kì đen tối, lúc đó giáo lý Đức Phật hết hiệu lực. Nhưng rồi lại xuất hiện chu kỳ 30000 năm mới với Giáo lý mới”.

- “Vậy trong thời gian 30000 năm qua có bao nhiêu bậc tiên tri đã xuất hiện trên trái đất ?”

- “Đạo Bôn-pô cổ xưa cho biết sẽ có 1002 nhà tiên tri xuất hiện trên trái đất”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Đức Phật xuất hiện cách đây 2044 năm là Ngài thứ bao nhiêu? “– tôi hỏi.

- “Tôi không thể nói chính xác. Chỉ biết rằng, Ngài là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Đức Phật tiếp theo tên là Mai-tờ-rây-a, cũng là môn sinh của Đức Phật Bôn-pô”.

- “Tôi biết Mai-tờ-rây-a. Ông Rê-rích có cả tranh vẽ vị đó. Nhưng sao lại có thể có chuyện như ngài vừa nói ? Bởi ngài vừa bảo đảm Đức Phật Bôn-pô xuất hiện trên trái đất 18013 năm về trước, thọ 82 tuổi. Tính từ sau khi Ngài mất đến khi xuất hiện Đức Phật cuối cùng là khoảng thời gian 16000 năm. Làm sao Đức Phật Bôn-pô có thể là sư phụ của Ngài ấy ?” – tôi ngạc nhiên.

- “Tôi có thể nói với ngài thế này”- vị Lạt ma Bôn-pô nói,- “cả các bậc tiên tri khác : Giê-su, Mô-i-xây, Mô-ha-mét và những người khác cũng từng là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Một điều chắc chắn là, trước khi bắt đầu cuộc đời tiên tri các vị đó đã tu luyện ở Tây Tạng”.

- “Ai giúp tu luyện, thưa ngài ?”

- “Tất cả các vị đó đều tu tập ở xứ sở Sam-ba-la do Đức Phật Bôn-pô dựng nên. Theo đạo Bôn-pô xứ sở Sam-ba-la gọi là Ôn-mô-lung-ring. Giáo lý của Đức Phật Bôn-pô vĩ đại được truyền bá qua xứ sở Sam-ba-la”.

- “Các nhà tiên tri được dạy bảo như thế nào ?”

- “Cái chết thể chất của Đức Phật Bôn-pô không có ý nghĩa gì. Hồn, như ngài biết đây,

bất tử. Linh hồn của Đức Phật Bôn-pô cũng bất diệt, giáo lý của Ngài sẽ có hiệu lực 30000 năm. Bởi vậy, về mặt tâm linh, tất cả các bậc tiên tri đã từng ở xứ sở Sam-ba-la đều là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô bất tử”.

- “Ở các nước Châu Âu, nhiều người biết các truyền thuyết về xứ sở Sam-ba-la. Qua những điều ngài vừa nói có thể kết luận thế này: trong khi học nhập định hồn lìa khỏi xác và có khả năng giao tiếp với các phần hồn khác, còn học xong và đạt sự anh minh đích thực mà các ngài gọi là bát nhã thì hồn lại nhập vào thân thể để dạy bảo thiên hạ đi theo con đường tiến bộ. Nhưng lúc này tôi chưa muốn trao đổi cụ thể vấn đề Sam-ba-la, vậy xin phép ngài hoãn lại”.

- “Vâng, tất nhiên rồi”.

- “Qua các điều ngài cho biết”- tôi nói tiếp,- “tôi có cảm tưởng các nhà tiên tri xuất hiện trên trái đất theo chu kỳ là do cần thiết cảnh báo sự thoái bộ trong phát triển của loài người và sự hoang hóa con người. Hình dạng các bậc tiên tri không giống nhau, chẳng hạn ngoại hình Đức Phật khác người đương đại, nhưng Chúa Giê-su nhìn như một người bình thường. Vì thế có thể giả định rằng: có khả năng Đức Phật là người Át-lan đã xuất định, còn Chúa Giê-su là bậc cổ nhân thuộc nền văn minh chúng ta đã ra khỏi trạng thái xô-ma-chi. Cả hai vị đều có tâm linh cao siêu, mà như được biết, thiếu cái đó không thể nhập định, các vị đó còn nắm một khối kinh nghiệm to lớn cần thiết cho hoạt động tiên tri. Các bậc tiên tri đã xây dựng nên các tôn giáo khác nhau. Nhưng tất cả các Ngài đều tu luyện ở một nơi, tại xứ sở Sam-ba-la, và đều là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Tại sao lại có nhiều loại tín ngưỡng như vậy ? Bởi điều đó không hẳn lúc nào cũng hợp lý, chẳng thế mà lịch sử loài người đầy rẫy những cuộc chiến tranh tôn giáo”.

- “Mỗi bậc tiên tri không chỉ là đệ tử siêng năng của Đức Phật Bôn-pô, mà còn là một cá thể hành động theo kiến giải của mình tùy thuộc vào hoàn cảnh sinh sống của những người xung quanh”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Tôi nghĩ, nên chẳng chỉ có một tôn giáo cho toàn thể loài người, bởi Chúa Trời là duy nhất”- tôi nói,- “Tôi hiểu việc đó khó vô cùng, nhưng ở giai đoạn hiện tại, tôn giáo có cơ sở khoa học có thể tác động mạnh tới con người. Thậm chí ở Hoa Kỳ, nơi mà vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội không được coi là cao nhất”- tôi nhìn mấy người Mỹ,- “thì vẫn có Chúa: đó là đồng đô-la. Cố nhiên, nền kinh tế thị trường bắt người ta phải làm việc là hiện tượng tiến bộ. Nhưng để đạt lợi ích vật chất, người ta sử dụng mọi phương tiện và quên hết các khái niệm danh dự, lương tâm và đạo đức thì xã hội sẽ mất hơn nhiều. Một xã hội đã đánh mất phần tâm linh không tránh khỏi diệt vong. Nhưng trong một xã hội hiện đại có nền công nghệ sử dụng hàm lượng chất xám cao liệu có được hay không niềm tin chân thành vào sự tồn tại của linh hồn và Chúa Trời ? Con người hiện đại có tri thức chắc gì đã tin chuyện cổ tích. Bất kỳ sự khẳng định nào có cơ sở khoa học vẫn gần gũi với con người thời nay hơn. Bởi vậy,

tôi có cảm tưởng đã đến lúc cần nhận thức tôn giáo trên quan điểm các thành tựu khoa học hiện đại, dù cho tầm mức khoa học ngày nay chỉ là giọt nước trong đại dương kinh nghiệm của Đấng Trí Tôn. Một tôn giáo như vậy sẽ gợi ý cho chúng ta một phương pháp nghiên cứu đó là cách tiếp cận vấn đề bằng phép logic trực giác, mà hiện giờ các nhà bác học thực nghiệm chưa dễ dàng tiếp nhận, nhưng đã có trong nền khoa học hiện đại (thuyết tương đối của Anh-xtanh, thuyết vật lý vacum của Si-pốp v.v...). Cách hiểu tín ngưỡng như vậy có thể bổ sung và tăng cường lòng tin với các trào lưu tôn giáo khác nhau, đồng thời có thể dẫn đến tạo dựng một tôn giáo thống nhất. Lúc đó sẽ không thể có chuyện lợi dụng tôn giáo vào các mục đích tư lợi, nhằm duy trì quyền lực hay gây chiến tranh tôn giáo”.

...

- “Cám ơn vì sự ủng hộ”- tôi nói.- “Còn bây giờ xin phép được tiếp tục câu chuyện của chúng ta. Ngài nghĩ thế nào, nền văn minh của chúng ta bao nhiêu tuổi rồi?”

- “Đây là vấn đề rất phức tạp”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.- “Nền văn minh của chúng ta xuất hiện lâu lắm rồi, sách kinh Bôn-pô có nói về điều này. Tôi được biết: nền văn minh của chúng ta xuất hiện trong thời gian hưng thịnh của nền văn minh trước đó. Chuyện đó xảy ra trước khi có trận đại hồng thủy, gần như tất cả người của nền văn minh trước và của chúng ta đều chết trong trận đại lụt đó. Sau đó nền văn minh của chúng ta đã mấy lần hồi sinh, nhưng rồi lại tiêu vong hoặc biến thành các bộ lạc man rợ không có khả năng đảm bảo sự tiến bộ. Nền văn minh của chúng ta nảy sinh lần cuối ít ra cũng phải 18000 năm về trước”.

...

- “Hình như đã có nhiều cuộc thử phục sinh nền văn minh của chúng ta bị tiêu vong trong trận đại hồng thủy, nhưng không thành. Công việc phục sinh có lẽ đã dựa vào những người xuất định. Đó là những ông tổ và bà tổ không đạt. Và chỉ 18000 năm về trước công cuộc phục sinh đó mới thành công và loài người đã bước lên con đường tiến bộ, trong chuyện này cần đánh giá xứng đáng Đức Phật Bôn-pô vĩ đại và các bậc tiên tri khác, có phải vậy không, thưa ngài ?” – tôi nói.

- “Rõ ràng là ngài nói phải”.

- “Thế loài người đã xuất hiện ở nơi nào trên trái đất ? Ý tôi muốn nói lần phục sinh nền văn minh của chúng ta thành công cách đây 18000 năm”- tôi hỏi.

- “Ở Tây Tạng”- vị lạt ma Bôn-pô đáp đầy tự tin.- “Chính xác hơn nữa là Đờ-giu-ma-Ta-ma, một địa danh ở vùng Đông Bắc Tây Tạng”.

- “Tại sao lại chính nơi đó ?”

- “Ở đó có rất nhiều hang động. Trong các hang động có người sinh sống...”.

- “Sinh sống ư ?!”

- “Họ không chết...”

- “Ý ngài muốn nói, người đang nhập xô-ma-chi là người còn sống sao ?”

- “Vâng”.

- “Tôi hiểu việc vào các nơi đó gặp họ là tội phạm thánh”- tôi nói.

- “Dĩ nhiên. Hơn nữa, không thể tìm ra các hang động đó, chúng bị bịt kín. Chỉ có những con người Đặc biệt mới biết. Họ sẽ không nói cho ai biết. Còn người nào bước vào hang sẽ phải qua thử thách. Chuyện này vô cùng nguy hiểm”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Tôi hiểu...Mà cũng phải như vậy thôi”.

- “Cần thiết phải như vậy”.

- “Dù sao”- tôi nói,- “sau khi đã hết sống sò”,- “tôi vẫn cho rằng, trong hang động có người thuộc nền văn minh chúng ta và cả người Át-lan nữa. Đích thị người Át-lan! Ai có mãnh lực mà ngài gọi là nguy hiểm chết người ấy ? Có phải người Át-lan không ? Bởi chính họ là những người biết tác động lên năng lượng tinh thần, nhờ đó, họ đã xây dựng nên các tượng đài cổ xưa, ví dụ kim tự tháp (tôi cố tình không nói tiếp về hang động và xô-ma-chi để dành chuyện tới lúc giới thiệu bức vẽ người Át-lan giả thuyết). Theo ngài, ai là người đã xây dựng các kim tự tháp ?”

- “Kim tự tháp Ai Cập ấy à ?”- vị lạt ma Bôn-pô trầm ngâm, có lẽ đang nhớ lại các kinh sách Bôn-pô,- “Các kim tự tháp Ai Cập đã được xây dựng nhờ vào sức mạnh của bộ não. Não có sức mạnh to lớn, chúng ta chưa biết sử dụng nó đúng chức năng”.

- “Ngài vừa bảo chúng ta không biết sử dụng sức mạnh của bộ não. Vậy ai đã biết sử dụng sức mạnh của bộ não, người thuộc nền văn minh trước: người Át-lan chẳng ?” – tôi hỏi.

- “Qua thư tịch cổ đại được biết, người thuộc nền văn minh trước chúng ta biết dùng “con mắt thứ ba” phát triển của họ để biến đổi năng lượng tâm thần thành cơ năng và các dạng năng lượng khác. Trong các sách đó mô tả tỉ mỉ quá trình biến đổi đó và cả việc họ đã dùng sức mạnh của bộ não (tâm năng) xây dựng các kim tự tháp như thế nào. Thật tiếc, tôi không nhớ chính xác mọi chuyện đó, nhưng hình như họ tập trung lại rất đông rồi hướng năng lượng tâm thần của họ vào những khối đá khổng lồ làm cho chúng trở nên nhẹ hoặc mất trọng lượng”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Từ đó suy ra các kim tự tháp Ai Cập là do người Át-lan dựng nên ?”

-“Vâng”.

...

- “Sách báo khoa học hiện đại cho biết: các kim tự tháp Ai Cập được xây dựng phỏng chừng 4000-5000 năm về trước. Theo ngài, tuổi của các kim tự tháp là bao nhiêu ?” – tôi hỏi.

- “Các kim tự tháp được xây dựng trước thời gian đó nhiều, từ thời cổ xưa”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

...

- “Ngài nghĩ thế nào, các kim tự tháp đã được xây dựng với mục đích gì ?”

- “Các đài kỷ niệm thời cổ đại đó đã được xây dựng với quy mô và ý tưởng kỹ thuật không thể tưởng tượng được để tỏ rõ mãnh lực của năng lượng tâm thần, sức mạnh tinh thần của con người. Cho đến giờ, nhân loại vẫn chưa xây cất được công trình nào tương tự như vậy. Sờ tay lên kim tự tháp hùng vĩ, có thể cảm nhận được sức mạnh tâm linh, tận mắt nhìn thấy sự vĩ đại của tinh thần con người”.

- “Nhưng tôi nghĩ, kim tự tháp được xây dựng không chỉ với mục đích tỏ rõ cho mọi người thấy sức mạnh của năng lượng tâm thần”- tôi nói.- “Còn có nguyên nhân nào khác không, thưa ngài ?”

- “Tôi sẽ không nói về các mục đích thiên văn. Cái đó tôi biết kém lắm. Chỉ biết rằng, ở các vùng khác nhau của trái đất, kim tự tháp đã được xây dựng như những nơi bảo quản trí tuệ”.

- “Xin ngài giải thích rõ thêm”.

- “Ý tôi muốn nói tới cái trí tuệ tinh thần cao cả nhất : bát nhã”.

- “Các nhà tu hành phương Đông kể với chúng tôi rằng chỉ có trong trạng thái xô-ma-chi mới có thể đạt tới trí tuệ tinh thần cao cả nhất: bát nhã. Chỉ có thông qua xô-ma-chi mới đến được trí tuệ”- tôi nói,- “Liệu qua đó có thể hiểu các kim tự tháp cũng như hang động đã được tạo nên để bảo quản những người đang ở trong trạng thái xô-ma-chi không ?”

- “Hoàn toàn có thể lắm”.

- “Tôi đã vào bên trong kim tự tháp Khê-ốp, tại nơi có quan tài vua Tu-tan-kha-môn, nhưng, hỡi ôi ! Làm gì còn thi thể của ngài. Nhiệt độ trong đó cũng như ở hang động: khoảng chừng +4oC, tức nhiệt độ thích hợp với việc bảo toàn thân thể ở trạng thái xô-ma-chi. Biết đâu Tu-tan-kha-môn đang ở trong trạng thái xô-ma-chi chứ không phải chết ?”

- “Có thể lắm”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Như vậy cả các kim tự tháp cũng có thể là nơi lưu giữ Quý gen nhân loại”.

- “Các kim tự tháp được xây dựng để bảo quản trí tuệ cao cả đặc biệt”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Như tôi hiểu tâm thức cao cả là của người Át-lan, chính xác người Át-lan sơ kỳ (có nguồn tư liệu chứng nhận điều này). Từ đó, suy ra trong các kim tự tháp có thể có người đang nhập xô-ma-chi, không chỉ thuộc nền văn minh của chúng ta, mà cả người Át-lan. Có phải vậy không, thưa ngài?”

- “Có thể lắm, tôi không biết chính xác”.

...

- Nhưng tại sao trong các kim tự tháp không tìm thấy người Át-lan ? Xác ướp vua Tu-tan-kha-môn thì có!”

- “Tôi không biết mấy về các kim tự tháp. Nhưng tôi biết về các hang động của Tây Tạng. Rất khó tìm thấy trong hang động những người cổ xưa nhất của trái đất, gần như không thể có chuyện đó”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Vì sao, thưa ngài ?”

- “Họ ở tít sâu dưới lòng đất...”.

- “Hay là họ không ở trong các kim tự tháp mà là ở dưới đó, dưới các kim tự tháp ?”

- “Có thể lắm”.

...

- “Mà vì sao ngài lại nói rất khó tìm thấy trong hang những người cổ xưa nhất (cần hiểu là người Át-lan) trong trạng thái xô-ma-chi. Chúng bị đá lấp kín à ?”

-“Vâng”.

- “Cứ cho là cái động có người Át-lan nhập xô-ma-chi bị một phiến đá bịt kín. Người đó sau khi đã “sống lại” làm sao ra được ?” – tôi hỏi.

- “Đá đối với họ không là chướng ngại vật”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Chắc ý ngài muốn nói người Át-lan có thể tác động lên lực hấp dẫn nhờ năng lượng tâm thần, giống như họ đã xây dựng các kim tự tháp bằng các khối đá nguyên”.

- “Đá đối với họ không là trở ngại”.

- “Giờ thì tôi hiểu”- tôi nói,- “vì sao không ai phát hiện trong các kim tự tháp có người Át-lan. Họ đã được các phiến đá che chắn mà họ có lẽ dùng tâm năng có thể xê dịch được. Xin được hỏi câu nữa”- tôi nhìn vị lạt ma Bôn-pô.- “Ai đã xây nên tượng Nhân sư Ai Cập ?”

- “Tôi không biết. Tôi nghĩ chuyện đó thuộc thời xa xưa trước nữa”.

...

Nghỉ xong, tôi lấy ra bức hình người Át-lan giả định đặt vào tay vị lạt ma Bôn-pô và hỏi “Ai đấy, thưa ngài ?”

- “Tôi trông đôi mắt quen lắm”- vị lạt ma Bôn-pô nói,- “nhưng còn khuôn mặt... Sao, ngài đến hang rồi ư ?”

Tôi không đáp lại.

- “Ngài nghe kể lại hay chính ngài ?..”

- “Đây là kết quả nghiên cứu của chúng tôi”.

- “Nghiên cứu nào, thưa ngài ?”

Tôi kể tỉ mỉ về phương hướng nghiên cứu của chúng tôi gọi là hình học nhãn khoa và công việc phân tích khoa học hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng và công

việc tái tạo hình dáng người có hai con mắt đó.

- “Chuyện này thật thú vị”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Thế ngài đã đến các động chưa ?” – tôi hỏi vị lạt ma Bôn-pô

- “Chưa, nhưng tôi biết’.

“-Đấy là cặp mắt và khuôn mặt Đức Phật phải không, thưa ngài?”

- “Không phải”.

- “Vậy của ai ?”

- “Của cổ nhân thời xa xưa hơn thế. Con người có tài trí tối thượng và tựa như Chúa Trời”- vị lạt ma Bôn-pô đáp

...

Chương V

NHỮNG ĐIỀU PHÁT LỘ CỦA LẠT MA BÔN-PÔ.

...

Ngài lạt ma Bôn-pô sinh sống tại một thị trấn miền Tây Nê pan. Đến đó có thể bằng ô tô hoặc máy bay. Lúc đầu chúng tôi định thuê xe, nhưng Sếch-can đã kịp thời thông báo đường xá ở Nê-pan rất xấu, nếu đi xe có thể mất gần một tuần. Hóa ra là tại đất lở chắn mất đường, thu dọn giải phóng mặt đường gặp rất nhiều khó khăn.

...

Lạt ma Bôn-pô trông khoảng 70 tuổi và cũng vận đồ đỏ sẫm. Lạt ma nói tiếng Anh khá thành thạo với giọng điệu điển hình của phương Đông. Ngài có đôi mắt đôn hậu ấm áp và giọng nói nhỏ nhẹ điềm đạm. Chúng tôi tự giới thiệu.

Lúc đó ở cửa ra vào phía sau xuất hiện ba người có ngoại hình Âu Châu: hai phụ nữ và một đàn ông.

- “Đây là các nhà khoa học, bạn bè của tôi”.

- “Các vị là đệ tử của ngài lạt ma hay học giả?”

- “Chúng tôi là học giả nghiên cứu lịch sử, chuyên về tín ngưỡng phương Đông. Đã hơn thán nay chúng tôi sống ở đây và nghiên cứu lịch sử phát sinh tín ngưỡng cổ xưa nhất của thế giới là Bôn-pô. Ngài lạt ma Bôn-pô nắm biết nhiều kinh nghiệm, nhớ thuộc lòng nhiều điều. Tiếc thay nhiều cuốn sách của ngài vẫn ở Tây Tạng, nơi mà ngài đành bỏ lại để ra đi. Ngài lạt ma Bôn-pô là một trong không nhiều các đại diện tín ngưỡng lâu đời nhất của thế giới còn sống. Chúng tôi sợ rằng, lịch sử tín ngưỡng này có thể mất đi vĩnh viễn”- người đàn ông nói.

- “Như tôi hiểu, ông ở Hoa Kỳ tới?” – tôi hỏi, để ý thấy cách phát âm điển hình Mỹ của ông ta.

- “Vâng. Chúng tôi đại diện cho khoa học tổng hợp”.

- “Còn chúng tôi đại diện nhân khoa, khoa học về các căn bệnh của mắt “...
 - “Bệnh mắt ? Người ta lại nói với chúng tôi rằng các ông là đoàn thám hiểm quốc tế đi tìm kiếm nguồn gốc phát sinh loài người!”- người Mỹ kêu lên.
 - “Chúng tôi đang khảo cứu con mắt của đại diện các chủng tộc trên thế giới và thấy cần thiết tiếp tục các nghiên cứu đó trên phương diện lịch sử”- tôi đáp.
 - “Như tôi được thông báo các ông từ Nga đến?” - người Mỹ hỏi.
 -“Vâng.”
 - “Ồ ! Kiểu nghiên cứu khoa học có đối chiếu, so sánh rất đặc trưng cho người Nga. Nước Nga có nền khoa học mạnh”.
 - “Một trong các đối chiếu như vậy là trên tường của đạo viện, nơi chúng ta đang ngồi đây có hình vẽ hai con mắt khác thường”.
 - “Thật thú vị. Còn ông, như tôi hiểu qua phát âm kiểu Mỹ của ông, làm việc ở Mỹ lâu chưa ? “- người Mỹ hỏi tôi.
 - “Tôi có dịp tiếp xúc nhiều với người Mỹ”.
 - “Ông cho phép tôi có mặt trong buổi tọa đàm của ông với ngài Lạt ma Bôn-pô được không ?” - người Mỹ hỏi tôi.
 ”Tôi rất hiểu mình không phải chủ nhà, hơn nữa người Mỹ đã gây được ấn tượng: họ là các học giả nghiêm túc”.
 - “Xin mời nếu ngài Lạt ma Bôn-pô không phản đối”- tôi trả lời.
 - “Không, tôi không phản đối. Xin mời các ngài ngồi xuống,- vị Lạt ma Bôn-pô nói và mời mọi người ngồi xuống bên chiếc bàn to”.
 ...
 - “Từ đầu “Bôn-pô” chỉ dòng Phật giáo phải không, thưa ngài ?”
 - “Phải”

- “Thế những dòng đạo Phật nào cổ xưa nhất ?”
 - “Dòng Phật giáo cổ xưa nhất có bốn: Bôn-pô, Ghi-lu-pe, Ninh-ma-la và Man-tò-ra.

Tín ngưỡng Bôn-pô phổ biến chủ yếu ở vùng tây Tây Tạng, tôn giáo này xem xét năng lượng tâm linh tích cực lẫn tiêu cực. Dòng tín ngưỡng này có nhiều điều bí mật hơn cả.

Tôn giáo Ghi-lu-pe phổ biến ở miền trung Tây Tạng, xem xét chủ yếu tâm năng tiêu cực. Ngài Đa-lai Lạt ma thuộc dòng tu này.

Tín ngưỡng Ninh-ma-pa phổ biến ở miền Đông Tây Tạng, đây là dòng tôn giáo rất khát khe, có nhiều điều hạn chế nhất. Một trong những biến thể của tín ngưỡng người Xích Ấn Độ là Gu-ru-na-na, có nguồn gốc tâm linh ở tôn giáo Tây Tạng Ninh-ma-

pa, đặc điểm của tín ngưỡng này là không khoan nhượng.

Tín ngưỡng Man-tò-ra phổ biến ở vài địa phương Tây Tạng và không có ảnh hưởng lớn đối với các tôn giáo khác.

- “Xin ngài cho biết chi tiết hơn về tín ngưỡng Bôn-pô”- tôi đề nghị.

- “Như tôi đã nói Bôn-pô là tín ngưỡng cổ xưa nhất của thế giới”- Lạt ma Bôn-pô bắt đầu câu chuyện.- “Đức Phật Bôn-pô đến Trái đất 18 013 năm về trước, trong khi đó Đức Phật cuối cùng đến Trái đất 2044 năm trước đây. Tín ngưỡng Bôn-pô tin vào bánh xe “tử-sinh-tử-sinh”, nghĩa là một linh hồn có nhiều đời sống. Mục đích chính của đạo Bôn-pô là phát triển “con mắt thứ ba” ở con người thuộc nền văn minh chúng ta”.

- “Vì sao việc đó lại quan trọng như vậy ?”

-“Con mắt thứ ba” của con người nền văn minh chúng ta đã mất dần và còn lại chỉ một cơ quan thô sơ (đầu xương). Nền văn minh của chúng ta dần dần phát triển theo hướng vật chất. Loài người đã nắm chắc các dạng năng lượng vật lý: nhiệt, hạt nhân, điện và nhiều dạng khác, đã chinh phục được vũ trụ, nghiên cứu ra nhiều phương pháp chữa trị bệnh hữu hiệu v.v... Nhưng trong các lĩnh vực năng lượng tinh thần và nghiên cứu tâm linh thì xã hội hiện đại không hơn các tác phẩm văn học phân tích hành vi con người trong các trạng thái tâm thần khác nhau. Khoa học hiện đại coi tôn giáo như một cái gì đó xa rời đời sống thực tại và không quan tâm tới các phương pháp tác động lên con người và xã hội của tôn giáo cho dù đây là một tiềm lực lớn cho phép phát hiện các dạng năng lượng mới, khám phá nhiều điều bí ẩn của hóa học và vật lý học, đồng thời hướng năng lượng tinh thần của con người vào quỹ đạo cần thiết. Muốn như vậy, cần phát triển mạnh “con mắt thứ ba” ở con người”.

- “Tôi hiểu thế này”- tôi tiếp lời,- “nhờ “con mắt thứ ba” như một bộ phận điều chỉnh thành phần sóng các loại có thể sử dụng tâm năng của con người tác động lên nhiều hiện tượng tự nhiên, kể cả các quá trình hóa học và vật lý học. Còn hiện nay tâm năng của con người được sử dụng quá ít ỏi và không hiếm khi mang tính ly tâm, tiêu dùng không chỉ không đúng, mà còn có hại, tạo nên môi trường tiêu cực, tác động xấu tới con người. Tôi nghĩ, năng lượng tinh thần có sức mạnh to lớn nhất, nếu nó xuất phát từ nhiều người. Chẳng hạn trong xã hội tích tụ nhiều tiềm lực tiêu cực, thì người ta khó nghĩ tới những điều tốt đẹp, thỏa mãn với toàn những thứ tiêu cực là chuyện đương nhiên. Mà cái đó như thường lệ, sẽ đưa xã hội tới chỗ thái hóa. Nếu xã hội tích lũy nhiều tiềm lực tinh thần tích cực, thì điều đó sẽ đem đến tiến bộ”.

- “Ngài hoàn toàn có lý”- vị Lạt ma Bôn-pô nói.-“ Tâm năng có sức mạnh to lớn. Tiếc thay tiềm lực đó nơi con người quả thực nhiều khi mang tính ly tâm tức có thể lan tỏa

kiểu bùng nổ, dẫn tới chiến tranh và thảm họa mà lịch sử của chúng ta đầy rẫy. Cần tập trung tâm năng của loài người về tâm, hướng nó phục vụ sự nghiệp tiến bộ. Tâm năng có thể điều khiển được, định hướng được chính là nhờ “con mắt thứ ba”. Quan trọng là phải hướng tâm năng về phía tích cực - về phía các suy tưởng tốt đẹp”.

- “Vậy ngài kích thích “con mắt thứ ba” phát triển như thế nào ?”

- “Bằng cách dạy tham thiền nhập định, nhờ đó người ta có khả năng có cái “nhìn thanh khiết”, khi người ta cảm nhận được tự do nội tại. Chúng tôi chia sự phát triển “con mắt thứ ba” ra làm mấy giai đoạn, ở giai đoạn cao nhất, người ta có thể nhập xô-ma-chi sâu. Đương nhiên hình “con mắt thứ ba” trên trán chỉ là tượng trưng, thực ra nó là đầu xương ở sâu trong hộp sọ”.

- “Công việc phát triển “con mắt thứ ba” trong tôn giáo của các ngài đã đạt những kết quả như thế nào ?”

- “Thật tiếc, quá ít ỏi. Trong chuyện này không chỉ chúng tôi, những nhà hoạt động tôn giáo, có lỗi, có lẽ chúng tôi nỗ lực chưa đủ, mà còn vì loài người phát triển theo chu trình, ngày nay đang ở vào thời kỳ phát triển vật chất cao nhất, trong khi đó, vai trò của tinh thần bị giảm. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn phải thường xuyên cố gắng phát triển “con mắt thứ ba” và gắn liền với nó là yếu tố tinh thần, nếu không, phần tinh thần của đời sống sẽ tiếp tục đi xuống”.

- “Ý ngài muốn nói, con người ngày nay không thể phát triển “con mắt thứ ba” tới tầm mức đủ để nhập xô-ma-chi sâu?— tôi hỏi.

- “Hiện tại thì không. Về mặt lịch sử đã có quá trình thoái hóa của “con mắt thứ ba”. Chỉ một số nhà yoga có thể nhập định kéo dài vài năm, nhưng không lâu hơn thế. Song cũng chẳng loại trừ, sắp tới có thể làm được chuyện đó”- vị Lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Ngài vừa nói, trong tương lai xô-ma-chi sẽ thành sự thật ư ?”

- “Đúng vậy”.

...

- “Vì sao ở khu vực của các ngài, tôn giáo rõ ràng có xu thế nghiêng về phía tinh thần, thậm chí có hại cho mặt vật chất ?”

- “Ồ ! Điều này quan trọng lắm ! Nhân dân các nước khu vực chúng tôi dường như là vị cứu tinh của nhân loại nói chung. Chuyện là thế này, ở Châu Âu, Châu Mỹ, thậm chí cả ở Phi Châu, biểu hiện rất rõ xu hướng thổi phồng vai trò vật chất và hạ thấp vai trò tinh thần. Ví dụ, phần lớn học giả châu Âu không chấp nhận các khái niệm “năng lượng tâm thần”, “linh hồn”, “tâm linh”, v.v... Bởi vậy, để đạt sự cân bằng tinh thần và vật chất trên trái đất vì lợi ích của toàn thể nhân loại, các nước phương Đông, đặc biệt các nước thuộc khu vực Tây Tạng và Himalaya đành phải thổi phồng vai trò của tâm linh, hạ thấp ý nghĩa của vật chất. Vì lý do đó mà các nước chúng tôi rất nghèo về vật

chất, nhưng lại cao hơn các nước về tâm linh. Sự cân bằng phải có trong mọi mặt: giữa Thiện và Ác, giữa tâm linh và vật chất...”.

- “Thưa ngài Lạt ma Bôn-pô kính mến ! Ngài vừa gọi các nước của dãy núi Himalaya và Tây Tạng là vị cứu tinh của nhân loại trên trái đất. Một mặt, có thể hiểu nhân dân phương Đông tựa hồ là con tin của các khuynh hướng duy vật chủ nghĩa của phương Tây, chịu sống trong nghèo nàn để tăng cường vai trò tâm linh trên trái đất, để có sự cân bằng. Mặt khác lại có thể hiểu thế này: chỉ khi mặt tâm linh phát triển rất cao mới có hy vọng nhập xô-ma-chi lâu dài với mục đích khôi phục Quỹ gen nhân loại, mà thiếu quỹ này, việc đảm bảo sự sống còn của nhân loại trên trái đất rõ ràng sẽ giảm sút.”

Lạt ma Bôn-pô nhìn tôi chăm chú:

- “Có lẽ ngài có lý. Vai trò của xô-ma-chi đối với nhân loại thật to lớn. Vì nó mà có thể chấp nhận sự hy sinh”.

...

- “Thưa ngài Lạt ma Bôn-pô ! Trong đạo Bôn-pô có nói gì tới các nền văn minh trước đây trên trái đất không ?” – tôi hỏi.

- “Thông tin về các nền văn minh trước đây trên trái đất trong đạo Bôn-pô nhiều lắm”- vị Lạt ma Bôn-pô trả lời.- “Có hẳn những tập sách cổ xưa mô tả đời sống của các nền văn minh trước. Sự xuất hiện nền văn minh của chúng ta ở Tây Tạng cũng được mô tả tỉ mỉ. Theo các sách đó, nền văn minh cuối cùng trước chúng ta, bên phương Tây gọi là nền văn minh của người Át-lan, phát triển hơn chúng ta nhiều, họ nắm vững các công nghệ kỳ diệu dựa trên cơ sở năng lượng tâm thần. Thật tiếc tôi không nhớ chi tiết”.

- “Xin lỗi, hiện nay ngài có những cuốn sách đó không ?”

- “Không. Ở Tây Tạng hết cả. Tôi lo chúng đã bị hủy”- vị Lạt ma Bôn-pô buồn rầu trả lời.

- “Đó là tổn thất lớn lao”- người Mỹ nói.

- “Xin ngài cho biết, người thuộc nền văn minh chúng ta có nguồn gốc từ đâu? “– tôi hỏi.

- “Từ những chủ nhân nền văn minh trước đây: người Át-lan. Tôi nhớ chính xác sách Bôn-pô viết như vậy”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Nếu đọc phần mô tả ngoại hình đức Phật trong các sách phương Đông sẽ thấy nhiều nét của ngài không đặc trưng cho người ngày nay. Liệu đức Phật có là người thuộc nền văn minh trước đây đã ra khỏi trạng thái xô-ma-chi không, thưa ngài?” – tôi hỏi.

- “Đức Phật xuất hiện trên trái đất cách đây 2044 năm, thực ra không giống người

thường. Trong tất cả các sách kinh đều viết rằng Ngài có 32 đặc điểm, tức 32 nét khác người thời nay. Mà mỗi nét đặc biệt của đức Phật bắt nguồn không phải từ người mẹ mà từ kinh nghiệm tâm linh của Ngài”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Xin ngài giải thích rõ hơn”.

- “Đó là khái niệm tập hợp lưu truyền ở phương Đông”.

- “Tôi hiểu rằng, sau các khái niệm đó ở phương Đông ẩn giấu những Đại chân lý huyền bí. Một trong các bí mật đó, dĩ nhiên là xô-ma-chi, như một yếu tố sống còn của nhân loại trên trái đất. Được bảo quản hàng nghìn và hàng triệu năm trong các hang động, những cá thể ưu tú đó của người cổ đại có khả năng lại xuất hiện và làm nảy sinh loài người trên trái đất. Ngoài ra, những người nhập xô-ma-chi có thể sống lại và hành động dưới dạng các nhà tiên tri để điều chỉnh phương hướng phát triển của nền văn minh hiện tại theo chiều hướng tiến bộ. Vì vậy, có thể giả định rằng, Đức Phật có hình hài khác thường, mà về nhiều mặt, trùng khớp với các quan niệm về ngoại hình người Át-lan, có thể là một trong các Át-lan hậu kỳ đã xuất hiện để làm nhà tiên tri ở khu vực này trên trái đất. Những kinh nghiệm tác động lên năng lượng tâm thần của nền văn minh trước đã giúp ngài có uy tín trong dân chúng. Có thể kết luận một cách logic như vậy, mà logic dựa trên cơ sở trực cảm, như bên phương Đông vẫn dạy bảo, luôn luôn đúng” - tôi nói.

- “Logic của ngài đúng đấy”- suy ngẫm trong chốc lát vị Lạt ma Bôn-pô đáp.- “Đạo Bôn-pô mô tả nhiều tình tiết khớp với logic của ngài. Đạo Bôn-pô nảy sinh từ Đức Phật đầu tiên trên trái đất, ngoại hình của ngài cũng khác thường so với người ngày nay”.

- “Xin ngài cho biết chi tiết hơn về Đức Phật đầu tiên”.

- “Đức Phật đầu tiên, tức Phật Bôn-pô có tên là Tôn-pa Sên-ráp. Ngài xuất hiện ở vùng Tây Tạng ở xứ sở Sam-ba-la. Ngài đã sống trên trái đất 82 năm và sau khi qua đời đã để lại Giáo lý vĩ đại, tất cả các Phật sau này (các nhà tiên tri) đã vận dụng giáo lý đó. Tôi không nhớ phần mô tả chi tiết ngoại hình của ngài, chỉ biết rằng trông Ngài không giống như người bình thường. Giáo lý của Phật Bôn-pô kéo dài 30000 năm, tức còn 12000 năm nữa nếu coi đã được 18000 năm”.

- “Vì sao giáo lý của Đức Phật Bôn-pô lại kéo dài 30000 năm?”

- “Vì đây là thời hạn đã được Đấng Trí Tôn ấn định, là thời gian Giáo lý tối cao tác động lên con người theo hướng nhất định. 30000 năm sau, sức mạnh của Giáo lý tối cao sẽ suy yếu dần. Nền văn minh của chúng ta xuất hiện lâu lắm rồi và cứ qua 30000 năm, Giáo lý vĩ đại lại đổi mới. Ngoài ra, không phải nền văn minh nào của loài người cũng luôn luôn bước trên con đường tiến bộ, còn có những thời kỳ thụt lùi, thoái bộ, thậm chí hoang hoá hoàn toàn. Bởi vậy, trong giai đoạn nêu trên – 30000 năm - xuất hiện nhiều các nhà tiên tri để đổi mới Giáo lý vĩ đại và răn bảo con người sống đúng

đần”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Hết 30000 năm thì sao nữa, thưa ngài ?”

- “Sau 30 000 năm sẽ là thời kì đen tối, lúc đó giáo lý Đức Phật hết hiệu lực. Nhưng rồi lại xuất hiện chu kỳ 30000 năm mới với Giáo lý mới”.

- “Vậy trong thời gian 30000 năm qua có bao nhiêu bậc tiên tri đã xuất hiện trên trái đất ?”

- “Đạo Bôn-pô cổ xưa cho biết sẽ có 1002 nhà tiên tri xuất hiện trên trái đất”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Đức Phật xuất hiện cách đây 2044 năm là Ngài thứ bao nhiêu? “– tôi hỏi.

- “Tôi không thể nói chính xác. Chỉ biết rằng, Ngài là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Đức Phật tiếp theo tên là Mai-tờ-rây-a, cũng là môn sinh của Đức Phật Bôn-pô”.

- “Tôi biết Mai-tờ-rây-a. Ông Rê-rích có cả tranh vẽ vị đó. Nhưng sao lại có thể có chuyện như ngài vừa nói ? Bởi ngài vừa bảo đảm Đức Phật Bôn-pô xuất hiện trên trái đất 18013 năm về trước, thọ 82 tuổi. Tính từ sau khi Ngài mất đến khi xuất hiện Đức Phật cuối cùng là khoảng thời gian 16000 năm. Làm sao Đức Phật Bôn-pô có thể là sư phụ của Ngài ấy ?” – tôi ngạc nhiên.

- “Tôi có thể nói với ngài thế này”- vị lạt ma Bôn-pô nói,- “cả các bậc tiên tri khác : Giê-su, Mô-i-xây, Mô-ha-mét và những người khác cũng từng là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Một điều chắc chắn là, trước khi bắt đầu cuộc đời tiên tri các vị đó đã tu luyện ở Tây Tạng”.

- “Ai giúp tu luyện, thưa ngài ?”

- “Tất cả các vị đó đều tu tập ở xứ sở Sam-ba-la do Đức Phật Bôn-pô dựng nên. Theo đạo Bôn-pô xứ sở Sam-ba-la gọi là Ôn-mô-lung-ring. Giáo lý của Đức Phật Bôn-pô vĩ đại được truyền bá qua xứ sở Sam-ba-la”.

- “Các nhà tiên tri được dạy bảo như thế nào ?”

- “Cái chết thể chất của Đức Phật Bôn-pô không có ý nghĩa gì. Hồn, như ngài biết đấy, bất tử. Linh hồn của Đức Phật Bôn-pô cũng bất diệt, giáo lý của Ngài sẽ có hiệu lực 30000 năm. Bởi vậy, về mặt tâm linh, tất cả các bậc tiên tri đã từng ở xứ sở Sam-ba-la đều là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô bất tử”.

- “Ở các nước Châu Âu, nhiều người biết các truyền thuyết về xứ sở Sam-ba-la. Qua những điều ngài vừa nói có thể kết luận thế này: trong khi học nhập định hồn lìa khỏi xác và có khả năng giao tiếp với các phần hồn khác, còn học xong và đạt sự anh minh đích thực mà các ngài gọi là bát nhã thì hồn lại nhập vào thân thể để dạy bảo thiên hạ đi theo con đường tiến bộ. Nhưng lúc này tôi chưa muốn trao đổi cụ thể vấn đề Sam-ba-la, vậy xin phép ngài hoãn lại”.

- “Vâng, tất nhiên rồi”.

- “Qua các điều ngài cho biết”- tôi nói tiếp,- “tôi có cảm tưởng các nhà tiên tri xuất hiện trên trái đất theo chu kỳ là do cần thiết cảnh báo sự thoái bộ trong phát triển của loài người và sự hoang hóa con người. Hình dạng các bậc tiên tri không giống nhau, chẳng hạn ngoại hình Đức Phật khác người đương đại, nhưng Chúa Giê-su nhìn như một người bình thường. Vì thế có thể giả định rằng: có khả năng Đức Phật là người Át-lan đã xuất định, còn Chúa Giê-su là bậc cổ nhân thuộc nền văn minh chúng ta đã ra khỏi trạng thái xô-ma-chi. Cả hai vị đều có tâm linh cao siêu, mà như được biết, thiếu cái đó không thể nhập định, các vị đó còn nắm một khối kinh nghiệm to lớn cần thiết cho hoạt động tiên tri. Các bậc tiên tri đã xây dựng nên các tôn giáo khác nhau. Nhưng tất cả các Ngài đều tu luyện ở một nơi, tại xứ sở Sam-ba-la, và đều là đệ tử của Đức Phật Bôn-pô. Tại sao lại có nhiều loại tín ngưỡng như vậy ? Bởi điều đó không hẳn lúc nào cũng hợp lý, chẳng thế mà lịch sử loài người đầy rẫy những cuộc chiến tranh tôn giáo”.

- “Mỗi bậc tiên tri không chỉ là đệ tử siêng năng của Đức Phật Bôn-pô, mà còn là một cá thể hành động theo kiến giải của mình tùy thuộc vào hoàn cảnh sinh sống của những người xung quanh”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Tôi nghĩ, nên chẳng chỉ có một tôn giáo cho toàn thể loài người, bởi Chúa Trời là duy nhất”- tôi nói,- “Tôi hiểu việc đó khó vô cùng, nhưng ở giai đoạn hiện tại, tôn giáo có cơ sở khoa học có thể tác động mạnh tới con người. Thậm chí ở Hoa Kỳ, nơi mà vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội không được coi là cao nhất”- tôi nhìn mấy người Mỹ,-“ thì vẫn có Chúa: đó là đồng đô-la. Cố nhiên, nền kinh tế thị trường bắt người ta phải làm việc là hiện tượng tiến bộ. Nhưng để đạt lợi ích vật chất, người ta sử dụng mọi phương tiện và quên hết các khái niệm danh dự, lương tâm và đạo đức thì xã hội dễ mất hơn nhiều. Một xã hội đã đánh mất phần tâm linh không tránh khỏi diệt vong. Nhưng trong một xã hội hiện đại có nền công nghệ sử dụng hàm lượng chất xám cao liệu có được hay không niềm tin chân thành vào sự tồn tại của linh hồn và Chúa Trời ? Con người hiện đại có tri thức chắc gì đã tin chuyện cổ tích. Bất kỳ sự khẳng định nào có cơ sở khoa học vẫn gần gũi với con người thời nay hơn. Bởi vậy, tôi có cảm tưởng đã đến lúc cần nhận thức tôn giáo trên quan điểm các thành tựu khoa học hiện đại, dù cho tầm mức khoa học ngày nay chỉ là giọt nước trong đại dương kinh nghiệm của Đấng Trí Tôn. Một tôn giáo như vậy sẽ gợi ý cho chúng ta một phương pháp nghiên cứu đó là cách tiếp cận vấn đề bằng phép logic trực giác, mà hiện giờ các nhà bác học thực nghiệm chưa dễ dàng tiếp nhận, nhưng đã có trong nền khoa học hiện đại (thuyết tương đối của Anh-xtanh, thuyết vật lý vacum của Si-pốp v.v...). Cách hiểu tín ngưỡng như vậy có thể bổ sung và tăng cường lòng tin với các trào lưu tôn giáo khác nhau, đồng thời có thể dẫn đến tạo dựng một tôn giáo thống nhất. Lúc đó sẽ không thể có chuyện lợi dụng tôn giáo vào các mục đích tư lợi, nhằm duy trì quyền lực hay gây chiến tranh tôn giáo”.

...
- “Cám ơn vì sự ủng hộ”- tôi nói.- “Còn bây giờ xin phép được tiếp tục câu chuyện của chúng ta. Ngài nghĩ thế nào, nền văn minh của chúng ta bao nhiêu tuổi rồi?”

- “Đây là vấn đề rất phức tạp”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.- “Nền văn minh của chúng ta xuất hiện lâu lắm rồi, sách kinh Bôn-pô có nói về điều này. Tôi được biết: nền văn minh của chúng ta xuất hiện trong thời gian hưng thịnh của nền văn minh trước đó. Chuyện đó xảy ra trước khi có trận đại hồng thủy, gần như tất cả người của nền văn minh trước và của chúng ta đều chết trong trận đại lụt đó. Sau đó nền văn minh của chúng ta đã mấy lần hồi sinh, nhưng rồi lại tiêu vong hoặc biến thành các bộ lạc man rợ không có khả năng đảm bảo sự tiến bộ. Nền văn minh của chúng ta nảy sinh lần cuối ít ra cũng phải 18000 năm về trước”.

...
- “Hình như đã có nhiều cuộc thử phục sinh nền văn minh của chúng ta bị tiêu vong trong trận đại hồng thủy, nhưng không thành. Công việc phục sinh có lẽ đã dựa vào những người xuất định. Đó là những ông tổ và bà tổ không đạt. Và chỉ 18000 năm về trước công cuộc phục sinh đó mới thành công và loài người đã bước lên con đường tiến bộ, trong chuyện này cần đánh giá xứng đáng Đức Phật Bôn-pô vĩ đại và các bậc tiên tri khác, có phải vậy không, thưa ngài ?” – tôi nói.

- “Rõ ràng là ngài nói phải”.

- “Thế loài người đã xuất hiện ở nơi nào trên trái đất ? Ý tôi muốn nói lần phục sinh nền văn minh của chúng ta thành công cách đây 18000 năm”- tôi hỏi.

- “Ở Tây Tạng”- vị lạt ma Bôn-pô đáp đầy tự tin.- “Chính xác hơn nữa là Đờ-giu-ma-Ta-ma, một địa danh ở vùng Đông Bắc Tây Tạng”.

- “Tại sao lại chính nơi đó ?”

- “Ở đó có rất nhiều hang động. Trong các hang động có người sinh sống...”.

- “Sinh sống ư ?!”

- “Họ không chết...”

- “Ý ngài muốn nói, người đang nhập xô-ma-chi là người còn sống sao ?”

- “Vâng”.

- “Tôi hiểu việc vào các nơi đó gặp họ là tội phạm thánh”- tôi nói.

- “Dĩ nhiên. Hơn nữa, không thể tìm ra các hang động đó, chúng bị bịt kín. Chỉ có những con người Đặc biệt mới biết. Họ sẽ không nói cho ai biết. Còn người nào bước vào hang sẽ phải qua thử thách. Chuyện này vô cùng nguy hiểm”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Tôi hiểu...Mà cũng phải như vậy thôi”.

- “Cần thiết phải như vậy”.

- “Dù sao”- tôi nói,- “sau khi đã hết sững sờ”,- “tôi vẫn cho rằng, trong hang động có người thuộc nền văn minh chúng ta và cả người Át-lan nữa. Đích thị người Át-lan! Ai có mãnh lực mà ngài gọi là nguy hiểm chết người ấy ? Có phải người Át-lan không ? Bởi chính họ là những người biết tác động lên năng lượng tinh thần, nhờ đó, họ đã xây dựng nên các tượng đài cổ xưa, ví dụ kim tự tháp (tôi cố tình không nói tiếp về hang động và xô-ma-chi để dành chuyện tới lúc giới thiệu bức vẽ người Át-lan giả thuyết). Theo ngài, ai là người đã xây dựng các kim tự tháp ?”

- “Kim tự tháp Ai Cập ấy à ?”- vị lạt ma Bôn-pô trầm ngâm, có lẽ đang nhớ lại các kinh sách Bôn-pô,- “Các kim tự tháp Ai Cập đã được xây dựng nhờ vào sức mạnh của bộ não. Não có sức mạnh to lớn, chúng ta chưa biết sử dụng nó đúng chức năng”.

- “Ngài vừa bảo chúng ta không biết sử dụng sức mạnh của bộ não. Vậy ai đã biết sử dụng sức mạnh của bộ não, người thuộc nền văn minh trước: người Át-lan chẳng ?” – tôi hỏi.

- “Qua thư tịch cổ đại được biết, người thuộc nền văn minh trước chúng ta biết dùng “con mắt thứ ba” phát triển của họ để biến đổi năng lượng tâm thần thành cơ năng và các dạng năng lượng khác. Trong các sách đó mô tả tỉ mỉ quá trình biến đổi đó và cả việc họ đã dùng sức mạnh của bộ não (tâm năng) xây dựng các kim tự tháp như thế nào. Thật tiếc, tôi không nhớ chính xác mọi chuyện đó, nhưng hình như họ tập trung lại rất đông rồi hướng năng lượng tâm thần của họ vào những khối đá khổng lồ làm cho chúng trở nên nhẹ hoặc mất trọng lượng”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Từ đó suy ra các kim tự tháp Ai Cập là do người Át-lan dựng nên ?”

-“Vâng”.

...

- “Sách báo khoa học hiện đại cho biết: các kim tự tháp Ai Cập được xây dựng phỏng chừng 4000-5000 năm về trước. Theo ngài, tuổi của các kim tự tháp là bao nhiêu ?” – tôi hỏi.

- “Các kim tự tháp được xây dựng trước thời gian đó nhiều, từ thời cổ xưa”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

...

- “Ngài nghĩ thế nào, các kim tự tháp đã được xây dựng với mục đích gì ?”

- “Các đài kỷ niệm thời cổ đại đó đã được xây dựng với quy mô và ý tưởng kỹ thuật không thể tưởng tượng được để tỏ rõ mãnh lực của năng lượng tâm thần, sức mạnh tinh thần của con người. Cho đến giờ, nhân loại vẫn chưa xây cất được công trình nào tương tự như vậy. Sờ tay lên kim tự tháp hùng vĩ, có thể cảm nhận được sức mạnh tâm linh, tận mắt nhìn thấy sự vĩ đại của tinh thần con người”.

- “Nhưng tôi nghĩ, kim tự tháp được xây dựng không chỉ với mục đích tỏ rõ cho

mọi người thấy sức mạnh của năng lượng tâm thần”- tôi nói.- “Còn có nguyên nhân nào khác không, thưa ngài ?”

- “Tôi sẽ không nói về các mục đích thiên văn. Cái đó tôi biết kém lắm. Chỉ biết rằng, ở các vùng khác nhau của trái đất, kim tự tháp đã được xây dựng như những nơi bảo quản trí tuệ”.

- “Xin ngài giải thích rõ thêm”.

- “Ý tôi muốn nói tới cái trí tuệ tinh thần cao cả nhất : bát nhã”.

- “Các nhà tu hành phương Đông kể với chúng tôi rằng chỉ có trong trạng thái xô-ma-chi mới có thể đạt tới trí tuệ tinh thần cao cả nhất: bát nhã. Chỉ có thông qua xô-ma-chi mới đến được trí tuệ”- tôi nói,- “Liệu qua đó có thể hiểu các kim tự tháp cũng như hang động đã được tạo nên để bảo quản những người đang ở trong trạng thái xô-ma-chi không ?”

- “Hoàn toàn có thể lắm”.

- “Tôi đã vào bên trong kim tự tháp Khê-ốp, tại nơi có quan tài vua Tu-tan-kha-môn, nhưng, hỡi ôi ! Làm gì còn thi thể của ngài. Nhiệt độ trong đó cũng như ở hang động: khoảng chừng +4oC, tức nhiệt độ thích hợp với việc bảo toàn thân thể ở trạng thái xô-ma-chi. Biết đâu Tu-tan-kha-môn đang ở trong trạng thái xô-ma-chi chứ không phải chết ?”

- “Có thể lắm”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Như vậy cả các kim tự tháp cũng có thể là nơi lưu giữ Quỹ gen nhân loại”.

- “Các kim tự tháp được xây dựng để bảo quản trí tuệ cao cả đặc biệt”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Như tôi hiểu tâm thức cao cả là của người Át-lan, chính xác người Át-lan sơ kỳ (có nguồn tư liệu chứng nhận điều này). Từ đó, suy ra trong các kim tự tháp có thể có người đang nhập xô-ma-chi, không chỉ thuộc nền văn minh của chúng ta, mà cả người Át-lan. Có phải vậy không, thưa ngài?”

- “Có thể lắm, tôi không biết chính xác”.

...

- Nhưng tại sao trong các kim tự tháp không tìm thấy người Át-lan ? Xác ướp vua Tu-tan-kha-môn thì có!”

- “Tôi không biết mấy về các kim tự tháp. Nhưng tôi biết về các hang động của Tây Tạng. Rất khó tìm thấy trong hang động những người cổ xưa nhất của trái đất, gần như không thể có chuyện đó”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Vì sao, thưa ngài ?”

- “Họ ở tít sâu dưới lòng đất...”.

- “Hay là họ không ở trong các kim tự tháp mà là ở dưới đó, dưới các kim tự tháp ?”

- “Có thể lắm”.

...

- “Mà vì sao ngài lại nói rất khó tìm thấy trong hang những người cổ xưa nhất (cần hiểu là người Át-lan) trong trạng thái xô-ma-chi. Chúng bị đá lấp kín à ?”

-“Vâng”.

- “Cứ cho là cái động có người Át-lan nhập xô-ma-chi bị một phiến đá bịt kín. Người đó sau khi đã “sống lại” làm sao ra được ?” – tôi hỏi.

- “Đá đối với họ không là chướng ngại vật”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Chắc ý ngài muốn nói người Át-lan có thể tác động lên lực hấp dẫn nhờ năng lượng tâm thần, giống như họ đã xây dựng các kim tự tháp bằng các khối đá nguyên”.

- “Đá đối với họ không là trở ngại”.

- “Giờ thì tôi hiểu”- tôi nói,- “vì sao không ai phát hiện trong các kim tự tháp có người Át-lan. Họ đã được các phiến đá che chắn mà họ có lẽ dùng tâm năng có thể xê dịch được. Xin được hỏi câu nữa”- tôi nhìn vị lạt ma Bôn-pô.- “Ai đã xây nên tượng Nhân sư Ai Cập ?”

- “Tôi không biết. Tôi nghĩ chuyện đó thuộc thời xa xưa trước nữa”.

...

Nghỉ xong, tôi lấy ra bức hình người Át-lan giả định đặt vào tay vị lạt ma Bôn-pô và hỏi “Ai đây, thưa ngài ?”

- “Tôi trông đôi mắt quen lắm”- vị lạt ma Bôn-pô nói,- “nhưng còn khuôn mặt... Sao, ngài đến hang rồi ư ?”

Tôi không đáp lại.

- “Ngài nghe kể lại hay chính ngài ?..”

- “Đây là kết quả nghiên cứu của chúng tôi”.

- “Nghiên cứu nào, thưa ngài ?”

Tôi kể tỉ mỉ về phương hướng nghiên cứu của chúng tôi gọi là hình học nhãn khoa và công việc phân tích khoa học hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng và công việc tái tạo hình dáng người có hai con mắt đó.

- “Chuyện này thật thú vị”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Thế ngài đã đến các động chưa ?” – tôi hỏi vị lạt ma Bôn-pô

- “Chưa, nhưng tôi biết”.

“-Đấy là cặp mắt và khuôn mặt Đức Phật phải không, thưa ngài?”

- “Không phải”.

- “Vật của ai ?”

- “Của cổ nhân thời xa xưa hơn thế. Con người có tài trí tối thượng và tựa như Chúa Trời”- vị lạt ma Bôn-pô đáp

...
- “Ngài có nghe nói về E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a không ?”

- “Có. Đây là Bậc được bí truyền. Sách của bà được nhiều người ở phương Đông biết”.

- “Khi mô tả người Át-lan (chúng tộc thứ Tư) và Lê-mu-ri (chúng tộc thứ Ba), E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a đặc biệt nhấn mạnh người Lê-mu-ri Át-lan như những người anh minh và phát triển nhất trên trái đất. Bà gọi họ là những Thiên tử. Sau khi phân tích các tài liệu mô tả ngoại hình người Lê-mu-ri, Át-lan và Lê-mu-ri Át-lan (trước tiên là của E.P Bờ-la-vát-cai-a), chúng tôi sơ bộ kết luận: hình hài người được tái tạo dựa trên con mắt được vẽ trên các đèn chùa Tây Tạng,- tôi chỉ bức vẽ của chúng tôi,- thuộc người Lê-mu-ri Át-lan. Nếu người Át-lan cuối cùng bị diệt vong theo E.P. Bờ-la-vát-cai-a cách đây gần 850000 năm, thì người Lê-mu-ri Át-lan có trước đó nhiều : khoảng chừng từ một đến ba triệu năm về trước. Nhẽ nào xô-ma-chi đã bảo quản họ trong thời gian dài như vậy ?”

- “Định sâu có thể kéo dài bao nhiêu lâu cũng được”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Giả định họ là những người Lê-mu-ri Át-lan, nhẽ nào vẫn có thể tìm thấy họ trong hang động và các kim tự tháp, thưa ngài ?”

Vị lạt ma Bôn-pô nhìn tôi chăm chú và lặng thinh.

- “Vậy xin phép được hỏi ngài câu nữa”- tôi chưa chịu thôi,- “hình hai con mắt khác thường trên các đèn chùa Tây Tạng có xuất sứ từ đâu ?” – Tôi lại chỉ vào bức vẽ.-
Họa sĩ bịa ra chẳng ?

- “Những cái thiêng liêng không thể là sản phẩm của óc tưởng tượng thông thường”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Hình hai con mắt lấy ở sách cổ?”

- “Không hẳn vậy”.

- “Hay ai đó đã nhìn thấy hai con mắt và khuôn mặt này ? Trong động, đang ở trạng thái xô-ma-chi”

-Có thể lắm.

- “Một đạo sư thượng cấp Ấn Độ nhìn thấy bức vẽ này liền kêu lên: “Xô-ma-chi!” , và giải thích những người ở trong trạng thái xô-ma-chi trông như vậy.

Vị lạt ma Bôn-pô lại nhìn bức vẽ một lần nữa và lại lặng thinh.

- “Thưa ngài lạt ma Bôn-pô kính mến ! Xin ngài kể tỉ mỉ hơn về xô-ma-chi”- tôi năn nỉ.

- “Như tôi hiểu, các ngài đã được thông báo nhiều về xô-ma-chi”- vị lạt ma Bôn-pô nói,- “Có lẽ các ngài cũng biết rằng muốn nhập xô-ma-chi chỉ có cách thanh lọc tâm hồn mình khỏi năng lượng tâm thần tiêu cực. Trong trạng thái xô-ma-chi trao

đôi chất hạ xuống điếm không và thân thể chuyển sang trạng thái cứng như đá và có thể được bảo toàn hàng nghìn và thậm chí hàng triệu năm”.

- “Xô-ma-chi có vai trò như thế nào trong lịch sử loài người ?”

- “Xô-ma-chi là thời điểm cứu nguy loài người, bởi chỉ có thông qua xô-ma-chi mới có thể bảo quản thân thể hàng nghìn năm và trong trường hợp cần thiết nhờ thể xác “sống lại” gieo mầm nền văn minh đã tiêu vong. Không phải chỉ có một nền văn minh đã tiêu vong và mỗi lần như vậy, người ta lại xuất hiện gieo mầm mới cho loài người”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Chúng ta cùng thảo luận xem sao”- tôi đề nghị,- “Tất cả các tôn giáo đều tuyên truyền cho vai trò hàng đầu của tâm linh, rằng khả năng và tiềm lực của con người phụ thuộc vào trước tiên ở phần hồn chứ không phải phần xác. Như vậy thì việc bảo quản thân thể người ở trạng thái xô-ma-chi không cần thiết - khẳng định điều này cũng hợp logic, bởi hồn có tầm mức tối cao nhập vào một thể xác thô sơ, thô dân chẳng hạn, liệu hồn có làm người đó trở nên thiên tài, có khả năng trở thành ông tổ nền văn minh mới được không ? Có chuyện như vậy được không, thưa ngài ?”

- “Không, không thể có chuyện đó. Thể xác và đặc biệt trí óc cũng có vai trò to lớn. Xô-ma-chi là phương pháp bảo lưu sự sống lâu đời nhất của nhân loại, xô-ma-chi cho phép phục sinh loài người cả trong trường hợp nhân loại bị tiêu vong hoàn toàn. Thân thể và đặc biệt trí não của người nhập xô-ma-chi phải hoàn thiện và phù hợp với phần hồn về tầm mức”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Và quả như vậy”- tôi nói,- “gặp một ông thổ dân có những khả năng kiệt xuất là chuyện khá khó khăn. Rõ ràng khi nhập vào thân xác ít nhiều hồn đều có tự do lựa chọn thân thể theo nguyên tắc phù hợp với hồn về tầm mức. Hình như ở đây có vai trò đặc biệt quan trọng của sự phát triển trí tuệ, bởi được biết chính trong khi trí não hoạt động nó đã cuốn các trường xoắn của tâm và hồn tạo điều kiện để tiềm lực bộc lộ. Nói có hình ảnh thì là: “những khả năng cuốn yếu ớt” của ông thổ dân nguyên thủy đã không tương ứng với tiềm năng cao của hồn. Vì thế, công việc bảo toàn thân thể của đại diện nền văn minh phát triển cao có ý nghĩa lớn”.

- “Hơn nữa Đáng hóa công thế giới vật chất đã tạo dựng thân thể con người bằng cách cô đặc phần hồn trong một thời gian tiến hóa dài. Một thân thể đã được tạo nên hoàn thiện phải được bảo toàn (ở trạng thái xô-ma-chi !), bởi chỉ có một thân thể như vậy mới đủ khả năng sống sót trong những điều kiện khó khăn của sự phục sinh nền văn minh mới của con người. Người có thân xác ốm yếu, bệnh hoạn không thể định sâu và không chắc chắn”.

...

- “Xin ngài cho biết liệu người vừa ra khỏi trạng thái xô-ma-chi có thể trở thành cha

hoặc mẹ, nghĩa là có con cháu được không ?” – tôi hỏi.

- “Có, dĩ nhiên rồi. Ở Tây Tạng đã có những trường hợp (thuộc phái yoga) ở trong hang động vài năm sau khi xuất định vẫn có con” - vị lạt ma Bôn pô đáp.

- “Liệu ở thời cổ đại, người ta có biết các bí quyết bảo quản tinh khí người và con vật, phương pháp thụ tinh và nuôi dưỡng bào thai trong ống nghiệm không, thưa ngài ? Điều này hoàn toàn logic, bởi khi loài người phục sinh cũng cần có gia súc. Mà tương tượng con bò nhập định thì khó quá”.

- “Tôi không biết chuyện đó” - vị lạt ma Bôn pô trả lời.- “Tôi chỉ có thể nói nên văn minh trước đây phát triển hơn của chúng ta”.

- “Thưa ngài lạt ma Bôn pô kính mến, ngài có nói xô-ma-chi là phương pháp cổ xưa bảo toàn (cứu thoát) loài người trên trái đất. Đọc E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a, chúng tôi được biết xô-ma-chi, ngài gọi là “Va-ra”, được tạo ra là để bảo toàn ba chủng tộc gần đây nhất của nhân loại. Tức để giữ gìn người Lê-mu-ri, người Át-lan và người thuộc nền văn minh chúng ta. Cổ xưa nhất trong số đó là Lê-mu-ri và Lê-mu-ri – Át-lan sống cách đây vài triệu năm. Ngài nghĩ sao, liệu người Lê-mu-ri hoặc Lê-mu-ri – Át-lan vẫn còn trong các hang động như một bộ phận của Quỹ gen nhân loại không ?”

- “Tôi nghĩ có thể lắm”.

- “Từ đó suy ra, thưa ngài lạt ma Bôn pô kính mến”- tôi nói tiếp,- “phải có ai đó đã nhìn thấy đôi mắt có hình vẽ trên các đèn chùa Tây Tạng và là của cổ nhân thời đại trước nữa (có thể là người Lê-mu-ri – Át-lan). Nhẽ nào chuyện ngày nay vẫn có thể nhìn thấy trong hang người cổ xưa nhất ở trạng thái xô-ma-chi là có thật ? Chẳng nhẽ hệ thống bảo vệ Quỹ gen nhân loại chưa trực trực ?”

- “Để thấy ngài phải được phép vào”.

- “Phép nào, thưa ngài ? Ai cho phép ?”

-...”Những người xô-ma-chi”.

- “Sao lại thế ! Họ khô cứng rồi cơ mà...”

- “Người xô-ma-chi là người vẫn sống”.

- “Người xô-ma-chi có thể nói chuyện được không ?”

- “Giao tiếp với người xô-ma-chi không nhất thiết phải nói chuyện. Muốn thế đã có thiên, có thần hồn”- vị lạt ma Bôn pô nói.

- “Nếu tôi hiểu đúng ngài,- tôi nói,- “thần hồn đã thoát khỏi “gông cùm của thể xác” trong trạng thái thiên có thể tiếp xúc với thần hồn người xô-ma-chi”.

- “Ngài nói phải”.

- “Ngày nay có ai được phép vào chôn có người xô-ma-chi không ?”

- “Có”.

Tôi muốn hỏi những người đó là ai và có thể làm quen với họ không. Nhưng tôi thôi, vì hiểu rằng trước mặt nhiều người của hai nước vị lạt ma Bôn pô sẽ không nói ra điều đó.

- “Ngài nói, loài người phát sinh trên Tây Tạng. Liệu Himalaya và Tây Tạng đồng thời cũng là trung tâm Quĩ gen nhân loại không ? Nghĩa là những người xô-ma-chi đã được định khu chủ yếu ở đây ?”- tôi hỏi.

- “Định là hiện tượng toàn nhân loại. Bởi vậy, người xô-ma-chi có thể có mặt ở bất cứ vùng nào của trái đất kể cả đại dương. Nhưng địa điểm khu trú chủ yếu vẫn là Himalaya và Tây Tạng”- vị lạt ma Bôn pô đáp.

- “Tại sao lại là Himalaya và Tây Tạng ? Có phải vì Himalaya và Tây Tạng là khu vực cao hơn cả của trái đất mà ngay trong thời gian có trận đại hồng thủy vẫn ở trên mặt nước ?”

- “Đúng vậy, Himalaya và Tây Tạng là những dãy núi cao nhất, đó là một trong các nguyên nhân. Nhưng không phải chỉ vì thế...”

...

- “Còn lý do nào khác, thưa ngài ?”

- “Theo tôn giáo của chúng tôi. Bắc cực là nơi cư trú của các Chúa Trời. Còn thời xa xưa, Himalaya và Tây Tạng là một cực của trái đất”- vị lạt ma Bôn pô đáp.

...

- “Như vậy, chúng ta có thể nói phần nào chắc chắn rằng, Himalaya, Tây Tạng và có thể cả sa mạc Gô-bi là trung tâm bảo quản Quĩ gen của nhân loại chủ yếu”- tôi nói,- “còn bây giờ chúng ta trở lại vấn đề ai có thể thực hiện vai trò Quĩ gen nhân loại”.

- “Đồng ý”.

- “Chúng ta ngày một có nhiều thông tin nói rằng, những người thuộc nền văn minh trước đây: người Át-lan và người Lê-mu-ri – Át-lan bây giờ vẫn có thể đang trong trạng thái xô-ma-chi, đảm nhận vai trò Quĩ gen nhân loại. Vì sao Quĩ gen không chỉ bao gồm người nền văn minh chủng tộc chúng ta, bởi theo nguyên lý kế tục thì vai trò đó phải thuộc các đại diện ngày nay của loài người chứ, thưa ngài ?”

- “Con mắt thứ ba” ở con người thuộc nền văn minh chúng ta kém phát triển”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.- “Bởi thế, nhập định kéo dài đối với người thuộc nền văn minh chúng ta khó khăn. Những người thuộc các nền văn minh cổ đại có “con mắt thứ ba” phát triển, nên họ có thể định lâu dài dễ dàng hơn”.

- “Chính bởi thế”- tôi cắt ngang,- “các ngài căn cứ theo tôn giáo của mình đang cố phát triển “con mắt thứ ba” ở con người thuộc nền văn minh chúng ta. Nếu việc này không thành, thì trong trường hợp nền văn minh của chúng ta tự hủy diệt, người Át-lan hoặc Lê-mu-ri – Át-lan lại trở thành nguồn phát sinh loài người mới chăng ?”

- “Vâng, đúng như vậy. Nhưng nguyên nhân ở đây không chỉ ở chỗ: thời nay chủ nghĩa vật chất phình quá to, mà còn bởi loài người lúc này đang ở giai đoạn duy vật của chu kỳ Thần thánh.

Trong sách của E.P. Bờ-la-vát-cai-a, chúng tôi cũng đọc thấy thông tin tương tự (“Học thuyết bí ẩn”, tiếng Nga 1937, tập 2, trang 228, 376, 377):

“...Sự tiến hóa diễn ra theo chu kỳ. Đại Chu kỳ Man-van-ta của bảy vòng bắt đầu ở vòng thứ nhất từ các khoáng chất, cây cỏ và con vật, đưa công việc tiến hóa của mình theo đường vòng cung đi xuống đến tử điểm ở giữa chủng tộc thứ Tư trong khi nửa đầu vòng thứ tư kết thúc... tại vòng cung đi xuống, chính tinh thần đã dần dần biến thành vật chất. Trên đường giữa của góc, tinh thần và vật chất cân bằng. Tại đường vòng cung đi lên, tinh thần lại được củng cố... bởi vậy, chủng tộc thứ Năm của chúng ta như chủng tộc gốc đã vượt qua đường xích đạo và đi lên phía tinh thần; nhưng một vài trong số chủng tộc nhỏ hơn vẫn còn đang ở phía râm, đi xuống”.

- “Tất nhiên, vai trò của chu kỳ Thần thánh là to lớn”- tôi nói,- “nhưng khả năng nhập định của con người còn phụ thuộc không ít vào nỗ lực theo chiều hướng đó của loài người, cụ thể là các trường thiên”.

- “Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi”- vị lạt ma Bôn-pô kêu lên.- “Vì thế, chúng tôi đang dốc nhiều sức lực theo hướng đó. Về mặt lịch sử các trường “thiên-định-bát nhã” yếu dần, tới mức chắc chắn chỉ một vài người ngày nay có thể nhập định sâu. Các cổ nhân của nền văn minh chúng ta dễ dàng nhập định sâu và kéo dài, mặc dù theo chu kỳ Thần thánh, vật chất trên trái đất đang tăng lên. Những người thuộc nền văn minh trước chúng ta cũng có xu thế tăng vật chất, về mặt này họ đã đạt được nhiều thứ, nhưng vẫn thành kính gìn giữ các trường thiên và định”.

- “Liệu có xô-ma-chi nhân tạo, tức là bảo quản thân thể mình bằng cách sử dụng, chẳng hạn hóa chất rồi sau đó làm sống lại?”

- “Tôi nghĩ không thể có chuyện đó, vì bộ phận hoạt động chủ yếu trong xô-ma-chi là linh hồn”.

- “Trong lịch sử đã bao giờ có xô-ma-chi nhân tạo chưa, thưa ngài?”

- “Tôi không nhớ chính xác, theo tôi có đấy...”

- “Những người thuộc nền văn minh trước, người Át-lan ấy, có bệnh tật không?”

- “Theo tôn giáo của chúng tôi”- vị lạt ma Bôn-pô đáp,- “Chúa Trời đã nguyên rủa loài người chúng ta vì có tội, bằng cách tung ra nhiều thứ bệnh. Người thuộc các nền văn minh trước sung sướng và khoẻ mạnh hơn”.

- “Ví sao tôi lại hỏi ngài về bệnh tật?” – tôi nói.- “Được biết, chỉ người có sức khoẻ tinh thần và thể chất tuyệt vời mới nhập định được. Tìm được người của nền văn

minh chúng ta hoàn toàn khoẻ mạnh là chuyện khá khó, trong khi đó, qua sách báo và lời ngài, con người của các nền văn minh trước đây khoẻ hơn nhiều. Vậy logic có thể giả sử thế này : bỗng nhiên (cứ cho là viễn vông đi) chúng ta được phép vào động có người xô-ma-chi, thì chỉ thấy trong đó, chủ yếu là đại diện của các nền văn minh trước: Át-lan và Lê-mu-ri – Át-lan. Đúng vậy không, thưa ngài ?”

- “Không hoàn toàn như vậy. Trong trạng thái xô-ma-chi có cả người thuộc nền văn minh chúng ta. Nền văn minh của chúng ta cũng lâu đời lắm chứ”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Người của nền văn minh chúng ta bắt đầu nhập xô-ma-chi lâu chưa và ở trong trạng thái đó bao lâu rồi ?”

- “Họ được Đấng Trí Tôn phái đi nhập xô-ma-chi trong thời kỳ xảy ra trận Đại hồng thủy đã hủy diệt gần hết nhân loại trên trái đất”.

...

- “Theo E.P. Bờ-la-vát-cai-a, trận Đại hồng thủy xảy ra cách đây 850000 năm. Nhẽ nào cả người của nền văn minh chúng ta có thể định trong một thời gian dài như vậy sao ? “– tôi hỏi.

- “Mà tại sao lại không ?” - vị lạt ma Bôn-pô đáp.

“-Liệu đại diện người Ai Cập cổ đại có được cử đi nhập định trong thời kỳ sao chổi Chi-phôn va vào trái đất 12000 năm về trước không, thưa ngài ?”

- “Tôi không biết chuyện đó”.

- “Có nhiều người Át-lan nhập định trong thời kỳ có trận Đại hồng thủy không ?”

- “Tôi nghĩ, không thể đông đảo được, vì định chỉ dành cho những con người ưu tú, những con người thần thánh”.

- “Nhu vậy, có thể kết luận sơ bộ: Quỹ gen nhân loại ở trạng thái xô-ma-chi phải bao gồm đại diện của ba nền văn minh (chủng tộc) : Lê-mu-ri (hoặc Lê-mu-ri – Át-lan), Át-lan và người thuộc nền văn minh chúng ta. Nghĩa là kiểm soát tam cấp. Ngài nghĩ sao, liệu có thể tìm thấy họ trong hang động không ?”

- “Đó là ... điều bí mật lớn.

- “Vậy ta nói chuyện về hang động”- tôi đề nghị.- “Người xô-ma-chi nhất thiết phải được bảo quản nơi hang động à, thưa ngài ?”

- “Không chỉ trong động, mà cả dưới nước”.

- “Tại khu vực này của thế giới, nơi chúng ta đang có mặt đây, chỉ có thể hỏi chuyện về hang động. Xin ngài cho biết, hang động có nhiều người xô-ma-chi không ?”

- “Nhiều”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Vậy tại sao đến giờ không ai nhìn thấy trong hang có người xô-ma-chi ?”

- “Khó lắm. Như đã quy định các hang động đó đóng kín, còn lối vào bí mật. Mặt

khác, hang động trong núi này nhiều vô kể, trong hang có biết bao nhiêu là nhánh, khó có thể tìm được cái gì trong ấy. Trong hang có cả đền thờ, nhưng ngoài những người đặc biệt thì không ai biết về chúng”.

...

- “Ngài nói đến các ngôi đền trong động có ngụ ý gì ? Các động ở dưới các đền Phật giáo hay là ngôi đền ngầm ?” – tôi hỏi.

- “Đền ngầm”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp.

-N “gôi đền đó như thế nào, thưa ngài ?”

-...

- “Đó chính là Sam-ba-la ?”

-...

- “Những Người đặc biệt biết các ngôi đền trong động và hang động có người xô-ma-chi là ai, thưa ngài ?”

- “Không hẳn bao giờ cũng là các nhà tu hành...”.

- “Những người đó giữ kín chuyện, họ biết địa điểm các hang động có người xô-ma-chi và các đền trong động ?”

- “Họ đã đến đó !”

- “Để làm gì ?”

- “Bảo vệ”.

- “Đó là các nhà sư của bảo tháp ?”

- “Có thể,- một vài người trong số đó. Bảo tháp thường được xây dựng để tưởng niệm các Lạt ma hoặc những người lỗi lạc khác, ví dụ các nhà cầm quyền”- vị Lạt ma Bôn-pô trả lời.

- “Có thể làm quen với những con Người đặc biệt đó được không, thưa ngài ?”

- “Được, nhưng vô ích. Tất cả họ sẽ trả lời ngài như nhau: “Ngay với Chúa Trời tôi cũng không nói ra điều đó”.

- “Họ định mua chuộc những người đó à”.

- “Có lẽ họ định như vậy”.

- “Nhưng rồi thế nào”.

- “Vô ích! Những người của chúng tôi và trước hết, những con Người đặc biệt đó cho rằng, sự sống nơi trần gian, nói gì đến tiền bạc, chả là cái gì nếu đem so với sự vĩ đại của Người ! Định kỳ họ vẫn nhìn thấy Người ! Họ thuộc dưới quyền của Người ! Họ là đầy tớ của Người ! Nhận tiền đổi với những con người đặc biệt là tội phạm thượng. Cái đó không thể so được: tiền bạc và Người !”

- “Tôi hiểu, tôi hiểu ngài”- tôi xúc động nói.- “Người Mỹ hoặc người Âu cho rằng: có tiền là mua được tất cả. Ngay cái tuyệt đối đó đem so với sự vĩnh cửu, sự sống và Quỹ gen nhân loại chẳng là cái gì ! Ngay việc cho tiền cũng là tội phạm thượng

!”

- “Vâng, như vậy đấy”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.- “Những con Người đặc biệt hiểu rất rõ điều đó. Sự sống trên trái đất là cái gì ? Đó là khoảnh khắc, là giây lát. Nhẽ nào lại có thể vì tiền ?... Đó là tội lỗi to lớn !”

- “Xin ngài lạt ma Bôn-pô cho biết, nếu trong số những Người đặc biệt đó có một kẻ phẩm chất kém, phản bội lời thề thì sao ? Nếu hẳn ta cứ ai đó lọt vào hang ?”

- “Hẳn sẽ là kẻ giết người”.

- “Kẻ giết người u ? Giết ai ?”

- “Cái người đã được chỉ lối vào và đã tới đó, chờ chết. Ai chỉ đường cho kẻ đó, người ấy đã đưa hẳn đến chỗ chết !”

- “Tôi hiểu, hành động của những sức mạnh khác thường... Chỉ có Người mới có quyền cho phép vào”.

- “Ngài hãy lưu ý và nhớ cho”- vị lạt ma Bôn-pô nhìn tôi chăm chăm nói,- “những Người đặc biệt chỉ là các đày tớ của Người. Mọi cái đều do Người định đoạt ! Được phép vào cũng phải do Người !”

- “Vậy có thể tiếp xúc với Người được không, thưa ngài ?”

...

- “Nhưng dấu sao lịch sử cũng đầy những chuyện ngẫu nhiên. Có lẽ trong lịch sử đã có những trường hợp vì nguyên nhân này nọ “lôi vào” bị trục trặc. Không thể nào lại không có chuyện tình cờ. Có những trường hợp như vậy không, thưa ngài ?”

- “Có, mà không phải một”.

- “Nếu được, xin ngài kể nghe”.

- “Về đề tài này, có nhiều huyền thoại lắm, ...”

...

- “Ngoài huyền thoại còn có thông tin gì không, thưa ngài ? Có ai đã nhìn thấy người định trong hang không ?”

- “Có. Ví dụ ở Bắc Tây Tạng có cái động, một người tên là Mô-dê Xan Đờ-giang nhập định trong đó đã mấy thế kỷ nay (tôi không nhớ chính xác đã bao nhiêu thế kỷ). Các nhà tu hành vùng đó của Tây Tạng vẫn nhìn thấy người đều đều. Đây không phải là những con Người đặc biệt, chỉ là những hành giả bình thường. Muốn vào hang không cần hỏi ý kiến Người. Lôi vào an toàn. Chỉ cần động cơ thiện chí. Không được chụp ảnh và nói chuyện, làm thế là tội phạm thượng!”

- “Tôi hiểu, bởi Mô-dê Xan Đờ-giang là một trong các đại diện của Quỹ gen nhân loại. Một việc làm thiêng liêng”.

- “Vâng”.

- “Dù sao thì vẫn có thể trông thấy Người chứ, thưa ngài ?”

- “Có thể ! Nếu giới tu hành khu vực đó của Tây Tạng cho phép và chỉ cái động.

Tây Tạng là cội nguồn của loài người ! Bởi người Tây Tạng biết (xin lỗi, đã biết) và thành kính gìn giữ xô-ma-chi vĩ đại ! Bởi thiên chức của người Tây Tạng là bảo toàn các giá trị tâm linh cổ đại ! Tây Tạng quan trọng đối với cả nhân loại, đối với tương lai của loài người !”

- “Tôi không biết nói gì nữa...”

- “Tôi cũng vậy. Người Tây Tạng trong lịch sử đã từng rất hiếu chiến’- vị Lạt ma Bôn-pô tiếp tục câu chuyện,- “họ đã từng xâm chiếm nhiều đất đai. Nhưng cách đây hơn 800 năm, tâm thức họ như sáng ra, chính sách của nhà nước thay đổi hẳn và nhằm vào tăng cường tối đa tôn giáo. Các đội quân tu sĩ thay chỗ các chiến binh, bắt đầu xây dựng nhiều đền chùa. Trên 6000 tu viện được xây cất, trước khi người Trung Quốc đến có gần 6000 Lạt ma thượng cấp. Cứ mỗi gia đình người Tây Tạng có một con trai đi tu, thệ ước sống độc thân. Then chốt của tín ngưỡng Tây Tạng là tư tưởng vị tha và khai hóa : người Tây Tạng học để trở thành con người có học vấn tối đa (trước tiên về mặt tâm linh), quan tâm ít nhất tới các nhu cầu vật chất. Gần 75% ngân sách của Tây Tạng chi vào việc xây dựng đền chùa, giáo dục tôn giáo, khai hóa và khoa học tự nhiên. Gần 800 năm nay Tây Tạng không có quân đội”.

- “Sao lại không có quân đội được ?”

- “Nhà nước được bảo vệ bằng biện pháp hết sức độc đáo. Lạt ma cao cấp của Tây Tạng có uy tín lớn trên thế giới, đệ tử của họ là người thuộc mọi quốc gia, những người này đều nắm quyền trong nước họ, nên chẳng ai, thậm chí, có ý nghĩ đi xâm chiếm đất nước có thầy mình ở đó. Xin các ngài đừng quên Tây Tạng là thành trì của mọi tín ngưỡng thế giới. Ngay các bậc tiên tri cũng đã tu luyện ở đây. Xin các vị đừng quên rằng, Tây Tạng là nhà nước duy nhất trên thế giới chi lượng tiền chủ yếu của mình cho tôn giáo”.

- “Giờ chỉ biết lấy làm tiếc, đặt hi vọng ở Liên Hợp Quốc, công luận thế giới... Mặc dù nhiều cái đã muộn...”.

- “Hừ...”

- “Vậy đấy, nhưng xin được nói rõ thêm”- vị Lạt ma Bôn-pô đáp,- “Mọi cái đều phụ thuộc vào mức độ phát triển của “con mắt thứ ba”. Những người thuộc các nền văn minh trước đây có “con mắt thứ ba” phát triển cao, nhờ đó, họ có thể điều chỉnh trong không gian nhất định và tác động có hướng lên tâm năng của mình. Đại bộ phận người thuộc nền văn minh của chúng ta có “con mắt thứ ba” kém phát triển, bởi vậy, không thể điều chỉnh năng lượng tâm linh của mình ở người khác. Nhưng có một số người thuộc nền văn minh chúng ta, đặc biệt những đại diện rất cổ xưa có “con mắt thứ ba” phát triển tốt như vậy, họ có thể tạo dựng hàng rào bảo vệ bằng mãnh lực tâm thần”.

- “Tôi hiểu ngài như sau”,- tôi nói,- “thực chất của hàng rào bảo vệ là tác động bằng cách thôi miên người bước vào hang có người xô-ma-chi. Thử hỏi : “Làm sao linh

hồn người đang định biết được có người đang vào hang ?” Xét trên quan điểm của vật lý hiện đại, các trường xoắn của linh hồn lan tỏa ra xung quanh trong một phạm vi rộng. Bởi vậy các trường tương tự của người bước vào trong hang tiếp xúc với trường xoắn của người đang nhập định. Chúng ta cùng nhớ lại rằng các “ý nghĩ tốt đẹp” tháo rời trường xoắn về một phía, còn các ý nghĩ độc ác về phía đối diện. Trên cơ sở đó, hồn người xô-ma-chi có khả năng phân tích ý đồ của người bước vào hang. Xin ngài nhớ lại, Nhi-cô-lai Rê-rích đã bảo rằng, chỉ với những ý nghĩ thiện mới vào được xứ sở Sam-ba-la ! Rằng, chỉ hoàn toàn giải thoát khỏi năng lượng tinh thần tiêu cực, tức các trường xoắn tiêu cực mới có thể nhập định sâu được”.

- “Vâng, đúng như vậy. Xin ngài tiếp tục”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Vây là hồn của người xô-ma-chi, sau khi đã phân tích dụng ý của người bước vào hang quyết định cho hay không cho người đó vào”- tôi nói tiếp,- “Tôi có cảm giác đơn thuần vì tò mò, không có ý đồ độc ác vẫn chưa đủ để được nhận “giấy phép ra vào”. Muốn vào, hình như phải có những lý do xác đáng hơn chẳng hạn như vị cầm quyền Ấn Độ, theo huyền thoại, đã đi cầu xin mưa cho đất nước của mình. Bởi như vậy là phá rối trạng thái bất động của Quỹ gen nhân loại ! Tôi nghĩ, để có được “giấy ra vào” phải nhập định và đối thoại với linh hồn người xô-ma-chi. Chỉ với điều kiện như vậy và trong trường hợp vô cùng cần thiết mới có hy vọng được phép vào động”.

- “Ngài có lý”- vị lạt ma Bôn-pô nói.- “Ngay cả những Người đặc biệt đang bảo vệ những người xô-ma-chi và một hai lần trong tháng vẫn có mặt trong động, trước khi vào động vẫn phải nhập định và xin phép”.

- “Xin hỏi ngài lạt ma Bôn-pô, liệu họ có cho chúng tôi giấy ra vào không ? Bởi động cơ của chúng tôi trong sáng và mục đích thì chẳng kém phần quan trọng : tìm hiểu Quỹ gen nhân loại !”

- “Tôi có ý kiến thế này”- vị lạt ma Bôn-pô cười tủm tỉm,- “trước hết phải học để biết nhập định. Không tốn nhiều thời gian đâu. Còn mục đích của các vị quả thật tuyệt vời : nghiên cứu Quỹ gen nhân loại. Có thể các vị sẽ được nhận giấy ra vào, nhưng theo tôi không có ngay được đâu”.

- “Xin được tiếp tục trình bày dòng suy nghĩ”- tôi nói.- “Giả sử hồn người xô-ma-chi quyết định không cho phép người kia vào và dựng lên bức hàng rào bảo vệ. Bức rào đó là như thế nào ? Bằng cách điều chỉnh sang tần số sóng của linh hồn người đang bước vào, các trường mạnh mẽ của linh hồn người xô-ma-chi tháo rời về phía tiêu cực các thành phần của trường xoắn người này, mà theo tôi chịu trách nhiệm về các tình cảm như sợ hãi, lo âu, bức tức hòng làm người bước vào hết ý muốn vào đó nữa. Xin các ngài nhớ lại là các ý nghĩ độc ác và bệnh tật tác động lên

tâm hồn như nhau : chúng tháo rời trường xoắn về phía tiêu cực. Vì thế người bước vào hang, dù có kiềm chế được cảm giác sợ hãi và lo âu, thì sau đó sẽ cảm thấy đau đớn và nếu linh hồn của người xô-ma-chi làm mạnh người đó sẽ chết. Tôi nghĩ, hàng rào bảo vệ trong hang động hoạt động như vậy đó. Tôi có lý không, thưa ngài ?”

- “Mặc dù chúng ta nói chuyện bằng các ngôn ngữ khác nhau, về mặt khoa học tôi có cảm tưởng ngài nói có lý”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Xin ngài cho biết : người xô-ma-chi có đủ năng lượng tâm thần để đạt tất cả cái đó không ?”

- “Tất nhiên rồi ! Bởi chỉ có những con người có tâm thức vô cùng mạnh mẽ và trong sáng mới nhập xô-ma-chi được”.

- “Tôi xin bổ sung”- tôi nói,- “một người dùng tâm năng của mình thôi miên trong khoảng cách có khả năng ru ngủ 100-500 người. Tôi còn nhớ, ông thầy của chúng tôi, giáo sư sinh lý Pét-rốp-ki đã tiến hành thôi miên trong khoảng cách và đã thôi miên được cả khóa sinh viên gồm 300 người đang ngồi nghe giảng”.

- “Mãnh lực của năng lượng tâm thần lớn lắm”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Như được biết, linh hồn hoạt động là nhờ não xoắn các trường torsion. Tức tiêu hao năng lượng mà não dùng để hoạt động (đường glucô, dưỡng khí, đạm,...). Vậy linh hồn của người xô-ma-chi lấy đâu ra năng lượng, vì não cũng như cả cơ thể ở trạng thái xô-ma-chi không hoạt động cơ mà ?”- tôi hỏi.

- “Xin được hỏi lại ngài”- vị lạt ma Bôn-pô nói.- “Vậy Cõi kia sinh tồn thế nào ? Ở Cõi kia là những linh hồn và thần linh bất tử. Tôi hy vọng ngài không phủ định chứ ?”

- “Tất nhiên là không, thưa ngài”.

- “Các linh hồn và thần linh ở Cõi kia hoạt động nhờ năng lượng nào ? Câu trả lời chỉ có một : nhờ năng lượng vũ trụ. Bởi linh hồn và thần linh là kết quả tiến hóa của vũ trụ, khi từ vũ trụ vĩ mô được tạo ra vũ trụ vi mô là con người”.

- “Vậy là linh hồn những người xô-ma-chi thấm đượm năng lượng vũ trụ”- tôi thốt lên.

- “Vâng”.

- “Thế việc hạn chế mọi người tiếp xúc với các thân thể đang định có ý nghĩa sinh học như thế nào ? Vì sao lại có sự nghiêm minh tuyệt đối như vậy, ngay cả đối với những người có động cơ tốt đẹp ?”

- “Để không làm mất sự tĩnh lặng của những người xô-ma-chi. Nếu sự bất động bị phá vỡ do sự tác động của linh hồn ngoài, thì thân thể người xô-ma-chi sẽ mềm ra”- vị lạt ma Bôn-pô giải thích.

- “Tôi hiểu chuyện đó như thế này”- tôi nói.- “Xét trên quan điểm vật lý học sơ đẳng người xô-ma-chi đạt được trạng thái bất động cứng như đá, như tôi cảm thấy, là nhờ

nước của cơ thể chuyển sang dạng thứ tư, mà muốn làm được việc này chỉ có cách thanh lọc triệt để tâm hồn khỏi tâm năng tiêu cực, tức vặn hoàn toàn và ổn định các trường xoắn của tâm hồn về phía tích cực. Trường xoắn linh hồn người ngoài làm mất thăng bằng quá trình xoắn của trường torsion người xô-ma-chi, thậm chí ngay cả trong trường hợp các trường xoắn này đã được xoắn về phía tích cực. Sự mất cân bằng trong các trường xoắn của người xô-ma-chi có thể làm trạng thái thứ tư (giả định) của nước trong cơ thể bị mất ổn định và tương ứng với đó là thân thể không còn bất động cứng như đá, mà mềm ra. Từ đó có thể giả định : có lẽ ngay cả những Người đặc biệt cũng được chọn sao cho trường xoắn của họ phù hợp với trường của người xô-ma-chi. Đúng vậy không, thưa Thầy ?”

- “Đúng, không phải ai cũng có thể trở thành Người đặc biệt”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.- “Tới cửa hang, những Người đặc biệt tham thiền, nhờ vậy biết được họ có được phép vào hang có người xô-ma-chi hay không”.

- “Ngài nghĩ thế nào, liệu một bầy người mù quáng, căm ghét mọi cái có thể lọt rào bảo vệ lọt vào hang có người thuộc nền văn minh trước đây, có sức mạnh tâm năng to lớn, người Át-lan chẳng hạn ? Bởi tâm năng tiêu cực, mà lại của một đám đông người có thể thắng tâm năng tích cực lắm chứ !”- tôi hỏi.

- “Không chắc, nếu người của nền văn minh trước có tâm năng mạnh mẽ. Số lượng người muốn vào hang xô-ma-chi không có vai trò quyết định. Nhưng nếu tâm linh của người thuộc nền văn minh trước đây không mạnh thì chuyện đó có thể xảy ra lắm. Con người của nền văn minh chúng ta có sức mạnh tâm linh yếu hơn nhiều. Lọt vào chỗ có người của nền văn minh chúng ta đang định chẳng khó mấy, bởi tâm linh của họ không có khả năng tạo hàng rào bảo vệ mạnh mẽ”.

- “Chuyện gì sẽ đến với người xô-ma-chi thuộc nền văn minh trước đây, nếu bầy người điên khùng vượt qua rào chắn xông vào bao vây người đó ?”

- “Người của nền văn minh trước đây hoặc chết vì ảnh hưởng tâm năng tiêu cực hoặc sống lại”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Đúng”- tôi nói,- “các trường torsion bị xoắn tiêu cực hoặc đảo lộn hoàn toàn trạng thái định, kết quả là người đó chết hoặc kích thích xuất định, tạo điều kiện cho người đó sống lại”.

- “Chuyện đó có đấy”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Có tin tức về chuyện vượt rào bảo vệ hang động có người đang định không, thưa ngài ?”

...

- “Ngài nói là, những người cổ xưa nhất (người Lê-mu-ri – Át-lan) được đá che chở. Qua câu chuyện ngày hôm nay, tôi hiểu thân thể xô-ma-chi của họ được những

phiên đá che chắn, vì thế gần như không có khả năng tìm thấy họ trong hang. Ngoài ra, tôi còn nhớ câu nói của ngài “đối với họ đá không phải vật cản”, có thể đặt giả thuyết người Lê-mu-ri – Át-lan có khả năng dùng tâm năng của mình tác động lên lực hấp dẫn và đẩy những tấm đá ra, khi họ xuất định. Còn có cả khả năng là những người cổ đại đó phát triển cao về mặt tâm linh. Họ có thể tạo dựng bức rào chắn tinh thần trước hang. Có đúng vậy không, thưa ngài ?” – tôi hỏi.

- “Đúng, chúng ta đã nói chuyện đó rồi”- vị lạt ma Bôn-pô đáp.

- “Qua những điều vừa nói”- tôi tiếp lời,- “chúng ta có thể đoán có ba cách thức bảo vệ hang động có người xô-ma-chi:

1. Rào chắn tâm năng
2. Rào ngăn bằng đá
3. Có một đường bí mật dẫn vào hang

- “Xin ngài đừng quên một điều”- vị lạt ma Bôn-pô trả lời,- “địa điểm hang có người xô-ma-chi trong đó được giữ kín vô cùng. Về mặt này có sự đóng góp của giới tu hành. Chuyện này chúng ta chỉ nói ngụ ý”.

...

- “Tôi có cảm tưởng”- tôi nói,- “đã đến lúc ít nhiều cần hé mở bí mật về xô-ma-chi để mọi người biết về Quý gen nhân loại. Dĩ nhiên không được kể chi tiết, chỉ địa điểm có hang động, không được nêu tên. Nhưng nếu mọi người biết, trên trái đất có Quý gen nhân loại thì điều đó sẽ có nhiều ý nghĩa. Lúc đó các nước khác có thể tác động mạnh đến Trung Quốc, vì biết nước này đang có ý định gì. Họ đã vượt mặt không nề mũi và xúc phạm các bậc ông tổ và bà tổ của chính họ.

- “Đúng, đúng. Ngài có lý”- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Thưa ngài lạt ma Bôn-pô kính mến, kết thúc câu chuyện dài lê thê của chúng ta, tôi thấy có thể phân ra ba loại hang động có người xô-ma-chi :

1. Động xô-ma-chi có người thuộc nền văn minh chúng ta.
2. Động xô-ma-chi có người thuộc các nền văn minh trước đây, có thể là người Át-lan hoặc người Lê-mu-ri – Át-lan (riêng biệt hoặc cùng chung).
3. Động xô-ma-chi hỗn hợp, bao gồm người thuộc nền văn minh chúng ta và trước đây.

- “Tôi nghĩ”- tôi nói tiếp,- “người nền văn minh chúng ta tìm cách lọt vào hang động xô-ma-chi có người thuộc các nền văn minh trước đây; trong trường hợp này họ được các hàng rào tâm năng bảo vệ chắc chắn. Nhưng hình như không phải lúc nào cũng được như vậy. Các động xô-ma-chi hỗn hợp có giá trị hơn, vì chúng đại

diện cho toàn bộ kho tàng Quĩ gen nhân loại”.

- “Ngài đưa ra một định nghĩa hay đấy: Quĩ gen nhân loại,- vị lạt ma Bôn-pô nói.

- “Cuối cùng xin phép được hỏi ngài một lần nữa. Sam-ba-la là gì vậy, thưa ngài ?”

- “Chúng tôi tin có Sam-ba-la. Đây là xứ sở tâm linh, chỉ có thể đến đó với một tâm thức trong sáng (đã được thanh lọc)”.

- “Chính thế đấy !”,- tôi kêu lên.- “Đến Sam-ba-la chỉ có thể với tâm hồn hoàn toàn thanh bạch. Vào động có Quĩ gen nhân loại, như chúng ta đã nói, cũng chỉ có thể với tâm hồn thanh cao hoàn toàn. Vai trò của Sam-ba-la với loài người như các truyền thuyết và văn tự minh chứng thật lớn lao. Vai trò của Quĩ gen nhân loại thì không còn nghi ngờ gì nữa. Sam-ba-la như được biết, là xứ sở tâm linh. Trong các hang động có Quĩ gen nhân loại toàn bộ vai trò có hiệu lực thuộc các linh hồn mà phần xác của chúng đang được bảo quản. Ngài thấy đấy”- tôi nói,- “từ vài trường hợp trùng hợp có thể dự đoán địa điểm khu trú (đền trong hang động, kim tự tháp) của Quĩ gen nhân loại chính là Sam-ba-la.

Vị lạt ma Bôn-pô nhìn tôi chăm chăm. Im lặng.

- Tôi xin được nói chuyện riêng với ngài”- tôi nói và nhìn vị lạt ma Bôn-pô.

Chúng tôi bước lên và đi vào căn phòng phía sau. Người Mỹ khẽ chạm vai tôi và nói: “Good luck !”.

Tôi và lạt ma Bôn-pô đã nói những gì ? Tôi xin trả lời bằng câu nói của các Người đặc biệt được phép ra vào các động xô-ma-chi : “Cả Chúa Trời, tôi cũng không nói cho biết !”

Chia tay, tôi và lạt ma Bôn-pô ôm nhau. Vê-nhê Ga-pha-rốp khẽ hỏi:

- “Sẽ có thay đổi chứ ?”

Tôi lặng thinh. Người Mỹ hét theo sau :

- Good luck !

Chương 6

Phật là Ai ?

Tại các cửa hàng ở phương Đông lúc nào muốn cũng có thể mua được bức tượng Phật. Giá của chúng rất cao, vì người ngoại quốc nào đến đất nước Phật giáo cũng muốn có vật kỉ niệm là bức tượng Ngài mà được gần như một nửa dân số trái đất tôn sùng.

Thật ngây thơ, nếu tin rằng, các nhà điêu khắc đã truyền đạt chính xác các nét ngoại

hình tiêu biểu của Phật. Tất cả lạ ma mà chúng tôi hỏi về bề ngoài của Phật đều nói rằng, nhiều cái là do các nhà điêu khắc và danh họa đã tự ý tạo ra, ví như đôi dái tai trể xuống.

Trông Phật thế nào ?

Trước khi đi khảo sát qua sách kinh chúng tôi được biết Phật có ngoại hình khác thường. Mãi đến khi tới Nê-pan, gặp sử gia Minh chúng tôi mới được đọc thư tịch cổ xưa mô tả hình dáng bên ngoài của Phật. Phần thư tịch cổ đại mô tả hình dáng bên ngoài của Phật do các lạ ma đưa cho chúng tôi khớp với phần mô tả mà ngài Minh đã cho chúng tôi xem. Đối chiếu các nguồn tư liệu thu được chúng tôi thấy cùng một kiểu mô tả, như vậy là có thể tin được.

Theo nguồn tư liệu cổ xưa, Phật có 32 dấu hiệu đặc trưng cho ngoại hình của Ngài. Thiết nghĩ, độc giả cũng quan tâm muốn biết.

1. Chân và tay Phật được đánh dấu bởi một nghìn bánh xe có nan hoa.
2. Bàn chân Phật giống chân rùa. Chúng mềm mại, phẳng, và đầy đặn.
3. Các ngón chân và ngón tay dính với nhau bằng màng, kéo tới giữa ngón. Chân và tay giống chân vịt
4. Thịt da tay và chân của Phật mềm mại và trẻ trung.
5. Thân thể Phật có bảy chỗ lồi và 5 chỗ lõm. Hai chỗ lõm ở nơi hai mắt cá, hai trên vai và một sau đầu.
6. Ngón chân và tay Phật rất dài.
7. Gót chân Phật to (1/4 fut)
8. Thân hình Phật lực lưỡng và cân đối, được tính bằng bảy thước khối và gập được.
9. Phật không có mu bàn chân.
10. Mỗi sợi lông trên thân thể Phật mọc hướng lên trên.
11. Mắt cá chân Phật giống loài sơn dương.
12. Hai tay Phật dài tới tận đầu gối và đẹp.
13. Bộ phận nam giới của Phật ẩn kín tựa như của con ngựa, không thể nhìn thấy.
14. Da Phật có màu vàng ánh. Gọi là vàng , không phải vì màu, mà bởi tinh khiết tuyệt đối.
15. Da Phật mỏng, nhẵn nhụi.
16. Mỗi phần cơ thể Phật có một sợi lông mọc phía phải.
17. Trán Phật được xoắn tóc tô điểm, tóc có sáu đặc điểm : mượt, trắng, dễ chải, có thể duỗi dài, uốn từ phải sang trái, đuôi tóc chổng lên trên. Chúng lóng lánh như bạc, kiểu tóc có hình trái Am-ba-la
18. Phần thân trên của Phật giống sư tử
19. Phần trên vai của Phật tròn và đầu đặn.

20. Ngực Phật nở nang. Phần ngực giữa hai vai thẳng.
21. Phật có thể cảm nhận mùi vị thượng hảo hạng, vì lưỡi ngài không mắc các chứng bệnh : nhầy và vàng lưỡi... Có lần một người mời Phật miếng thịt ngựa có vị rất khó chịu. Phật đặt miếng đó vào lưỡi mình và sau đó đưa lại cho người kia. Miếng thịt lúc này như sơn hào hải vị.
22. Thân thể Phật trông giống như cây TA-đrô-ta có bộ rễ, thân và cành cùng một kích thước.
23. Đầu Phật có một chỗ nhô lên hình tròn, tựa như vòng xoắn ốc theo chiều kim đồng hồ.
24. Phật có cái lưỡi dài và đẹp có thể với tới tóc và tai. Lưỡi có màu đỏ như màu hoa Ut-pa-la.
25. Ngôn từ của Phật có năm ưu điểm : mọi người dễ hiểu, từ nào cũng có một ngữ điệu, ngôn từ sâu sắc và bổ ích đối với mọi người, tiếng nói nghe êm tai và hấp dẫn sâu xa, ngôn từ phát ra theo một trật tự đúng đắn, trong sáng và không có lỗi.
26. Hai má Phật tròn trịa và đầy đặn. Đường viền quanh chúng tựa như tấm gương pháp bảo.
27. Răng Phật rất trắng. 28 Răng của Phật có độ dài như nhau.
29. Giữa các răng của Phật không có khe.
30. Phật có 40 chiếc răng.
31. Hai mắt Phật có màu xanh da trời, sâu đậm như ngọc lam.
32. Lông màu Phật thẳng và quanh đặng như của “con bò đang thềm muôn”.

Phật và người có hình hai mắt trên các đền chùa Tây Tạng

Qua bảng so sánh trên đây, ta thấy hình hài người được tái tạo, dựa trên con mắt có hình vẽ trên các đền chùa Tây Tạng, có nhiều điểm trùng với hình dáng Phật. Đặc điểm thân thể của cả hai, chúng tỏ họ đã từng có cuộc sống vừa trên cạn vừa dưới nước : hai chân giống chân nhái, hai tay có màng, mí trên có khúc lượn che mắt, khi ở dưới nước, lồng ngực nở nang, cần thiết cho việc ngụp lặn kếp dài, cơ gáy mạnh mẽ cần thiết để nâng đỡ đầu khi bơi lội, mũi có hình van , ...

Đối chiếu xong, chúng tôi cảm thấy thỏa mãn, bởi dựa vào hình hai con mắt có sử dụng phương pháp phân tích hình học nhân khoa và giải phẫu học logic, chúng tôi hoàn toàn độc lập đã tái tạo được hình ảnh con người về đại thể giống Phật.

Mặt khác, không được bỏ qua những nét khác biệt giữa hình hài Phật và hình ảnh người được tái tạo dựa trên cơ sở hai con mắt. Trước hết Phật không có cái mũi hình van như cái vòng xoáy. Đặc điểm nguyên bản này (hình vẽ hai con mắt và mũi trên các đền chùa Tây Tạng) khá đích xác và trong các đặc điểm ngoại hình Phật không

thấy nêu dấu hiệu đáng lưu ý này. Ngoài ra trong số các dấu hiệu đặc biệt của Phật cũng không thấy nói đến đường lượn của mí mắt trên.

Từ đó suy ra, hai con mắt trên các đền chùa Tây Tạng không phải của Phật, mà của một người cũng có ngoại hình khác thường. Vậy người đó là ai ? Chúng ta hãy nhớ lại câu trả lời của Lạt ma Bôn-pô : “Đó là đôi mắt của người cổ xưa hơn Đức Phật”. Có thể đó là mắt của Phật Bôn-pô - Đức Phật đầu tiên trên Trái Đất chăng ? Tuy nhiên, khi so sánh các nét đặc trưng của Phật và người có hình con mắt trên các đền chùa Tây Tạng với những nét ngoại hình của người ngày nay, có thể nói : cả vị này lẫn vị kia đều không phải đại diện loài người thuộc nền văn minh chúng ta. Các nguồn sử liệu cho biết : hình hài cổ nhân xa xưa nhất của nền văn minh chúng ta không khác mấy so với người hiện đại. Màng chân như chân nhái, đôi mắt to tướng, với đường lượn khác thường của hai mí mắt và nhất là cái mũi hình van có vòng xoắn ốc hoàn toàn không đặc trưng cho người của nền văn minh chúng ta sinh sống ở bất cứ vùng nào của trái đất.

Những người của nền văn minh chúng ta sống ven biển, sử dụng sản phẩm biển, nhưng không ai sống vừa trên cạn vừa dưới nước và không canh tác dưới nước. Có thể họ là người ngoài hành tinh chăng ? Nhưng đây là vấn đề còn quá nhiều tranh cãi, bởi vậy, thảo luận đề tài này trên quan điểm khoa học ít ra thì cũng còn sớm. Logic hơn cả là giả định Phật và con người có con mắt được vẽ trên các đền chùa Tây Tạng và là đại diện loài người của các nền văn minh trước đây xuất thân từ Quỹ gen nhân loại. Giả thuyết này, trọng thị mọi điểm được trình bày trong cuốn sách này, có nhiều cơ sở hơn những phỏng đoán tào lao về người ngoài hành tinh.

Song họ là ai - Phật và người có hình hài được tái tạo dựa vào con mắt được vẽ trên các đền chùa Tây Tạng ấy ? Họ xuất định hay được sinh ra từ bụng mẹ ? Để có điều giải đáp cho điều thắc mắc này, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu tỉ mỉ lai lịch Phật ra đời. Về con người có hai mắt được vẽ trên các đền chùa Tây Tạng chỉ có những thông tin rời rạc.

Nghiên cứu lai lịch Phật, chúng tôi hiểu ngay là, vấn đề này vô cùng rối rắm. Thật khó hiểu ai là thân sinh của Ngài và liệu Ngài có thân sinh hay không ? Chẳng hạn về chuyện này, ngài Minh nói như sau : “Đức Phật được sinh ra trên Trái đất và đã hấp thụ trong mình nhiều cuộc hôn nhân đã qua. Ngài cao, rất đẹp, và thông thạo các kinh nghiệm cổ xưa, nhận thức rõ ràng những gì đang xảy ra trên Trái đất”. Nhà sử học, ngài Prát-khan, thì nói : “Đức Phật do vua Ta-ru và Đức mẹ đồng trinh sinh ra tại địa điểm Lum-bi-nhi (Nê-pan) trong nước hồ”.

Các thông tin khác về sự ra đời của Phật đều kiểu như vậy : “thụ thai trong trắng”, “sự ra đời có tính chất tâm linh”, v.v...

Nghĩa là không thể nói điều gì cụ thể về cha và mẹ của Ngài. Chỉ có một ý (của ngài Prát-khan) nói rằng, cha của Phật là vị vua bộ lạc Ta-ru.

Bộ lạc Ta-ru

Những người Ta-ru là ai ? Đang thu thập thông tin về bộ lạc người Ta-ru thì chúng tôi gặp Vla-đi-mia Pháp-lô-vích I-van-nốp, lãnh đạo trung tâm văn hóa Nga ở Cát-man-đu. Ông kể rằng, cách không xa địa điểm Lum-bi-nhi, nơi sinh của Đức Phật đúng là có những người tự xưng là Ta-ru. Ông đưa chúng tôi đến chỗ những người biết lai lịch bộ lạc Ta-ru.

...

V.P. I-va-nốp đã giúp tìm người đại diện của bộ lạc đó- học giả- giáo sư duy nhất của người Ta-ru. Chúng tôi đã thất vọng biết bao, khi tưởng sẽ được trông thấy những nét đặc biệt, thì lại gặp một người phương Đông điển hình, với ngoại hình bình thường. Mặc dù vậy, hai người trong đoàn thám hiểm vẫn đến Lum-bi-nhi, tìm ra bản làng của bộ lạc Ta-ru, tiến hành khảo sát giải phẫu học và khẳng định dứt điểm là người Ta-ru có ngoại hình bình thường.

Câu chuyện về bộ lạc Ta-ru làm chúng tôi tốn nhiều thời gian và tiền bạc, là bài học tốt cho chúng tôi. Một khi người đối thoại chẳng có chức sắc tôn giáo gì, chẳng phải học giả đúng đắn biết được vấn đề bạn đang quan tâm, người đó sẽ cố nói về chuyện đó thật thuyết phục. Thế là bạn cứ tưởng các phỏng đoán của mình đã được thực tế khẳng định. Tiếp đến là cảm giác mọi chuyện thật dễ dàng : bạn phỏng đoán điều nào cũng đúng. Và cuối cùng là sự thất vọng chua chát và hối tiếc để mất nhiều thời gian và tiền bạc. Song con đường khoa học là như vậy ...

...

Khác những lần trò chuyện với các đạo sư, Lạt ma, và các học giả lớn, trong các buổi tọa đàm như vậy, ít khi nghe thấy : “có thể...”, “tôi không biết...”, “không, không phải thế...”.

Trong thế giới phương Đông, đạo sư, Lạt ma có tầm quan trọng lớn. Họ chẳng cần gì phải trở tài trước học giả nước ngoài hoặc lấy lòng bằng một thông tin giật gân. Trước sự quan tâm tới khoa học của người Âu, họ có thái độ mỉa mai của bè trên xen lẫn sự tò mò chính đáng. Nền giáo dục tín ngưỡng phương Đông hình như dạy họ thái độ thành kính sâu sắc đối với các kinh nghiệm tôn giáo cổ xưa, mà họ có nghĩa vụ bảo toàn và phát triển, thêm thất ý riêng của bản thân bị coi là tội lớn. Bất kỳ đạo sư, Lạt ma nào trong trường hợp cảm thấy không thật tin vào sự hiểu biết của mình đều sẽ

điềm đạm nói : “Tôi không nhớ...” và giới thiệu đến gặp nhà hoạt động tôn giáo khác, mà theo họ, hiểu biết nhiều hơn về lĩnh vực đó. Học giả Ấn Độ và Nê-pan cũng được giáo dục theo tinh thần này, vì họ rất sùng đạo và những thông tin họ cung cấp có thể tin được.

Đức Phật, ngài là ai ?

Trong các công trình nghiên cứu khoa học mang tính tôn giáo thường sử dụng sách báo khoa học thường thức tiếng Nga hoặc tiếng Anh. Sách báo đó thường do những người có tâm thần (đu-sa) đặc biệt viết, những điều “nhìn thấy” trong trạng thái bị thôi miên, họ cho là chân lý tuyệt đối. Tiếc thay những người tham thiền và rơi vào trạng thái phấn chấn cao độ chỉ “nhìn thấy” mỗi một cái mà lại ở các bình diện rất khác nhau, dựa vào các dữ liệu đó rất không chắc chắn. Suy xét như vậy, chúng tôi đã cố gắng dựa vào tư liệu của các bản kinh gốc và trước tác của E-lê-na Bờ-la-vát-cai-a người mà ở phương Đông được thừa nhận là Bậc được bí truyền.

Trở lại nghiên cứu Đức Phật, dấu sao vẫn có thể kết luận chuyện ngài có mẹ và cha (người Ta-ru) khá là không chắc chắn, còn ý kiến cho rằng, dân thuộc bộ lạc Ta-ru là những người kẻ tọc Đức Phật chắc gì đã là như vậy. Còn nếu dựa vào những hiểu biết của chúng ta về xô-ma-chi và ngoại hình khác thường của Phật, thì không thể loại trừ khả năng Phật đã xuất định từ dưới nước tại một cái hồ gần địa điểm Lum-bi-nhi hoặc Ngài đã ở trên núi gần đó xuống, sau khi đã nhập định trong động. Chúng tôi cho cách lý giải thứ hai đúng hơn, bởi trong tất cả các truyền thuyết về Đức Phật đều có chi tiết khi đã lớn người bắt đầu nhịn ăn, gầy đi và bỏ vào rừng sâu, khi từ đó về với mọi người, Ngài đẹp và khác trước. Không loại trừ khả năng đó hoàn toàn là một người khác, còn mọi câu chuyện về thụ thai trinh bạch đều là bịa đặt.

Như chúng tôi đã nêu (lạt ma Bôn-pô) trong thời gian 30 000 năm hiện tại trên Trái đất sẽ phải xuất hiện 1002 Phật.

...

Những điều E.P. Bờ-la-vát-cai-a viết về các Đức Phật có thể hiểu theo nhiều cách. Một chi tiết đáng lưu ý là các Đức Phật được gọi là “các nhà Thông Thái lịch sử”, ở một đoạn khác (trang 440), E.P. Bờ-la-vát-cai-a viết “Các môn đồ nhiệt thành hay những người Thông Thái của chủng tộc thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm cư trú ở dưới đất...”. Các khái niệm “các nhà Thông thái lịch sử” và “những người Thông Thái” có lẽ đồng nghĩa. Vậy từ “các môn đồ” cũng đồng nghĩa. Các môn đồ đó là ai ? Trong câu chuyện với các vị lạt ma và đạo sư, chúng tôi hiểu môn đồ là những người sống hàng trăm, hàng nghìn năm và lâu hơn thế trong trạng thái định và định kỳ lại trở lại đời sống bình thường.

Từ đó suy ra : vị Phật cuối cùng (và có lẽ cả các vị Phật khác) là môn đồ nhiệt thành đã xuất hiện trên trái đất sau khi xuất định trong Quĩ gen nhân loại. Câu nói của E.P. Bờ-la-vát-cai-a : “...Một nhóm gồm chín mươi bảy Phật và năm mươi ba ở nhóm khác...” – có thể hiểu như trên.

Chuyện Phật có ngoại hình khác thường có thể lý giải Ngài là môn đồ người Át-lan hoặc môn đồ người Lê-mu-ri (chúng ta cùng nhớ lại câu nói của E.P. Bờ-la-vát-cai-a : “Các môn đồ hay các nhà Thông Thái của chủng tộc thứ Ba, thứ Tu và thứ Năm...”). Khối kinh nghiệm to lớn của vị Phật cuối cùng, mà trong đời sống trần thế, không có ai dạy Ngài, có thể cắt nghĩa do Ngài đã am hiểu kinh nghiệm của nền văn minh người Át-lan và người Lê-mu-ri.

...

Cuối cùng E.P. Bờ-la-vát-cai-a gần như nói thẳng Phật là đại diện của chủng tộc thứ Tu, tức Ngài là người Át-lan (trang 280, 281) : “... những đường nét và kiểu tính cách được cho là của những vị khổng lồ của chủng tộc thứ Tu... các vị Phật đó, mặc dù đã bị đôi tai dài trĩ xuống, cách vẽ tượng trưng làm biến dạng...”.

Mặt khác, không loại trừ những câu nói của E.P. Bờ-la-vát-cai-a có thể được diễn giải hoàn toàn khác và ý kiến cho rằng, logic của chúng tôi yếu hoặc chúng tôi xuyên tạc các sự kiện. Nhưng tất cả các nhà hoạt động tôn giáo ở phương Đông đều biết về các môn đồ nhiệt thành và thậm chí, như họ nói, vẫn gặp gỡ họ. Sự thật về sự hiện hữu hiện tượng xô-ma-chi ở phương Đông khó bác bỏ. Phật có ngoại hình khác biệt cơ bản để thích nghi với đời sống vừa trên cạn vừa dưới nước. Phật nắm một lượng kinh nghiệm to lớn... và v.v... Dù vậy vẫn có một lượng thông tin kha khá cho thấy rằng, logic mô tả trên đây có thể tồn tại dưới dạng giả thuyết.

Nhưng nếu chúng tôi lấy giả thuyết đó làm cơ sở, thì cũng phải lấy giả thuyết về sự tồn tại Quĩ gen nhân loại làm nền tảng. Liệu cái đó có tồn tại thật không ? Chẳng nhẽ song song với chúng ta dưới mặt đất và dưới nước còn có thế giới của những người thuộc các nền văn minh khác nhau ở trạng thái định ? Nhẽ nào Phật đã từ dưới đó đi lên mặt đất ra mắt dân chúng ?

Tổng kết phần nghiên cứu trình bày trong chương này, chúng tôi cố gắng có một kết luận sơ bộ trả lời câu hỏi : Vị Phật cuối cùng và người có con mắt được vẽ trên các đèn chùa Tây Tạng là ai ?

Kết quả phân tích ngoại hình của hai vị cho phép nhận định : vị Phật cuối cùng ở giữa

người hiện đại và người có hình hai con mắt trên các đền chùa Tây Tạng. Có cả sự thay đổi liên quan tới quá trình chuyển từ đời sống nửa trên cạn nửa dưới nước lên sống trên cạn : thay vì cái mũi hình van (như lỗ thở của loài cá heo) là cái mũi bình thường, không còn mang. Ngoài ra, trong sách của E.P. Bờ-la-vát-cai-a viết rằng : sống trong những căn nhà dưới đất có các môn đồ của chủng tộc thứ Ba (người Lê-mu-ri), chủng tộc thứ Tư (người Át-lan) và chủng tộc thứ Năm (nền văn minh của chúng ta).

Xuất phát từ các nhận định trên, có thể phỏng đoán vị Phật cuối cùng là người Át-lan, còn người có hình vẽ hai con mắt trên các đền chùa Tây Tạng là người Lê-mu-ri hoặc Lê-mu-ri – Át-lan.